

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
**KHOA KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH**



**LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP**

**ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN**  
**KHOẢN MỤC CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH**  
**KIỂM TOÁN MỸ - CHI NHÁNH CẦN THƠ**



*Giảng viên hướng dẫn:*  
**TH.S LÊ PHƯỚC HƯƠNG**

*Sinh viên thực hiện:*  
**VÕ QUANG MINH**  
Mã số SV: 4104298  
Lớp: Kiểm Toán 2 - Khóa 36  
(KT1041A2)

**Cần Thơ – 2013**

**LỜI CẢM TẠ**

*Kính thưa Quý Thầy Cô!*

Sau thời gian nghiên cứu, gắn bó học tập tại trường Đại học Cần Thơ dưới sự dẫn dắt của giảng viên trường, em nhận được nhiều kiến thức quý báu trong chuyên ngành và ngoài cuộc sống, đó là hành trang đầu tiên khi em ra trường bước vào đời. Và nhân dịp này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý Thầy, Cô trường Đại học Cần Thơ. Đặc biệt là GVHD\_Th.S Lê Phước Hương, người trực tiếp hướng dẫn, cô luôn tận tình giúp đỡ, sửa chữa lỗi để em hoàn thành đề tài luận văn tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn Quý lãnh đạo Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ, các Anh/Chị trong Công ty đã nhiệt tình giúp đỡ trong suốt quá trình thực tập tại Công ty, đã giúp em biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến các Anh/Chị khóa trước và các bạn trong nhóm thực tập tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ đã đóng góp những ý kiến bổ ích trong thời gian em thực hiện đề tài.

Do hạn chế về kiến thức cũng như thời gian, đề tài không tránh khỏi sai sót, hạn chế. Vì vậy, em kính mong sự góp ý quý báu từ Quý Thầy Cô, Anh/Chị tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ để đề tài luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Cuối lời, em xin kính chúc Quý Thầy Cô trường Đại học Cần Thơ, Quý Anh/Chị làm việc tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ dồi dào sức khỏe, thành công trong công tác và cuộc sống. Chúc Công Ty TNHH Kiểm Toán Mỹ ngày phát triển, lớn mạnh, thịnh vượng trong tương lai.

Xin chân thành cảm ơn!

Cần Thơ, ngày ..... tháng .... năm 2013

**Sinh viên thực hiện**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Võ Quang Minh**

**LỜI CAM ĐOAN**

---

Tôi cam đoan rằng đề tài này là do chính tôi thực hiện, các số liệu thu thập và kết quả phân tích trong đề tài là trung thực, đề tài không trùng với bất kỳ đề tài nghiên cứu khoa học nào.

Cần Thơ, ngày ..... tháng .... năm 2013

**Sinh viên thực hiện**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

***Võ Quang Minh***

## NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ xác nhận em Võ Quang Minh có đến Công ty thực tập.

Trong thời gian thực tập tại Công ty, em đã thực hiện và chấp hành tốt các quy định của Công ty. Vì thời gian thực tập ngắn và lịch thực tập năm nay kết thúc ngay trong mùa kiểm toán nên có phần nào hạn chế nhất định trong việc hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp của em.

Tuy nhiên, em đã cố gắng tìm hiểu và nghiên cứu tài liệu thực tế và được phân công tham gia thực tập quá trình kiểm toán tại vài khách hàng vừa và nhỏ, cũng như học hỏi kinh nghiệm từ các anh chị kiểm toán viên trong Công ty để hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp.

Công ty chân thành cảm ơn Trường ĐH Cần Thơ, Các giáo viên Khoa Kế toán kiểm toán, giáo viên hướng dẫn và em Võ Quang Minh đã phối hợp với Công ty trong vấn đề thực tập.

Cần Thơ, Ngày 04 tháng 05 năm 2013

CÔNG TY TNHH

KIỂM TOÁN MỸ

Phó Tổng Giám đốc



Quách Ngọc Thủy

**BẢN NHẬN XÉT LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên người nhận xét: **LÊ PHƯỚC HƯƠNG** Học vị: **Thạc sĩ**

Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán

Nhiệm vụ trong Hội đồng: **Cán bộ hướng dẫn**

Cơ quan công tác: Khoa Kinh tế - QTKD, Đại học Cần Thơ

Tên sinh viên: **VÕ QUANG MINH**

MSSV: **4104298**

Lớp: Kiểm toán 2 – K36 (KT1041A2)

Tên đề tài: Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Chi nhánh Cần Thơ

Cơ sở đào tạo: Khoa Kinh tế - QTKD, Đại học Cần Thơ

**NỘI DUNG NHẬN XÉT**

**1. Tính phù hợp của đề tài với chuyên ngành đào tạo:** .....

.....

**2. Hình thức trình bày:** .....

.....

**3. Ý nghĩa khoa học, thực tiễn và tính cấp thiết của đề tài:** .....

.....

**4. Độ tin cậy của số liệu và tính hiện đại của luận văn:** .....

.....

**5. Nội dung và kết quả đạt được (Theo mục tiêu nghiên cứu)**

.....

.....

**6. Các nhận xét khác:** .....

.....

.....

**7. Kết luận:** .....

.....

.....

Cần Thơ, ngày ..... tháng ..... năm 2013

**NGƯỜI NHẬN XÉT**

*Th.S Lê Phước Hương*



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU.....</b>	<b>1</b>
1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU .....	1
1.1.1 Sự cần thiết nghiên cứu .....	1
1.1.2 Căn cứ khoa học thực tiễn .....	2
1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU .....	2
1.2.1. Mục tiêu chung .....	2
1.2.2. Mục tiêu cụ thể .....	2
1.3. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU .....	3
1.4. PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	3
1.4.1. Phạm vi không gian .....	3
1.4.2. Phạm vi thời gian.....	3
1.4.3. Đối tượng nghiên cứu .....	3
1.5. LƯỢC KHẢO TÀI LIỆU .....	4
<b>CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b> <b>.....</b>	<b>5</b>
2.1. PHƯƠNG PHÁP LUẬN .....	5
2.1.1. Khái quát kiểm toán.....	5
2.1.2 Một số khái niệm liên quan trong kiểm toán .....	6
2.1.3. Khái quát khoản mục chi phí .....	10
2.1.4. Quy trình kiểm toán khoản mục chi phí .....	15
2.1.5. Một số gian lận, sai sót có thể xảy ra khi kiểm toán các khoản mục chi phí .....	20
2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU .....	21
2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu .....	21
2.2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu.....	22
<b>CHƯƠNG 3: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN</b> <b>MỸ .....</b>	<b>23</b>
3.1. GIỚI THIỆU CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ .....	23
3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển .....	23

3.1.2. Cơ cấu tổ chức .....	24
3.1.3. Mục tiêu, nguyên tắc, phương hướng hoạt động của Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ.....	25
3.1.4. Những dịch vụ Công ty cung cấp .....	26
3.1.5. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ	26
3.1.6. Kết quả hoạt động kinh doanh của AA – Chi nhánh Cần Thơ trong những năm gần đây.....	27
3.1.7. Những thuận lợi, khó khăn của Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ .....	29
<b>3.2. KHÁI QUÁT QUY TRÌNH KIỂM TOÁN BCTC CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ .....</b>	<b>31</b>
3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán .....	31
3.2.2. Thực hiện kiểm toán .....	36
3.2.3. Hoàn thành kiểm toán.....	37
<b>3.3. KHÁI QUÁT CHUNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN CHI PHÍ ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ .....</b>	<b>38</b>
3.3.1. Tìm hiểu HTKSNB .....	38
3.3.2. Đánh giá rủi ro kiểm soát.....	39
3.3.3. Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát .....	39
3.3.4. Thử nghiệm cơ bản .....	40
<b>CHƯƠNG 4: QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC CHI PHÍ ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ABC .....</b>	<b>41</b>
4.1. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN.....	41
4.1.1. Tiếp nhận khách hàng.....	41
4.1.2. Lập kế hoạch kiểm toán.....	49
4.1.3. Tìm hiểu HTKSNB và đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát .....	51
4.1.4. Xác lập mức trọng yếu.....	55
4.2. GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN KIỂM TOÁN .....	57
4.2.1. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát và đánh giá lại rủi ro kiểm soát .....	57
4.2.2. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản.....	60
4.3. GIAI ĐOẠN HOÀN THÀNH KIỂM TOÁN .....	82
<b>CHƯƠNG 5: ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC CHI PHÍ VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH.....</b>	<b>84</b>



5.1. ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC CHI PHÍ CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ .....	84
5.1.1. Về ưu điểm.....	84
5.1.2. Về nhược điểm.....	86
5.2. SO SÁNH QUY TRÌNH KIỂM TOÁN GIỮA LÝ THUYẾT VÀ THỰC TẾ ĐANG ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY .....	88
5.2.1. Giống nhau.....	88
5.2.2. Khác nhau .....	88
5.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ.....	89
5.3.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán .....	89
5.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán .....	90
5.3.3. Giai đoạn hoàn thành kiểm toán .....	92
<b>CHƯƠNG 6: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>93</b>
6.1. KẾT LUẬN.....	93
6.2. KIẾN NGHỊ.....	93
6.2.1. Đối với Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.....	93
6.2.2. Đối với đơn vị được kiểm toán.....	94
6.2.3. Đối với Nhà nước và Hội KTV hành nghề Việt Nam.....	95
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>96</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>97</b>
Phụ lục 1. Chương trình kiểm toán.....	97
Phụ lục 2. Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ..	145

**DANH MỤC BẢNG**

	Trang
Bảng 2.1. Bảng ma trận xác định rủi ro phát hiện .....	8
Bảng 3.1. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Chi nhánh Cần Thơ.....	27
Bảng 4.1. Bảng câu hỏi tìm hiểu HTKSNB.....	51
Bảng 4.2. Bảng tính mức trọng yếu tại Công ty Cổ phần ABC .....	56
Bảng 4.3. Bảng bảng phân bổ mức trọng yếu cho từng khoản mục chi phí .....	56
Bảng 4.4. Bảng phân tích biến động chi phí năm 2012 so với năm 2011 .....	62
Bảng 4.5. Bảng phân tích biến động chi phí hoạt động trên doanh thu thuần giai đoạn 2011-2012 .....	67
Bảng 4.6. Bảng phân tích biến động tỷ lệ lãi gộp giai đoạn năm 2011 – 2012..	69
Bảng 4.7. Bảng tổng hợp đối chiếu giữa sổ sách với báo cáo của khoản mục chi phí năm 2011 và 2012.....	71
Bảng 4.8. Bảng ước tính chi phí lãi vay trong năm 2012 .....	74
Bảng 4.9. Bảng kiểm tra giá xuất trong năm 2012 .....	76
Bảng 4.10. Bảng kê chứng từ chi phí bán hàng trước và sau 10 ngày kết thúc niên độ kế toán năm 2012 .....	75
Bảng 4.11. Bảng kê chứng từ chi phí quản lý doanh nghiệp trước và sau 10 ngày kết thúc niên độ kế toán năm 2012 .....	79
Bảng 4.12. Bảng tổng hợp các sai sót.....	82

**DANH MỤC HÌNH**

	Trang
Hình 3.1. Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.....	24
Hình 3.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2010 – 2012.....	28
Hình 4.1. Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần ABC.....	42
Hình 4.2. So sánh các khoản mục chi phí qua năm 2011 – 2012.....	64

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

AA	Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ
BCKQHĐKD	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CĐKT	Cân đối kế toán
CP	Cổ phần
DTT	Doanh thu thuần
Đvt	Đơn vị tính
HĐQT	Hội đồng quản trị
HTK	Hàng tồn kho
HTKSNB	Hệ thống kiểm soát nội bộ
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
KQHĐKD	Kết quả hoạt động kinh doanh
KSNB	Kiểm soát nội bộ
KTV	Kiểm toán viên
QTKD	Quản trị kinh doanh
SDĐK	Số dư đầu kỳ
SPS	Số phát sinh
TK	Tài khoản
TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
VACPA	Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam

## **CHƯƠNG 1**

### **GIỚI THIỆU**

#### **1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

##### **1.1.1 Sự cần thiết nghiên cứu**

Nền kinh tế Việt Nam đã và đang phát triển theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, dần hội nhập với nền kinh tế trên thế giới, dẫn đến ngày càng nhiều các công ty, doanh nghiệp được thành lập và đi vào hoạt động đa dạng về lĩnh vực, loại hình,... làm cho nền kinh tế nước ta có nhiều chuyên biến sâu sắc. Đó cũng chính là nguyên nhân tại sao Báo cáo tài chính (báo cáo tổng hợp và thuyết minh tình hình kinh tế tài chính của đơn vị) ngày càng được sử dụng rộng rãi cho hoạt động kinh doanh, cho các nhà quản lý đưa ra quyết định, cổ đông, đặc biệt là các nhà đầu tư, cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó cần một cơ quan hoạt động độc lập xác định tính trung thực, minh bạch, hợp lý các số liệu, sổ sách của báo cáo chính vì xu hướng các công ty, doanh nghiệp làm tốt đẹp báo cáo tài chính của mình để thu hút đầu tư theo đó là nhiều rủi ro cho bên có nhu cầu sử dụng.

Chính vì điều đó, thúc đẩy sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của các công ty kiểm toán độc lập. Bằng năng lực và sự độc lập của mình, công ty kiểm toán đã dần khẳng định vị trí của mình và đã góp phần vào công việc quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính, làm lành mạnh các mối quan hệ kinh tế, nâng cao chất lượng hoạt động của các chủ thể kinh tế. Chính vì thế hoạt động kiểm toán cũng là công cụ quản lý kinh tế và là bộ phận tất yếu không thể không có trong nền kinh tế hiện nay và sau này.

Báo cáo tài chính được tổng hợp từ nhiều khoản mục khác nhau, và những khoản mục lại nhận được sự quan tâm khác nhau tùy vào yêu cầu người sử dụng. Nhưng tất cả các khoản mục lại có tầm ảnh hưởng trọng yếu đến việc đưa ra ý kiến của Kiểm toán viên trên báo cáo kiểm toán. Riêng khoản mục chi phí là khoản mục ảnh hưởng đến lợi nhuận, mà lợi nhuận chính là điểm nhắm của các nhà đầu tư mới, hầu hết các công ty doanh nghiệp đều muốn kiểm soát chi phí ở mức thấp nhất, có thể để che mắt nhà đầu tư cũ là mình sử dụng nguồn vốn đầu

## ***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

từ đó một cách hiệu quả, hợp lý,... nhằm thu hút thêm nhiều nhà đầu tư khác. Nhìn vào khoản mục chi phí trên Bảng KQHĐKD người ta phần nào có thể đánh giá sự quản lý và sử dụng chi phí có hiệu quả không, so với doanh thu và lợi nhuận đạt được. Chính vì vậy, kiểm toán khoản mục chi phí mang tính cần thiết, giúp nhà đầu tư có quyết định đúng đắn hơn.

Nhận thức được tầm quan trọng của khoản mục chi phí là khoản mục nhạy cảm, rất dễ gian lận và sai sót. Và những lý do trên, đó là cơ sở để em chọn đề tài ***“Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

### **1.1.2 Căn cứ khoa học thực tiễn**

Đề tài được thực hiện qua quá trình học tập, nghiên cứu về kiểm toán và quy trình kiểm toán trên lý thuyết tại trường Đại Học Cần Thơ, quy trình kiểm toán thực tế tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ - Chi nhánh Cần Thơ.

Quá trình đi kiểm toán thực tế tại công ty khách hàng của Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ - Chi nhánh Cần Thơ.

Dựa trên Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 về Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Dựa trên các chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực kế toán hiện hành và các thông tư hướng dẫn thi hành chế độ kế toán liên quan của Bộ Tài Chính.

Các văn bản quy định, văn bản hướng dẫn có hiệu lực liên quan được ban hành bởi Cơ quan có thẩm quyền.

## **1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

### **1.2.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu chung của đề tài là tìm hiểu và đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ được áp dụng thực tế. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục chi phí nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán.

### **1.2.2. Mục tiêu cụ thể**

Để đạt được mục tiêu chung ở trên, đề tài tiến hành đi sâu vào nghiên cứu các mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu 1: Tìm hiểu quy trình kiểm toán khoản mục chi phí và thực hiện kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ.

## **Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

Mục tiêu 2: Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ qua quá trình kiểm toán thực tế.

Mục tiêu 3: Đề ra giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ.

### **1.3. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU**

Những câu hỏi được đặt ra và cần giải quyết trong nội dung để đạt được mục tiêu nghiên cứu:

Quy trình kiểm toán chi phí cho khoản mục chi phí thực tế của Công ty khách hàng được thực hiện như thế nào?

Sự giống và khác nhau gì giữa quy trình kiểm toán thực tế với quy trình kiểm toán trên lý thuyết đã được học tập, nghiên cứu?

Những ưu điểm và nhược điểm gì trong quy trình kiểm toán khoản mục chi phí của Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ?

Từ những ưu điểm và nhược điểm trên, thì cần những giải pháp nào để phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế đó giúp quy trình kiểm toán khoản mục chi phí được hoàn thiện hơn?

### **1.4. PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

#### **1.4.1. Phạm vi không gian**

Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ - Chi nhánh Cần Thơ. Địa chỉ tại số 81, đường Châu Văn Liêm, Phường An Lạc, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ.

#### **1.4.2. Phạm vi thời gian**

Số liệu sử dụng để thực hiện đề tài được thu thập trong năm 2012 bao gồm: Báo cáo tài chính năm 2012 và chứng từ, số liệu kế toán (từ ngày 01/01/2012 đến ngày kết thúc niên độ 31/12/2012) và tài liệu thu thập trong năm 2011, Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011.

Thời gian nghiên cứu bắt đầu từ ngày 28/01/2013 đến ngày 01/04/2013.

#### **1.4.3. Đối tượng nghiên cứu**

Do giới hạn về không gian cũng như thời gian nghiên cứu, đề tài chỉ đi sâu nghiên cứu quy trình kiểm toán khoản mục chi phí do Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ thực hiện bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác.

Cũng do tính chất của nghề nghiệp, nên một số thông tin liên quan đến khách hàng đã được tác giả thay đổi hoặc hạn chế nhằm đảm bảo nguyên tắc bảo mật.

## **1.5. LƯỢC KHẢO TÀI LIỆU**

Trong quá trình thực hiện đề tài này, người viết có tham khảo một số đề tài nghiên cứu của các tác giả khoá trước như sau:

Nguyễn Văn Tâm (2012), Kiểm toán khoá 34, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ, **“Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - TP.HCM”**. Đây là đề tài nghiên cứu đánh giá và trình bày khá là đầy đủ các bước trong quy trình kiểm toán được áp dụng thực tế vào công ty cụ thể nhằm xác định ưu điểm, nhược điểm của quy trình kiểm toán khoản mục. Từ đó tác giả đưa ra nhận xét, đánh giá cụ thể và rút ra giải pháp để hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục. Qua đề tài nghiên cứu này, giúp cho việc tìm hiểu quy trình kiểm toán khoản mục chi phí của AA người viết dễ dàng hơn.

Nguyễn Kiều Diễm (2012), Kiểm toán khoá 34, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ, **“Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty Kiểm toán Sao Việt”**. Bằng việc đi sâu nghiên cứu đánh giá quy trình kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt. Việc nghiên cứu HTKSNB và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát được nghiên cứu cẩn thận và chi tiết, các khoản mục chi phí được tác giả trình bày một cách riêng biệt. So sánh đầy đủ quy trình kiểm toán thực tế với quy trình lý thuyết. Từ đó tác giả tiến hành đánh giá ưu nhược điểm của quy trình kiểm toán và xác định cụ thể giải pháp nhằm hoàn thiện hơn quy trình kiểm toán tại Công ty Sao Việt.



## CHƯƠNG 2

### PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

##### 2.1.1. Khái quát kiểm toán

###### 2.1.1.1. Khái niệm kiểm toán

Kiểm toán là quá trình thu thập và đánh giá bằng chứng về những thông tin được kiểm tra nhằm xác định và báo cáo về mức độ phù hợp giữa những thông tin đó với các chuẩn mực đã được thiết lập. Quá trình kiểm toán phải được thực hiện bởi các kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập.

###### 2.1.1.2. Phân loại kiểm toán

*\* Phân loại theo mục đích:*

- Kiểm toán hoạt động: Là việc kiểm tra, đánh giá về sự hữu hiệu và tính hiệu quả đối với hoạt động của một bộ phận hay toàn bộ tổ chức, từ đó đề ra những biện pháp cải tiến.

- Kiểm toán tuân thủ: Là việc kiểm tra nhằm đánh giá mức độ chấp hành một quy định nào đó, thí dụ như các văn bản luật pháp, các điều khoản của một hợp đồng hay một quy định của đơn vị...

- Kiểm toán Báo cáo tài chính: Là việc kiểm tra và đưa ý kiến nhận xét về sự trình bày trung thực và hợp lý của BCTC của một đơn vị.

*\* Phân loại theo chủ thể kiểm toán:*

- Kiểm toán nội bộ: Là loại kiểm toán do nhân viên của đơn vị thực hiện, họ có thể thực hiện ba loại kiểm toán trên, với thế mạnh của họ là kiểm toán hoạt động.

- Kiểm toán Nhà nước: Là hoạt động kiểm toán do công chức Nhà nước tiến hành và chủ yếu là kiểm toán tuân thủ.

- Kiểm toán độc lập: Là loại kiểm toán được tiến hành bởi các kiểm toán viên thuộc những tổ chức kiểm toán độc lập. Họ thường kiểm toán báo cáo tài chính, họ còn cung cấp nhiều dịch vụ khác như kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, tư vấn về kế toán, thuế, tài chính.

## **2.1.2 Một số khái niệm liên quan trong kiểm toán**

### **2.1.2.1. Chuẩn mực kiểm toán**

Là quy định và hướng dẫn về các nguyên tắc và thủ tục kiểm toán làm cơ sở để kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán và làm cơ sở kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán.

### **2.1.2.2. Mục tiêu kiểm toán**

Việc thiết kế và thực hiện các thử nghiệm cơ bản đòi hỏi phải lựa chọn những thủ tục phù hợp với mục tiêu kiểm toán và xác định nội dung, thời gian và phạm vi của chúng để đảm bảo thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp.

Các mục tiêu kiểm toán có thể áp dụng gồm: hiện hữu và phát sinh; quyền và nghĩa vụ; đầy đủ; đánh giá; ghi chép chính xác; trình bày và công bố.

### **2.1.2.3. Hệ thống kiểm soát nội bộ**

“Kiểm soát nội bộ là một quá trình do người quản lý, hội đồng quản trị và các nhân viên của đơn vị chi phối, nó được thiết lập để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm thực hiện ba mục tiêu:

- Báo cáo tài chính đáng tin cậy
- Các luật lệ và quy định được tuân thủ
- Hoạt động hữu hiệu và hiệu quả”

*Các bộ phận hợp thành nên hệ thống kiểm soát nội bộ:*

- Môi trường kiểm soát
- Đánh giá rủi ro
- Hoạt động kiểm soát
- Thông tin và truyền thông
- Giám sát

Theo VSA 400, hệ thống kiểm soát nội bộ được khái niệm: “Hệ thống kiểm soát nội bộ là các quy định và các thủ tục kiểm soát do đơn vị được kiểm toán xây dựng và áp dụng nhằm đảm bảo cho đơn vị tuân thủ pháp luật và các quy định, để kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa, và phát hiện gian lận, sai sót; để lập báo cáo tài chính trung thực và hợp lý; nhằm bảo vệ, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản của đơn vị. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán và các thủ tục kiểm soát”.

#### **2.1.2.4. Mức trọng yếu**

Trọng yếu là thuật ngữ dùng để thể hiện tầm quan trọng của một thông tin (một số liệu kế toán) trong báo cáo tài chính.

Thông tin được coi là trọng yếu có nghĩa là nếu thiếu thông tin đó hay thiếu chính xác thông tin đó sẽ ảnh hưởng đến các quyết định của người sử dụng báo cáo tài chính. Mức trọng yếu tùy thuộc vào tầm quan trọng của thông tin và tính chất của thông tin hay của sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Mức trọng yếu là một ngưỡng, một điểm chia cắt chứ không phải là nội dung của thông tin cần phải có. Tính trọng yếu của thông tin phải xem xét cả trên phương diện định lượng và định tính.

*Định lượng:* trọng yếu được sử dụng như số tiền sai lệch tối đa có thể chấp nhận được của BCTC.

*Định tính:* trọng yếu được sử dụng để đánh giá sự ảnh hưởng của các sai lệch, gian lận đến người đọc bên khía cạnh định lượng.

#### **2.1.2.5. Các loại rủi ro**

*\* Có 4 loại rủi ro:*

- *Rủi ro kiểm toán (AR – Audit risk):* Là rủi ro kiểm toán viên và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến nhận xét không thích hợp khi báo cáo tài chính đã được kiểm toán còn có những sai sót trọng yếu.

- *Rủi ro tiềm tàng (IR – Inherent risk):* Là rủi ro tiềm ẩn, vốn có do khả năng từng nghiệp vụ, từng khoản mục trong báo cáo tài chính chứa đựng sai sót trọng yếu khi tính riêng rẽ hoặc tính gộp mặc dù có hay không có hệ thống kiểm soát nội bộ.

- *Rủi ro kiểm soát (CR – Control risk):* Là rủi ro xảy ra sai sót trọng yếu trong từng nghiệp vụ, từng khoản mục trong báo cáo tài chính khi tính riêng rẽ hoặc tính gộp mà hệ thống kiểm soát nội bộ không ngăn ngừa hết hoặc không phát hiện và sửa chữa kịp thời.

- *Rủi ro phát hiện (DR – Detection risk):* Là rủi ro xảy ra sai sót trọng yếu trong từng nghiệp vụ, từng khoản mục trong báo cáo tài chính khi tính riêng rẽ hoặc tính gộp mà trong quá trình kiểm toán kiểm toán viên và công ty kiểm toán không phát hiện được.

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

**\* Mọi quan hệ các loại rủi ro:**

Mọi quan hệ các loại rủi ro được chuẩn mực kiểm toán thiết lập như sau:

$$\boxed{AR=IR \times CR \times DR}$$

Trong VSA 400, mỗi quan hệ các loại rủi ro được xác lập bằng một bảng dưới dạng ma trận nhằm xác định rủi ro phát hiện như sau:

**Bảng 2.1. BẢNG MA TRẬN XÁC ĐỊNH RỦI RO PHÁT HIỆN**

		Đánh giá của KTV về rủi ro kiểm soát		
		Cao	Trung bình	Thấp
Đánh giá của KTV về rủi ro tiềm tàng	Cao	<b><i>Tối thiểu</i></b>	<b><i>Thấp</i></b>	<b><i>Trung bình</i></b>
	Trung bình	<b><i>Thấp</i></b>	<b><i>Trung bình</i></b>	<b><i>Cao</i></b>
	Thấp	<b><i>Trung bình</i></b>	<b><i>Cao</i></b>	<b><i>Tối đa</i></b>

(Nguồn: Giáo trình kiểm toán – ĐH Kinh tế TP HCM)

Rủi ro phát hiện (in nghiêng và đậm) được xác định căn cứ vào mức rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát tương ứng.

**2.1.2.6. Hồ sơ kiểm toán**

Hồ sơ kiểm toán là các tài liệu do kiểm toán viên lập, thu thập, phân loại, sử dụng và lưu trữ. Tài liệu trong hồ sơ kiểm toán được thể hiện trên giấy, trên phim ảnh, trên phương tiện tin học hay bất cứ phương tiện lưu trữ nào khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**2.1.2.7. Chương trình kiểm toán**

Chương trình kiểm toán là toàn bộ những chỉ dẫn cho kiểm toán viên và trợ lý kiểm toán tham gia vào công việc kiểm toán và là phương tiện ghi chép theo dõi kiểm tra tình hình thực hiện kiểm toán. Chương trình kiểm toán chỉ dẫn mục tiêu kiểm toán từng phần hành, nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cụ thể và thời gian ước tính cần thiết cho từng phần hành.

**2.1.2.8. Bảng chứng kiểm toán**

“Bảng chứng kiểm toán là tất cả các tài liệu, thông tin do KTV thu thập được liên quan đến cuộc kiểm toán và dựa trên các thông tin này Kiểm toán viên hình thành nên ý kiến của mình. Bảng chứng kiểm toán bao gồm các tài liệu,

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**  
chứng từ, sổ kế toán, Báo cáo tài chính và các tài liệu, thông tin từ những nguồn khác.” (Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam – VSA 500).

#### **2.1.2.9. Thử nghiệm cơ bản**

Là những thử nghiệm, các thủ tục dùng để thu thập bằng chứng về những sai lệch trọng yếu trong báo cáo tài chính. Thử nghiệm cơ bản bao gồm 2 loại thử nghiệm là thủ tục phân tích và thử nghiệm chi tiết.

Thủ tục phân tích: Là việc so sánh các thông tin tài chính, các chỉ số, các tỷ lệ để phát hiện và nghiên cứu về các trường hợp bất thường.

Thử nghiệm chi tiết: Là việc kiểm tra trực tiếp các nghiệp vụ phát sinh và kiểm tra các số dư trên BCTC.

#### **2.1.2.10. Thử nghiệm kiểm soát**

Thử nghiệm kiểm soát (hay thử nghiệm tuân thủ) là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán về sự thiết kế phù hợp và sự vận hành hữu hiệu của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ.

Những thử nghiệm kiểm soát được sử dụng để kiểm tra sự hiện hữu của HTKSNB gồm:

- Phòng vấn
- Kiểm tra tài liệu
- Quan sát việc áp dụng các thủ tục kiểm soát
- Thực hiện lại các thủ tục kiểm soát

#### **2.1.2.11. Báo cáo kiểm toán**

Báo cáo kiểm toán là văn bản trình bày ý kiến kiểm toán viên về sự phù hợp giữa thông tin được kiểm tra và chuẩn mực được thiết lập. Nội dung và hình thức báo cáo phụ thuộc vào mục đích của từng loại kiểm toán.

Các loại báo cáo kiểm toán:

- Ý kiến chấp nhận toàn phần
- Ý kiến chấp nhận từng phần
- Ý kiến không chấp nhận (ý kiến trái ngược)
- Ý kiến từ chối (không thể đưa ra ý kiến)

**2.1.3. Khái quát khoản mục chi phí**

**2.1.3.1. Nội dung**

Các khoản mục chi phí bao gồm:

Giá vốn hàng bán

Chi phí bán hàng

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Chi phí khác.

**a. Giá vốn hàng bán**

Tài khoản 632- “Giá vốn hàng bán” dùng để phản ánh trị giá vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ hoặc giá thành của sản phẩm xây, lắp bán trong kỳ (đã xác định tiêu thụ).

**Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”**

Trị giá vốn của thành phẩm xác định là tiêu thụ trong kỳ.	Trị giá vốn của thành phẩm xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng do một số nguyên nhân khác nhau bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành (kiểm kê định kỳ)	Kết chuyển giá vốn của thành phẩm thực tế đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ vào bên nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”.
Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ bao gồm hàng tồn kho của doanh nghiệp; hàng tồn kho của các đơn vị mà doanh nghiệp gửi hàng bán; hàng tồn tại các quầy, các kệ trưng bày sản phẩm,...(nếu doanh nghiệp hạch toán thành phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ).	Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155-“Thành phẩm”.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

**b. Chi phí bán hàng**

Tài khoản 641-“Chi phí bán hàng” dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung như: chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp, TK 641 có thể được mở thêm một số nội dung chi phí. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng sang Nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”.

**Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”**

Các chi phí liên quan đến quá trình bán, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.	Kết chuyển chi phí bán hàng vào bên nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

**c. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản 642-“Chi phí quản lý doanh nghiệp” dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo theo từng nội dung chi phí theo quy định.

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

Tuỳ theo yêu cầu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp. Tài khoản 642 có thể được mở thêm một số tài khoản cấp 2,3,... để phản ánh một số nội dung chi phí thuộc chi phí quản lý ở doanh nghiệp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng sang Nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”.

**Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). Dự phòng trợ cấp mất việc làm.	Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

**d. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,..những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.



**Tài khoản 635-“Chi phí tài chính”**

Các chi phí của hoạt động tài chính. Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.	Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

***e. Chi phí khác***

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Chi phí khác phát sinh gồm chi phí thanh lý, nhượng bán; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;...; các khoản chi phí khác.

**Tài khoản 811-“Chi phí khác”**

Chi phí khác phát sinh. Các khoản lỗ bất thường. Phần giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.	Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

**2.1.3.2. Đặc điểm khoản mục chi phí**

Chi phí có mối quan hệ chặt chẽ với các khoản mục trên bảng CĐKT do đó một sự sai lệch nhỏ trong khoản mục này có thể gây ảnh hưởng cho khoản mục khác và ngược lại.

## **Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

Do hầu hết các khoản mục đều có liên quan đến chi phí cho nên đây là khoản mục rất dễ bị sai phạm.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là hai khoản chi phí chiếm tỷ trọng khá lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, có liên quan đến chỉ tiêu lợi nhuận, thuế thu nhập doanh nghiệp, chỉ tiêu tiền và một số chỉ tiêu khác trên BCTC. Mặt khác, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều khoản mục hợp thành nên kiểm tra hai khoản chi phí này khá phức tạp.

Đối với nhiều doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cung cấp sản phẩm và dịch vụ, chi phí tài chính rất mới và không phổ biến. Phần lớn đối với nhiều doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là khoản chi tiền lãi vay, còn các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh, liên kết thường ít xảy ra. Nên khi gặp các trường hợp trên và các khoản chi phí liên quan đến nó, có khả năng sai phạm là rất lớn. Bên cạnh đó, việc tính toán, đánh giá các khoản chi phí này cũng khá phức tạp và mới. Kiểm soát nội bộ đối với các khoản này thường không được chú ý, dẫn đến các sai sót không được ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời.

Các khoản chi phí khác phát sinh không nhiều, do tính chất bất thường và mới nên khó khăn cho việc xử lý và quản lý, dễ dẫn đến rủi ro. Các khoản này thường phát sinh vào cuối niên độ kế toán. Tuy nhiên, các nghiệp vụ này có thể phát sinh đột xuất, giữa các năm có sự thay đổi, khác nhau, việc so sánh, đối chiếu khó. Bên cạnh đó, để hạch toán các nghiệp vụ chi phí khác cần có đầy đủ chứng từ, bằng chứng cần thiết. Việc tập hợp chứng từ có thể khó khăn. Cũng giống như chi phí tài chính, kiểm soát nội bộ đối với các khoản chi phí khác thường không được chú ý, dẫn đến sai sót không được phát hiện, làm ảnh hưởng đến nhiều chỉ tiêu trong BCKQHĐKD và bảng CĐKT.

### **2.1.3.3. Mục tiêu kiểm toán khoản mục chi phí**

*Phát sinh:* Các khoản mục chi phí được ghi nhận phải thật sự phát sinh trong thực tế và thuộc về đơn vị.

*Đầy đủ:* Mọi nghiệp vụ chi phí phát sinh đều được ghi nhận đầy đủ.

*Ghi chép chính xác:* Chi phí được tính toán chính xác và thống nhất giữa sổ chi tiết và sổ cái, các chi phí phải được ghi chép đúng kỳ kế toán.

*Đánh giá:* Các khoản chi phí được đánh giá đúng đắn.

*Trình bày và công bố:* Các chi phí được trình bày đúng đắn và khai báo đầy đủ.

#### **2.1.4. Quy trình kiểm toán khoản mục chi phí**

##### **2.1.4.1. Nghiên cứu và đánh giá HTKSNB**

###### *a. Tìm hiểu HTKSNB*

- Để đạt được một sự hiểu biết đầy đủ về tất cả các thủ tục kiểm soát của đơn vị được thiết lập nhằm kiểm soát khoản mục chi phí mà đơn vị áp dụng. Kiểm toán viên có thể áp dụng một số công cụ hỗ trợ như: bảng tường thuật, lưu đồ, bảng câu hỏi.

- Đối với doanh nghiệp nhỏ, KTV thường soạn bảng tường thuật. Còn đối với doanh nghiệp lớn hay những đơn vị có HTKSNB tương đối phức tạp thì KTV nên sử dụng bảng câu hỏi về kiểm soát nội bộ kết hợp với vẽ lưu đồ để đảm bảo không bỏ sót các vấn đề quan trọng.

###### *b. Đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát*

- Trên cơ sở những hiểu biết ban đầu về kiểm soát nội bộ, KTV sẽ tiến hành đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát ở mức độ phù hợp.

- KTV chỉ có thể đánh giá rủi ro kiểm soát đối với một cơ sở dẫn liệu nào đó thấp hơn mức tối đa khi đã có đủ căn cứ kết luận rằng các thủ tục kiểm soát liên quan đến cơ sở dẫn liệu đó được thiết kế hữu hiệu và áp dụng một cách nhất quán trong thực tế. Trong trường hợp này, KTV sẽ thiết kế và thực hiện thử nghiệm kiểm soát để chứng minh cho kết luận của mình về rủi ro kiểm soát. Ngược lại, nếu rủi ro kiểm soát được đánh giá ở mức tối đa hoặc không thể giảm được trong thực tế, KTV sẽ không thực hiện các thử nghiệm kiểm soát mà chuyển sang thực hiện ngay các thử nghiệm cơ bản.

###### *c. Thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát*

###### *\* Đối với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*

KTV có thể áp dụng các thủ tục kiểm toán như kiểm tra tài liệu, quan sát, phỏng vấn,... để khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để có kết luận về mức rủi ro kiểm toán phù hợp, làm cơ sở cho việc kiểm tra chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi khảo sát hai loại chi phí này KTV thường kết hợp với khảo sát chi phí khấu hao

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

TSCĐ, khảo sát chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương, khảo sát chi phí nguyên vật liệu, khảo sát tiền, ...ở các quy trình khác.

*\* Đối với chi phí tài chính*

- KTV cần khảo sát, tìm hiểu để biết việc kiểm soát đối với chi phí tài chính của đơn vị có hiệu lực đến mức độ nào để dự toán rủi ro của khoản mục này và xác định phạm vi thực hiện các khảo sát cơ bản.

- Khi đánh giá về kiểm soát nội bộ, KTV cần đánh giá tính hiệu lực từ chính các bộ phận có chức năng kiểm soát của đơn vị. KTV cần tiến hành các thủ tục khác như: phỏng vấn, trao đổi, quan sát trực tiếp, hay nghiên cứu tài liệu để đánh giá tính đầy đủ, chặt chẽ và hiệu lực liên tục của kiểm soát nội bộ chi phí hoạt động tài chính. Đồng thời khảo sát để đánh giá về sự vận hành của các quy chế kiểm soát nội bộ với các nghiệp vụ liên quan đến chi phí hoạt động tài chính.

*\* Đối với chi phí khác*

Nội dung, trình tự thủ tục khảo sát và đánh giá về kiểm soát nội bộ đối với khoản mục chi phí khác về cơ bản tương tự như đối với chi phí hoạt động tài chính. Tuy nhiên, khi xác định nội dung và căn cứ khảo sát đối với khoản mục chi phí khác, KTV cần lưu ý đến đặc thù của khoản mục này.

*d. Đánh giá lại rủi ro kiểm soát và thiết kế các thử nghiệm cơ bản*

Sau khi đã thực hiện các thử nghiệm trên, KTV sẽ đánh giá lại mức rủi ro kiểm soát để từ đó đưa ra các thử nghiệm cơ bản phù hợp.

**2.1.4.2. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản**

*a. Thủ tục phân tích*

Các thủ tục phân tích có thể sử dụng trong kiểm toán các khoản mục chi phí bao gồm:

- Đánh giá tổng quát các khoản mục chi phí bằng cách kiểm toán viên lập bảng so sánh giữa báo cáo KQHĐKD kỳ này và kỳ trước, kết hợp với số liệu bình quân trong ngành, qua đó đánh giá tổng quát về sự thay đổi của chi phí và sự thay đổi tỷ trọng chi phí trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Những khác biệt đáng kể đều cần phải được tìm hiểu và giải thích nguyên nhân.

- So sánh chi phí thực tế với chi phí dự toán, chi phí kỳ này với chi phí kỳ trước:

## **Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

+ Việc thiết lập các dự toán chi phí có một ý nghĩa quan trọng đối với kiểm soát nội bộ. Thông qua dự toán, các nhà quản lý hoạch định mức chi phí dự kiến sẽ xảy ra trong thực tế, nhờ đó phát hiện những trường hợp thực tế có sai biệt lớn so với dự kiến để có biện pháp xử lý kịp thời.

+ Bảng dự toán cũng rất hữu ích cho kiểm toán viên trong việc áp dụng thủ tục phân tích vì giúp nhận diện được các biến động bất thường và tìm hiểu nguyên nhân.

+ Kiểm toán viên cũng thực hiện việc so sánh số liệu năm nay so với số liệu năm trước theo từng khoản mục chi phí. Một phương pháp khác cũng có thể áp dụng là so sánh chi phí theo từng tháng giữa kỳ này và kỳ trước. Kiểm toán viên còn có thể dùng các đồ thị để dễ phát hiện ra những tháng có biến động bất thường.

+ Trong một số trường hợp, kiểm toán viên có thể so sánh với các thông tin phi tài chính.

- Điều tra về những sự khác biệt quan trọng hay bất thường. Mọi khác biệt bất thường được phát hiện trong quá trình phân tích trên, đều được kiểm toán viên tìm hiểu và giải thích nguyên nhân. Phương pháp tìm hiểu là truy hỏi về sổ sách kế toán và khi cần thiết sẽ phải kiểm tra chi tiết trên những chứng từ gốc có liên quan.

### *b. Thử nghiệm chi tiết*

#### *\* Đối với khoản mục giá vốn hàng bán:*

- Tham chiếu tới phần kiểm toán HTK, tiến hành đối chiếu giá vốn hàng bán với số ước tính dựa trên số phát sinh tương ứng trên các tài khoản HTK và chi phí sản xuất tập hợp trong năm.

- Kiểm tra cách tính giá xuất kho và đối chiếu giá vốn hàng bán (từng tháng, từng mặt hàng) đã ghi nhận giữa sổ cái với báo cáo nhập, xuất, tồn thành phẩm, đảm bảo tính chính xác và nhất quán. Tham chiếu đến phần hành kiểm toán hàng tồn kho.

- Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ sau: các khoản điều chỉnh HTK theo kiểm kê thực tế; điều chỉnh hàng tồn kho do đánh giá lại dự phòng; các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý được phân bổ trực tiếp vào giá vốn hàng bán; các

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

khoản chi phí chung vượt định mức được hạch toán vào giá vốn hàng bán; các khoản điều chỉnh giảm giá vốn (nếu có).

- Kiểm tra tính trình bày về giá vốn hàng bán trên BCTC.

**\* Đối với khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:**

- Lập bảng kê chi tiết các khoản mục chi phí bán hàng/quản lý doanh nghiệp theo từng tháng trong năm, đánh giá tính hợp lý của việc trình bày đồng thời đối chiếu tổng chi phí với Sổ Cái.

- Rà soát các khoản mục chi phí có sự biến động bất thường trong năm/kỳ được xác định trong quá trình phân tích và trên Sổ Cái (số tiền lớn, giao dịch khác thường, điều chỉnh giảm,...), tiến hành kiểm tra chứng từ gốc để đảm bảo các khoản chi phí này là có thực và được phân loại đúng và đánh giá tính hợp lý của việc ghi nhận.

- Đánh giá tính hợp lý của các tiêu thức phân bổ các khoản chi phí gián tiếp vừa thuộc về chi phí quản lý doanh nghiệp vừa thuộc về chi phí bán hàng, chi phí sản xuất và ngược lại.

- Đối chiếu các khoản mục chi phí đã ghi nhận với các phần hành kiểm toán khác như:

+ Chi phí bán hàng với: Chi phí lương, chi phí nguyên vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao, chi phí phải trả, chi phí trả trước,...

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp với: Chi phí nguyên vật liệu, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí khấu hao, chi phí phân bổ, chi phí lương, KPCĐ, BHXH, BHYT, dự phòng trợ cấp mất việc làm, nợ phải thu khó đòi, các chi phí dự phòng,...

- Xây dựng ước tính độc lập với các khoản chi phí mang tính chất định kỳ, ít biến động hoặc gắn liền với doanh thu (các khoản tiền thuê, hoa hồng, phí bản quyền,...; các khoản tiền thuê, các chi phí thông tin liên lạc...) và so sánh với số chi phí đã ghi sổ, tìm hiểu các chênh lệch lớn (nếu có).

- Chọn mẫu kiểm tra chứng từ gốc đối với các khoản mục chi phí bán hàng/quản lý doanh nghiệp khác: kiểm tra hóa đơn hoặc yêu cầu thanh toán của nhà cung cấp, các bảng tính toán kèm theo, các phiếu chi, chứng từ thanh toán qua ngân hàng cùng với các chứng từ khác kèm theo (duyet chi của Ban Giám đốc, định mức chi ...).

### **Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

- Đối chiếu quy định của văn bản nội bộ về định mức chi tiêu với các khoản chi tiêu thực tế tại doanh nghiệp.

- Xem xét tính hợp lý các chi phí liên quan có tính chất nhạy cảm như: chi phí tiền phạt, chi phí tư vấn pháp luật, tranh chấp, kiện tụng.

- Kiểm tra tính đúng kỳ của chi phí: Đối chiếu đến phần hành kiểm toán chi phí phải trả và phần hành tiền.

- Kiểm tra tính trình bày về chi phí bán hàng/quản lý doanh nghiệp trên BCTC xem có phù hợp đúng đắn hay không.

#### **\* Đối với khoản mục chi phí tài chính:**

- Thu thập bảng tổng hợp chi phí hoạt động tài chính trong năm, đối chiếu với Sổ Cái.

- Đối với các khoản mục chi phí đã được kiểm tra: Tham chiếu đến các phần hành kiểm toán đã thực hiện (tiền, đầu tư tài chính, vay và nợ, chi phí phải trả).

- Đối với các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm: Chọn mẫu các nghiệp vụ để kiểm tra lại cách tính toán.

- Đối với các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện: Tham chiếu đến các phần hành liên quan (công nợ phải thu, phải trả, vay...), so sánh với số liệu đã ghi nhận trên sổ và giải thích các chênh lệch, nếu có.

- Kiểm tra chọn mẫu tới chứng từ gốc đối với các giao dịch chi phí hoạt động tài chính khác.

- Kiểm tra việc trình bày chi phí tài chính trên BCTC.

#### **\* Đối với khoản mục chi phí khác:**

- Lập bảng tổng hợp các khoản chi phí khác trong năm, đối chiếu với Sổ Cái.

- Kiểm tra việc thực sự phát sinh của nghiệp vụ chi phí khác. KTV tập trung kiểm tra:

+ Quyết định thanh lý, nhượng bán TSCĐ được người có thẩm quyền phê duyệt; chứng từ thu tiền về khoản bán và thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ,...

+ Quyết định của cơ quan thuế, cơ quan thẩm quyền liên quan đến khoản phạt thuế, truy thu thuế, hay khoản phạt hành chính khác,...

## **Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

+ Các BCTC, sổ kế toán và chứng từ của các năm trước về các khoản bỏ sót hay ghi bỏ sung,...

- Sau đó đối chiếu với sổ cái TK 811 và sổ chi tiết TK 811 để kiểm tra việc ghi sổ có đảm bảo mục tiêu đầy đủ không.

- Tiến hành kiểm tra các cơ sở tính toán đối với các khoản chi phí khác xem có đảm bảo tin cậy, hợp lý; kiểm tra kết quả tính toán có đảm bảo là chính xác hay không. Khi xét thấy cần thiết, KTV có thể tính toán lại để đối chiếu hay có thể yêu cầu đơn vị cung cấp giải trình.

- Kiểm tra chi tiết chứng từ của các khoản chi phí lớn, mang tính bất thường và đánh giá tính hợp lý của việc tính toán và phân loại xem có phù hợp với chế độ kế toán hay không?

- Kiểm tra tính phù hợp của các khoản chi phí khác với các khoản thu nhập khác phát sinh trong năm (nếu có).

- Xem xét, đánh giá việc trình bày thông tin chi phí khác trên BCTC về tính phù hợp với quy định của chế độ kế toán và sự nhất quán giữa số liệu trên BCTC với số liệu kế toán của đơn vị.

### **2.1.5. Một số gian lận, sai sót có thể xảy ra khi kiểm toán các khoản mục chi phí**

Chi phí là khoản mục nhạy cảm, liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị. Do đó, việc xảy ra các sai sót gian lận là điều tất yếu. Dưới đây là một số sai sót và gian lận có thể xảy ra trong quá trình kiểm toán khoản mục chi phí:

Khai khống hoặc khai thiếu chi phí dẫn đến sai lệch kết quả hoạt động kinh doanh: tùy vào đặc điểm kinh doanh, tình hình kinh doanh của công ty khách hàng mà công ty khách hàng có khuynh hướng khai khống hay khai thiếu chi phí. Thông thường, các Công ty cổ phần và Công ty niêm yết có khuynh hướng khai thiếu chi phí để tăng lợi nhuận – làm đẹp BCTC, trong khi các công ty TNHH và công ty có vốn đầu tư nước ngoài lại có khuynh hướng khai khống chi phí để làm giảm lợi nhuận với mục đích làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ghi nhận chi phí không đúng niên độ: Những chi phí phát sinh xung quanh thời điểm kết thúc niên độ thường bị hạch toán nhầm niên độ. Ví dụ như chi phí thuộc niên độ này nhưng đến niên độ sau công ty mới nhận được hoá đơn và



## **Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

được doanh nghiệp ghi nhận là chi phí thuộc niên độ sau mà không tiến hành trích trước chi phí trong niên độ này.

Sai sót hoặc gian lận trong phương pháp tính giá hàng tồn kho dẫn đến sai lệch giá vốn hàng bán. Có thể do sai sót của phần mềm hay doanh nghiệp cố tình áp giá xuất kho trên phần mềm mà làm sai lệch giá xuất kho của hàng tồn kho. Khi giá xuất kho thực tế cao hơn giá xuất kho đã đăng ký với cơ quan thuế thì sẽ làm tăng giá vốn hàng bán và làm giảm giá trị hàng tồn kho. Ngược lại, giá xuất kho thực tế thấp hơn giá xuất kho đã đăng ký sẽ làm giảm giá vốn hàng bán và tăng giá trị hàng tồn kho trong kỳ.

Các khoản chi không phù hợp với quy chế tài chính của đơn vị. Một số chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp như chi phí hoa hồng môi giới, chi tiền công tác phí, tiền điện thoại,...vượt quá quy chế tài chính của đơn vị; các chi phí không chế vượt quá 10% chi phí được trừ sẽ bị loại ra khi tính thuế TNDN.

Không trích lập hoặc trích lập không chính xác đối với các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp mất việc làm, dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

## **2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu**

#### *Số liệu sơ cấp:*

Được thu thập qua những chuyến đi thực tế, tìm hiểu, quan sát, trao đổi trực tiếp tại Công ty khách hàng của Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ. Và thông qua trao đổi, phỏng vấn trực tiếp lãnh đạo Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ cùng các nhân viên.

#### *Số liệu thứ cấp:*

Số liệu thứ cấp được thu thập tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ sau khi hoàn thành kiểm toán (hồ sơ kiểm toán năm 2012 và năm 2011) và từ các nguồn liên quan khác (văn bản pháp luật, tạp chí chuyên ngành, sách báo, internet,...)

Số liệu từ Báo cáo tài chính, sổ sách, chứng từ, tài liệu,...có liên quan của Công ty khách hàng.

**2.2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu**

Đối với từng mục tiêu cụ thể, có phương pháp phân tích và xử lý tương ứng:

Đối với mục tiêu 1: Tìm hiểu quy trình kiểm toán khoản mục chi phí và thực hiện kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ.

→ Tổng hợp các tài liệu, thông tin thu thập được để trình bày tổng thể quy trình kiểm toán các khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ. Cụ thể dùng bảng câu hỏi để phỏng vấn Ban giám đốc và Nhân viên trong công ty ABC. Tìm hiểu sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty ABC. Sử dụng phương pháp quan sát và phỏng vấn, kiểm tra tài liệu. Thu thập và tổng hợp số liệu của hai năm 2011 và 2012 và tiến hành lập các biểu bảng nhằm đảm bảo thực hiện các thủ tục kiểm toán.

→ Sử dụng phương pháp đối chiếu, so sánh số liệu giữa các thông tin trên Báo cáo tài chính với sổ sách để kiểm tra sự ghi chép chính xác. Kết hợp phương pháp phân tích biến động số liệu về số tương đối và tuyệt đối để có cách nhìn tổng quát và tìm hiểu nguyên nhân biến động đó.

→ Sử dụng phương pháp kiểm tra, đối chiếu, tính toán số học, so sánh sự hợp lý của số dư, tổng số phát sinh trong các thử nghiệm chi tiết.

→ Sử dụng công cụ Sort&Filter và PivotTable trên phần mềm Excel chọn mẫu, liệt kê, đối chiếu, kiểm tra tính hợp lý của các định khoản kế toán và số liệu giữa sổ sách với chứng từ. Sau đó tổng hợp các sai sót và đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần ABC.

Đối với mục tiêu 2: Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ qua quá trình kiểm toán thực tế tại Công ty.

→ Sử dụng phương pháp tổng hợp dữ liệu, phân tích, đối chiếu, so sánh với phương pháp luận nhằm đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí.

Đối với mục tiêu 3: Đề ra giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ.

→ Từ những kết quả đạt được ở trên kết hợp với so sánh, tổng hợp và phân tích các dữ liệu thu được với chương trình kiểm toán mẫu, chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán, kinh nghiệm tích lũy của người viết để đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục chi phí.

## CHƯƠNG 3

### GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ

#### 3.1. GIỚI THIỆU CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ

##### 3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ - AMERICAN AUDITING (AA) được thành lập theo giấy phép số 4102007145 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp năm 2001 với các tên thương mại sau:

Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ**

Tên giao dịch: **AMERICAN AUDITING**

Tên viết tắt: **AA CO.,LTD**

*(Sau đây thuật ngữ AA được dùng để đại diện cho công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ)*

Trụ sở chính: Số 58, Nguyễn Phi Khanh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Cần Thơ: Số 81, Châu Văn Liêm, Phường An Lạc, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: 08.8 208 062

Fax: 08.8 208 568 /08.8 201 070

E-mail: [americanauditing@hcm.vnn.vn](mailto:americanauditing@hcm.vnn.vn)

Số vốn điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 VNĐ, do 2 thành viên góp vốn đó là ông Lê Văn Thanh góp 4.500.000.000 VNĐ chiếm 90% và bà Nguyễn Ngọc Minh Trâm góp 500.000.000 VNĐ chiếm 10% trong tổng số vốn điều lệ.

AA là tổ chức tư vấn – kiểm toán độc lập hợp pháp ở TP. Hồ Chí Minh được nhiều khách hàng trong nước tín nhiệm.

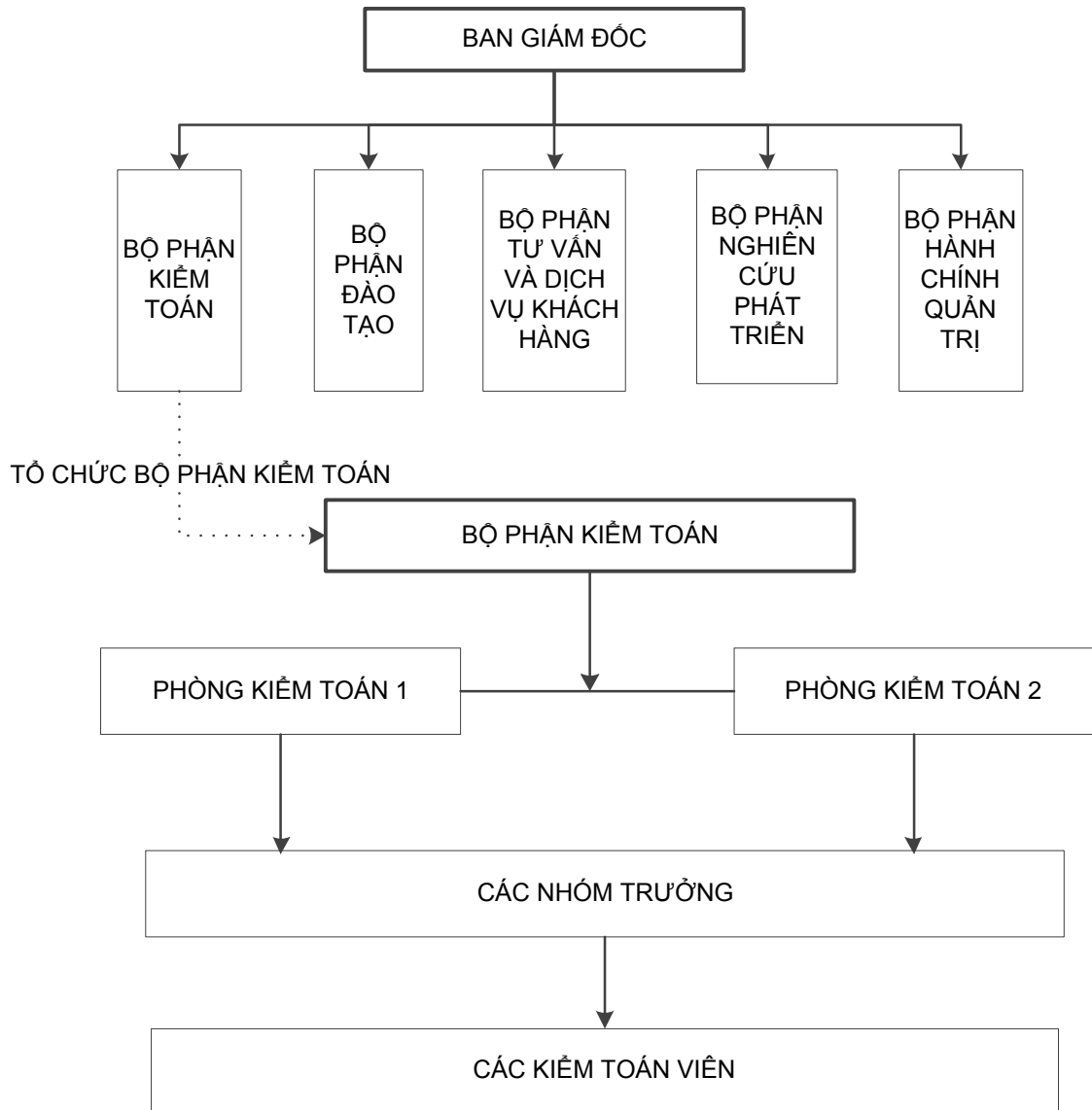
Tại Việt Nam, từ khi có sự chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường và nhất là sau khi thị trường chứng khoán ra đời, vai trò của kiểm toán ngày càng lớn. Sự có mặt của AA tại Việt Nam đã góp phần lớn sự phát triển của ngành kiểm toán hiện còn rất mới mẻ. Là một công ty hàng đầu, AA rất quan tâm đến vấn đề giáo dục và tổ chức nhiều chương trình đào tạo, huấn luyện góp phần phát triển một đội ngũ kiểm toán có tiêu chuẩn quốc tế cho thị trường Việt Nam.

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

AA đã tạo được vị thế của mình trong việc cạnh tranh mở rộng thị trường kiểm toán ở Việt Nam. Ngày càng có nhiều khách hàng đến với AA. Họ chọn AA trước hết bởi uy tín của công ty và chất lượng làm việc của đội ngũ chuyên viên kiểm toán có năng lực và độc lập.

**3.1.2. Cơ cấu tổ chức**

Sơ đồ tổ chức của công ty AA được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Hình 3.1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ**

*(Nguồn: Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ)*

AA được tổ chức theo các bộ phận chuyên trách, đứng đầu là Ban giám đốc.

Các bộ phận trực thuộc bao gồm:

- + Bộ phận kiểm toán
- + Bộ phận nghiên cứu phát triển
- + Bộ phận tư vấn và dịch vụ khách hàng
- + Bộ phận đào tạo
- + Bộ phận hành chính quản trị.

### **3.1.3. Mục tiêu, nguyên tắc, phương hướng hoạt động của Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

#### **3.1.3.1. Mục tiêu hoạt động**

Công ty kiểm toán Mỹ được thành lập nhằm vào mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các doanh nghiệp trong nước và các tổ chức Quốc Tế hoạt động tại Việt Nam về các lĩnh vực tư vấn tài chính, kế toán, thuế, quản lý đầu tư, giải pháp về tin học và kiểm toán báo cáo tài chính; nắm bắt kịp thời các quy định và pháp lệnh của Nhà nước Việt Nam về Kế Toán – Tài Chính – Thuế - Tin học trong quản lý kinh tế; giúp cho hoạt động của các doanh nghiệp có nhiều thuận lợi và đạt hiệu quả cao trong việc đầu tư vào Việt Nam.

Tôn chỉ của công ty là phấn đấu trở thành một hãng tư vấn và quản lý và kiểm toán phục vụ khách hàng với chất lượng phục vụ cao nhất, hiệu quả nhất.

“Mục tiêu phấn đấu là hỗ trợ khách hàng hoàn thành những kế hoạch đã đề ra, đồng thời đáp ứng được nguyện vọng phát triển của nhân viên và chính công ty”.

#### **3.1.3.2. Nguyên tắc hoạt động**

AA hoạt động theo nguyên tắc độc lập, khách quan, chính trực, bảo vệ quyền lợi và bí mật kinh doanh của khách hàng cũng như quyền lợi của chính bản thân mình trên cơ sở tuân thủ pháp luật quy định. Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, chất lượng dịch vụ cung cấp và uy tín công ty là những tiêu chuẩn hàng đầu mà mọi nhân viên phải tuân thủ.

Phương pháp kiểm toán của AA được dựa theo nguyên tắc chỉ đạo của kiểm toán viên và các chuẩn mực Kế toán, Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng phù hợp với pháp luật và các quy định của Chính phủ Việt Nam.

### **3.1.3.3. Phương hướng hoạt động**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, sự cạnh tranh khốc liệt đang diễn ra không loại trừ bất cứ ngành nghề nào, kể cả kiểm toán. Để tự khẳng định mình, công ty AA đang tiếp tục thực hiện theo phương châm “Khách hàng hài lòng nhận được lợi ích hiệu quả, tiêu chuẩn chất lượng cao từ dịch vụ chuyên nghiệp với thời gian và mức phí thực hiện hợp lý tại Việt Nam”.

### **3.1.4. Những dịch vụ Công ty cung cấp**

Tại Việt Nam, đội ngũ chuyên nghiệp của AA cùng nhau làm việc hết mình để giúp khách hàng cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh và đạt được mục tiêu tăng trưởng của doanh nghiệp. AA luôn sẵn sàng chia sẻ với khách hàng các phương pháp và dịch vụ toàn cầu giúp xây dựng nền tảng kiến thức quản trị và giao tiếp.

Phương châm làm việc của AA đặt khách hàng là trung tâm và tiếp cận với những vấn đề kinh doanh cơ bản của doanh nghiệp. Bằng việc lắng nghe các nguyện vọng và nhu cầu khách hàng, AA chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm làm việc dày dặn nhằm mang đến giải pháp tối ưu giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu kinh doanh và tăng trưởng của mình.

- Các dịch vụ cụ thể mà AA cung cấp:

- + Kiểm toán BCTC
- + Kiểm toán dự toán công trình xây dựng cơ bản
- + Kiểm toán quyết toán công trình xây dựng cơ bản
- + Kiểm toán theo mục đích chủ thể
- + Kiểm toán theo mục đích thoả thuận
- + Thực hiện kiểm tra lại
- + Nghiên cứu thẩm định
- + Tư vấn kế toán và tư vấn thuế cho các doanh nghiệp.

### **3.1.5. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ**

Duy trì khách hàng cũ trên cơ sở các hợp đồng đã ký kết, cố gắng giải quyết dứt điểm đúng niên độ, các lãnh đạo phòng ban, bộ phận tiếp thị tích cực tạo lập các quan hệ khách hàng mới, vận động các khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng.

### ***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

Do nhu cầu kiểm toán ở các thành phố, tỉnh thành phát triển mạnh – nhất là Đồng Nai, Bình Dương và Cần Thơ – nên AA đã mở rộng dịch vụ của mình ra các tỉnh. Đẩy mạnh và triển khai công tác tiếp thị trên diện rộng và chuyên môn hơn để đón nhận những khách hàng mới, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp và hoàn thành kế hoạch đề ra.

Hàng năm, Công ty AA đều báo cáo cho Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) về kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu hoạt động chủ yếu của Công ty.

#### **3.1.6. Kết quả hoạt động kinh doanh của AA – Chi nhánh Cần Thơ trong những năm gần đây**

Công ty TNHH kiểm toán Mỹ là một Công ty cung cấp khá đầy đủ các dịch vụ kiểm toán và tư vấn kế toán cho khách hàng. Từ năm 2008, Công ty được chính thức đủ điều kiện kiểm toán cho các Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Đó là một cơ hội đồng thời cũng là một thách thức lớn đối với Công ty. Một mặt, Công ty sẽ có nhiều cơ hội phát triển hơn, mở rộng đối tượng khách hàng, một mặt thì sẽ cạnh tranh gay gắt hơn và yêu cầu về tính hữu hiệu và hiệu quả gay gắt hơn bởi BCTC lúc này sẽ có nhiều đối tượng sử dụng và ảnh hưởng đến quyết định của các nhà đầu tư. Tuy nhiên với đội ngũ kiểm toán viên năng động và giàu kinh nghiệm, công ty đã không ngừng phát triển thương hiệu, tốc độ tăng trưởng doanh thu và số lượng khách hàng đến với công ty ngày càng tăng.

#### **Bảng 3.1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ - CHI NHÁNH CẦN THƠ GIAI ĐOẠN 2010-2012**

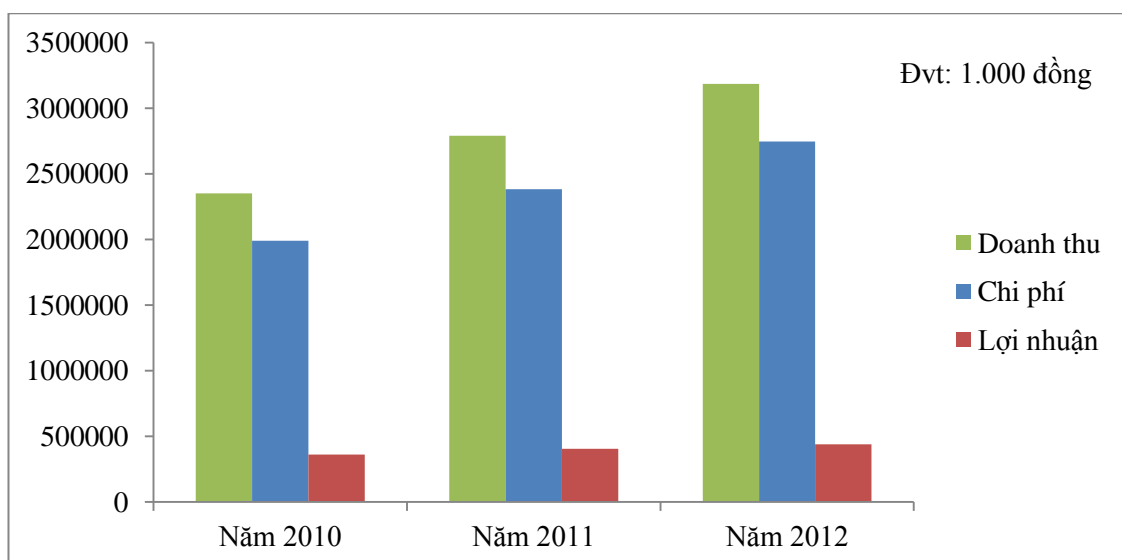
Đvt: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch			
				2011/2010		2012/2011	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
<b>Doanh thu</b>	<b>2.353.378</b>	<b>2.790.404</b>	<b>3.186.371</b>	<b>437.026</b>	<b>18,57</b>	<b>395.967</b>	<b>14,19</b>
- Kiểm toán & thẩm định	1.861.192	2.036.841	2.368.285	175.649	9,44	331.444	16,27

***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch			
				2011/2010		2012/2011	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Tư vấn	390.298	588.259	622.843	197.961	50,72	34.584	5,88
- Hoạt động khác	101.888	165.304	195.243	63.416	62,24	29.939	18,11
<b>Chi phí</b>	<b>1.992.418</b>	<b>2.384.037</b>	<b>2.747.532</b>	<b>391.619</b>	<b>19,66</b>	<b>363.495</b>	<b>15,25</b>
<b>Lợi nhuận</b>	<b>360.960</b>	<b>406.367</b>	<b>438.839</b>	<b>45.407</b>	<b>12,58</b>	<b>32.472</b>	<b>7,99</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ)



**Hình 3.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA AA – CHI NHÁNH CẦN THƠ GIAI ĐOẠN 2010 – 2012**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ)

**Nhận xét:**

Qua bảng thông tin và biểu đồ cột về tình hình hoạt động kinh doanh trên có thể thấy doanh thu có xu hướng tăng: năm 2011 tăng 437.026.000 đồng so với năm 2010, tương đương 18,57%; năm 2012 tăng 395.967.000 đồng so với năm 2011, tương đương 14,19%.

Trong đó, có thể dễ dàng nhận thấy doanh thu từ hoạt động kiểm toán là chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất và tăng qua các năm, điều này được giải thích



### ***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

là do Công ty luôn giữ chân được khách hàng cũ, bên cạnh đó Công ty tiến hành khai thác thêm khách hàng mới nên số lượng khách hàng yêu cầu kiểm toán của Công ty thường tăng lên sau mỗi năm, chứng tỏ uy tín và chất lượng kiểm toán của Công ty cũng ngày càng nâng lên và được nhiều khách hàng tin tưởng hơn.

Tuy nhiên, mặc dù Doanh thu tăng với một tỷ lệ cao nhưng Chi phí cho hoạt động của Công ty lại cũng tăng với một tỷ lệ tương ứng và có chiều hướng tăng tỷ lệ thuận với Doanh thu: năm 2011 tăng 391.619.000 đồng so với năm 2010, tương đương 19,66%; năm 2012 tăng 363.495.000 đồng so với năm 2011, tương đương 15,25%. Điều này dẫn đến tỷ lệ tăng lợi nhuận của Công ty qua các năm còn tương đối thấp: năm 2011 tăng 45.407.000 đồng tương ứng 12,58% so với năm 2010 và năm 2012 tăng 32.472.000 đồng tương ứng 7,99% so với năm 2011 cho thấy chi phí cho các hoạt động kiểm toán và thẩm định, tư vấn, và các hoạt động khác mà Công ty bỏ ra là rất lớn so với doanh thu mà Công ty đạt được. Mặc dù vậy, tỷ lệ lợi nhuận tăng cũng cho thấy lợi nhuận của Công ty mặc dù tăng ít nhưng vẫn chứng tỏ hoạt động của Công ty rất hiệu quả và có chiều hướng phát triển rất tốt trong giai đoạn 2010-2012.

Đây là kết quả đáng khích lệ cho quá trình hoạt động của Công ty AA. Để đạt được kết quả đó, tập thể nhân viên của Công ty đã luôn nỗ lực phấn đấu không ngừng cho hoạt động của mình, đặc biệt là xây dựng lòng tin và sự hài lòng nơi khách hàng. Tóm lại, trong quá trình từ khi thành lập và phát triển đến nay Công ty luôn tự hoàn thiện hoạt động của mình. Đặc biệt là hoạt động của Công ty đã dần đi vào quỹ đạo, tốc độ tăng trưởng khá nhanh và sẽ ổn định trong thời gian tiếp theo. Bên cạnh đó, với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, AA đã đáp ứng một cách hiệu quả đối với nhu cầu về lĩnh vực kiểm toán và đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong các hoạt động liên quan.

#### **3.1.7. Những thuận lợi, khó khăn của Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ**

##### **3.1.7.1. Thuận lợi**

- AA đã tạo ra lợi thế cạnh tranh bằng cách phát triển và sử dụng các kỹ năng và tài năng của nhân viên nhanh hơn các đối thủ cạnh tranh của AA.

- AA đã cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp để khách hàng thường xuyên không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các nước khác. Khách hàng của Công ty đến từ một phạm vi khác nhau của ngành công nghiệp. Ngoài ra, khách hàng của AA

### ***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

cũng bao gồm nhiều tổ chức quốc tế và các chương trình hỗ trợ. Do chủ yếu là sự đa dạng của khách hàng, AA đã thu được nhiều kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực. Do đó, kinh nghiệm công nghiệp có giá trị này cho phép Công ty cung cấp hiệu quả hơn, hiệu quả và giá trị thêm chuyên gia tư vấn cho nhiều khách hàng của các lĩnh vực đa dạng khách hàng của Công ty đã liên tục gọi và giới thiệu khách hàng mới đến công ty. Như vậy, phát triển danh mục đầu tư tổng thể của Công ty.

- Công ty Kiểm toán Mỹ, các chuyên gia và nhân viên làm việc với khách hàng đã được lựa chọn cẩn thận. Các chuyên gia và nhân viên chuyên nghiệp đủ điều kiện, tận tâm và kinh nghiệm trong thị trường kinh tế Việt Nam.

- Sự tăng trưởng về số lượng của các công ty niêm yết và công ty đại chúng đã tạo ra một thị trường rộng lớn cho các công ty kiểm toán độc lập. Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và chất lượng các dịch vụ cung cấp, AA đã tạo được niềm tin cho công chúng, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội, xây dựng được vị thế trong hoạt động kiểm toán ở Việt Nam.

#### **3.1.7.2. Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi có được, công ty cũng còn gặp phải một số khó khăn nhất định:

- Sự gia tăng các công ty kiểm toán độc lập cùng với xu thế hội nhập quốc tế đã tạo ra một môi trường cạnh tranh khốc liệt đòi hỏi các công ty kiểm toán phải ngày càng nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ cung cấp. Nguồn nhân lực thiếu hụt cũng là một vấn đề khó khăn của AA nói riêng và hoạt động kiểm toán tại Việt Nam nói chung.

+ Sự hiểu biết của khách hàng mới với AA còn hạn chế.

+ Khi bước vào mùa kiểm toán khoảng từ tháng 1 đến tháng 5 hàng năm thì khó khăn chính đối với công ty là thỏa thuận, sắp xếp về thời gian, lịch trình làm việc và thời hạn hoàn tất để phát hành báo cáo kiểm toán khá gấp rút. Vì vậy, công việc tiến hành phải giảm lược một số thủ tục để có thể hoàn thành đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời giảm bớt một phần chi phí kiểm toán.

## **3.2. KHÁI QUÁT QUY TRÌNH KIỂM TOÁN BCTC CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ**

Quy trình kiểm toán của Công ty AA bám sát theo chương trình kiểm toán mẫu của VACPA – “Hiệp hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam” được ban hành và chính thức áp dụng từ năm 2010. Bên cạnh, do thực tiễn từng khách hàng khác nhau nên AA luôn linh hoạt trong việc áp dụng chương trình kiểm toán mẫu của VACPA.

### **3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán**

#### **3.2.1.1. Tiếp cận khách hàng**

Lập kế hoạch kiểm toán là giai đoạn đầu tiên trong quy trình kiểm toán, do vậy đó là tiền đề cho những hoạt động kiểm toán của một cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán phải được lập một cách thích hợp nhằm đảm bảo bao quát hết các khía cạnh trọng yếu của một cuộc kiểm toán, phát hiện gian lận rủi ro và những vấn đề tiềm ẩn. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 300 mục 2, nêu rõ: “KTV và công ty kiểm toán cần lập kế hoạch kiểm toán để có thể đảm bảo được rằng cuộc kiểm toán đã được tiến hành một cách có hiệu quả”. Lập kế hoạch kiểm toán giúp KTV thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và có giá trị làm căn cứ để KTV đưa ra ý kiến của mình về BCTC của khách hàng. Không những thế, công việc này còn giúp hạn chế được những sai sót và nâng cao chất lượng của cuộc kiểm toán, tạo dựng niềm tin và uy tín đối với khách hàng. Sau khi nhận được thư mời kiểm toán của khách hàng, công ty sẽ phân công nhân viên thu thập thông tin về khách hàng về: lĩnh vực kinh doanh, tình hình tài chính, các thông tin quan trọng về khách hàng... Sau đó đánh giá chung hồ sơ khách hàng để quyết định xem có chấp nhận hợp đồng đối với khách hàng mới hay tiếp tục hợp đồng đối với khách hàng cũ hay không?

#### **\* Đối với khách hàng mới:**

Các thông tin về khách hàng mới sẽ phải được KTV cập nhật đầy đủ trước khi tiến hành vào thực hiện kiểm toán. Việc thu thập các thông tin tìm hiểu bao gồm đầy đủ các phần sau đây:

- Thảo luận với KTV tiền nhiệm.
- Tự đánh giá khả năng cung cấp dịch vụ (chuyên môn, nhân lực).

## **Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

- Đánh giá các yếu tố tiềm tàng có thể ảnh hưởng tính độc lập của kiểm toán.
  - Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tiềm tàng của cuộc kiểm toán.
  - Tìm hiểu sơ lược về khách hàng.
  - Con người: Những câu hỏi liên quan đến chủ sở hữu doanh nghiệp, người kiểm soát doanh nghiệp, người điều hành doanh nghiệp và các bên liên quan.
  - Sản phẩm: Những câu hỏi về sản phẩm chính của doanh nghiệp, những khách hàng chính, nhà cung cấp chính, những khoản chi chính và nguồn lợi nhuận chính của doanh nghiệp.
  - Thị trường: Hỏi về độ lớn của thị trường, đối thủ cạnh tranh và những thay đổi về thị trường.
  - Kết quả hoạt động kinh doanh: Hỏi về kết quả dự tính trong năm, luồng lưu chuyển tiền, điểm hòa vốn, kế hoạch trung và dài hạn.
  - Tài chính: Bao gồm những câu hỏi về nguồn tài trợ cho doanh nghiệp và mối quan hệ giữa doanh nghiệp và các nhà tài trợ.
  - Tài sản và công nợ: Nhằm biết về những khoản đầu tư của doanh nghiệp, mức tồn kho, thanh toán công nợ hay những tranh chấp với khách hàng và nhà cung cấp.
  - Hệ thống kế toán: Xem xét có sự thay đổi trong bộ máy kế toán của doanh nghiệp không.
  - Chính sách kế toán: Hỏi về sự khác biệt giữa chính sách kế toán doanh nghiệp so với quy định chung hay những thay đổi của bản thân chính sách áp dụng tại DN.
  - Những nhân tố khác: Cần nắm về quy trình sản xuất, những sự kiện xảy ra sau ngày kết toán, những nhân tố liên quan đến khả năng hoạt động liên tục, sự tác động của cơ quan thanh tra nhà nước.
- Thông thường, KTV sẽ tiến hành thu thập các thông tin về khách hàng mới thông qua bảng câu hỏi được thiết kế sẵn, qua đó, dựa vào các thông tin công ty khách hàng cung cấp, KTV sẽ tiến hành cập nhật vào hồ sơ thường trực những tài liệu có liên quan.

### **\* Đối với khách hàng cũ:**

- Được áp dụng cho khách hàng kiểm toán từ năm thứ hai.

## **Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

- Nội dung thực hiện tương tự như thủ tục chấp nhận khách hàng mới nhưng có một số sửa đổi:

+ Đánh giá lại khách hàng qua một năm làm việc trực tiếp (khả năng tiếp tục cung cấp dịch vụ của công ty kiểm toán, tính chính trực của Ban giám đốc ảnh hưởng đến phạm vi kiểm toán, khả năng hoạt động liên tục).

+ Tiếp tục đánh giá tính độc lập dựa trên nhóm kiểm toán sẽ tham gia và các dịch vụ khác mà công ty kiểm toán cung cấp.

+ Lược bớt thủ tục đánh giá rủi ro tiềm tàng (vì đã thực hiện ở năm đầu tiên).

### **3.2.1.2. Thỏa thuận sơ bộ với khách hàng và ký hợp đồng kiểm toán**

Sau khi chấp nhận hợp đồng với khách hàng, công ty trao đổi và thỏa thuận với khách hàng về kế hoạch kiểm toán: dịch vụ, mục đích kiểm toán, phạm vi, thời gian thực hiện, giá phí... thông qua email, điện thoại, bưu điện; sau đó trình báo Giám đốc và tiến hành lập hợp đồng gửi khách hàng ký.

Sau khi hợp đồng được đại diện hai bên ký, Giám đốc hoặc người được ủy quyền sẽ phân công cụ thể từng hợp đồng cho từng nhóm kiểm toán, thường là từ 3 đến 5 người, trường hợp Công ty lớn và phức tạp sẽ có thể có nhiều nhân sự hơn. Sau đó, KTV chính (nhóm trưởng của cuộc kiểm toán) có trách nhiệm phân công công việc từng thành viên và tổ chức thực hiện kiểm toán. Mọi vấn đề liên quan quan trọng phải trình báo cho Giám đốc để được theo dõi và chỉ đạo khi cần thiết.

### **3.2.1.3. Lập kế hoạch**

KTV chính có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm toán theo mẫu công ty và được soát xét bởi thành viên Ban giám đốc. Đối với những khách hàng được xác định là trọng điểm và quan trọng, phải bổ sung thêm các thông tin vào công việc vào chương trình mẫu để phù hợp với tình hình cụ thể từng khách hàng.

*Lập kế hoạch chiến lược:* kế hoạch chiến lược thường chỉ được lập khi phục vụ kiểm toán cho các Công ty khách hàng có quy mô lớn, tính chất công việc phức tạp, địa bàn rộng, và báo cáo tài chính nhiều năm.

*Lập kế hoạch tổng thể:* kế hoạch tổng thể được lập cho mọi cuộc kiểm toán, trong đó mô tả phạm vi dự kiến và cách tiến hành công việc kiểm toán. Việc lập kế hoạch tổng thể bao gồm nhiều công việc khác nhau và những vấn đề chủ yếu

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

KTV cần xem xét và trình bày trong kế hoạch tổng thể tại công ty Kiểm toán Mỹ bao gồm: hiểu biết về tình hình hoạt động của khách hàng; tìm hiểu về chính sách kế toán và chu trình kinh doanh quan trọng; phân tích sơ bộ về báo cáo tài chính; đánh giá chung về hệ thống KSNB và trao đổi gian lận với Ban Giám đốc; xác định mức trọng yếu kế hoạch và đánh giá rủi ro kiểm toán. Bên cạnh đó, KTV yêu cầu khách hàng cung cấp một số thông tin sau:

- Giấy phép thành lập Công ty
- Các BCTC năm kiểm toán của đơn vị
- Các quyết toán thuế hàng năm, đặc biệt là các quyết toán thuế trước năm kiểm toán
- Tham khảo báo cáo kiểm toán năm trước (nếu có)
- Việc công ty mở các loại sổ sách có đầy đủ, đúng quy định. Việc lưu giữ chứng từ, cập nhật các thông tin văn bản có đầy đủ và có hệ thống không?

**3.2.1.4. Đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát**

Sau khi ký hợp đồng với khách hàng, xác định đối tượng khách hàng và kế hoạch kiểm toán công ty sẽ cử người tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ, các chính sách kế toán và chu trình kinh doanh quan trọng của khách hàng bằng Bảng câu hỏi, từ đó KTV tiến hành đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát chung cho toàn bộ BCTC:

- Môi trường chung, ngành nghề và các nhân tố bên ngoài.
- Hệ thống, chính sách kế toán áp dụng
- Kết quả kinh doanh và cách thức đánh giá kết quả kinh doanh của Ban Giám đốc.
- Đặc điểm và tính chính trực của Ban Giám đốc
- Cơ cấu tổ chức và quản lý
- Mối quan hệ giữa các bên hữu quan
- Thông tin pháp lý về khách hàng
- Những sự kiện quan trọng và nghiệp vụ bất thường

Đồng thời tiến hành đánh giá sơ bộ BCTC của công ty, từ đó KTV đưa ra ý kiến về rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát trên các khoản mục đã phân tích. Dựa vào những thông tin đã thu thập được và kinh nghiệm kiểm toán, KTV tiến hành đánh giá sơ bộ ban đầu về rủi ro kiểm toán và xác định mức trọng yếu.

*\* Đánh giá rủi ro kiểm toán*

Theo công thức:  $AR = IR \times CR \times DR$

Trong đó: IR: rủi ro tiềm tàng

CR: rủi ro kiểm soát

DR: rủi ro phát hiện

**3.2.1.5. Xác lập mức trọng yếu**

*\* Xác lập mức trọng yếu ở mức độ tổng thể Báo cáo tài chính (PM)*

Hiện nay, AA đang áp dụng chương trình kiểm toán mẫu của VACPA ban hành và áp dụng từ năm 2010. Dựa vào đó và kinh nghiệm thực tiễn của mình KTV sẽ chọn lựa các chỉ tiêu và tính toán đưa ra mức trọng yếu phù hợp cho từng công ty khách hàng cụ thể.

Và thường mức trọng yếu được xác định là số nhỏ nhất của các mức lựa chọn

Lợi nhuận trước thuế x Tỷ lệ quy định.

Doanh thu x Tỷ lệ quy định.

Tổng giá trị tài sản x Tỷ lệ quy định.

Với tỷ lệ quy định là:

+ 5% - 10% Lợi nhuận trước thuế.

+ 0,5% - 3% Trên doanh thu.

+ 2% Tổng giá trị tài sản và vốn.

Việc lựa chọn tỷ lệ quy định từ 5% - 10% giá trị lợi nhuận trước thuế, 0,5% - 3% giá trị doanh thu hay 2% giá trị tổng giá trị tài sản. Tùy vào xét đoán nghề nghiệp của KTV, tùy từng mỗi loại hình doanh nghiệp cụ thể, KTV sẽ xác lập mức trọng yếu khác nhau dựa vào đánh giá ban đầu về rủi ro tiềm tàng. Ví dụ doanh nghiệp Nhà nước có xu hướng chạy theo thành tích; doanh nghiệp tư nhân thì có xu hướng khai thấp thu nhập và khai không chi phí để trốn thuế...

*\* Phân bổ mức trọng yếu cho từng khoản mục (TE)*

Sau khi xác định mức trọng yếu cho toàn bộ BCTC, KTV tiến hành phân bổ mức trọng yếu cho các khoản mục. Tuy nhiên, trước khi phân bổ cần xác định các chỉ tiêu phải được kiểm tra 100% là:

- Đầu tư ngắn hạn và dài hạn

- Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

- Các khoản dự phòng
- Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn
- Chi phí phải trả
- Nguồn vốn kinh doanh
- Chi phí khác và thu nhập khác.

Những khoản mục này cần được kiểm tra 100% vì đây là các khoản mục mang tính ước tính (Khoản dự phòng, Chi phí phải trả), ít phát sinh nghiệp vụ (TSCĐ, Bất động sản đầu tư), có tính chất quan trọng (Các khoản vay, Đầu tư tài chính, Nguồn vốn kinh doanh), có tính chất bất thường và dễ sai ra sai phạm (Chi phí và thu nhập khác).

Sau khi loại trừ các khoản mục này KTV sẽ phân bổ mức trọng yếu cho các khoản mục còn lại theo công thức sau:

$$\text{Mức trọng yếu phân bổ cho từng chỉ tiêu} = \frac{\text{Số dư từng chỉ tiêu} \times \text{Mức trọng yếu}}{\text{Tổng giá trị tài sản - thực hiện kiểm tra 100\% (của tài sản hoặc nguồn vốn)}} \times \text{Tổng số dư những chỉ tiêu}$$

Hay đơn giản hơn, KTV so sánh 50% giá trị mức trọng yếu tổng thể với 10% giá trị khoản mục cụ thể. Giá trị nào thấp hơn thì được KTV chọn là mức trọng yếu cho khoản mục đó.

### **3.2.2. Thực hiện kiểm toán**

Đây là giai đoạn tốn nhiều thời gian, công sức của KTV và là giai đoạn chính của quá trình kiểm toán. Sau khi tìm hiểu về khách hàng, xác lập mức trọng yếu và đánh giá rủi ro kiểm toán, KTV thực hiện các thử nghiệm kiểm soát bằng phương pháp: kiểm tra chứng từ, thực hiện lại các thủ tục kiểm soát, quan sát, phỏng vấn (đối với khách hàng có thiết kế HTKSNB chính thức). Đồng thời, thực hiện các thử nghiệm cơ bản với các nội dung chính:

- So sánh số liệu năm trước và năm nay (tương đối và tuyệt đối)
- Đối chiếu số liệu năm trước với số liệu đã kiểm toán năm trước
- Đối chiếu số liệu năm nay với Bảng cân đối phát sinh trước kiểm toán
- Kết hợp thủ tục kiểm tra phân tích



## **Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

- Cập nhật các điều chỉnh kiểm toán sau khi thống nhất với khách hàng, đối chiếu với BCTC sau điều chỉnh.

- Kiểm tra tính toán số học
- Kiểm tra chi tiết các chứng từ
- Gửi thư xác nhận
- Kiểm kê, quan sát tài sản
- Kiểm tra tính ghi nhận đúng kỳ (Cut-off)
- Soát xét các nghiệp vụ, số dư bất thường
- Kiểm tra tính trình bày trên BCTC.

Sau khi thực hiện các thử nghiệm cơ bản KTV đánh giá lại mức trọng yếu xem có phù hợp hay không? Đánh giá ảnh hưởng của các sai sót được phát hiện tới quá trình kiểm toán, đánh giá lại nội dung, phạm vi, lịch trình các thủ tục kiểm toán đã thực hiện.

### **3.2.3. Hoàn thành kiểm toán**

#### **3.2.3.1. Hoàn thành kiểm toán và và phát hành báo cáo**

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán, các KTV kết thúc kiểm toán cho phần hành của mình và hoàn thiện giấy tờ làm việc. Sau đó, trưởng nhóm kiểm toán tiến hành tập hợp lại và thực hiện kiểm tra, soát xét các giấy tờ làm việc với mục đích:

- Đảm bảo các bằng chứng đã thu thập được có thể thỏa mãn những mục tiêu đã đề ra.

- Đảm bảo các giấy tờ làm việc đã chứa đựng đầy đủ thông tin cần thiết để chứng minh cho những ý kiến trên Báo cáo kiểm toán sau này.

Sau khi thu thập bằng chứng và tổng hợp sai sót, KTV sẽ trao đổi trực tiếp với Kế toán trưởng hoặc Giám đốc về tất cả những sai sót phát hiện và phát hành Dự thảo báo cáo kiểm toán để khách hàng có ý kiến. Sau khi lấy ý kiến của đơn vị được kiểm toán, Công ty sẽ phát hành Báo cáo kiểm toán chính thức. Nhưng trước khi phát hành Báo cáo kiểm toán chính thức, KTV sẽ thu thập Thư giải trình của Giám đốc để làm bằng chứng về việc Giám đốc đơn vị thừa nhận trách nhiệm của mình trong việc lập và trình bày BCTC trung thực, hợp lý và phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành đồng thời cam kết đã phê duyệt BCTC. Trong đó cũng bao gồm các giải trình bằng văn bản của Giám đốc đơn vị về

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

những vấn đề xét thấy có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC mà KTV không thu thập đủ bằng chứng thích hợp.

**3.2.3.2. Lưu trữ hồ sơ**

Sau khi hoàn tất việc phát hành Báo cáo kiểm toán, các KTV sẽ tiến hành tập hợp và lưu trữ các phần hành vào một hồ sơ có đánh số tham chiếu đầy đủ theo thứ tự A,B,C.... Mỗi phần hành tương ứng với một chữ cái và Hồ sơ kiểm toán sẽ được cất giữ cẩn thận tại công ty.

Riêng khoản mục chi phí trong thực tế được tham chiếu theo ký tự G (theo chương trình kiểm toán mẫu của VACPA năm 2010, chung với kiểm chi tiết doanh thu và thu nhập). Cụ thể:

G230 – Giá vốn hàng bán

G330 – Chi phí bán hàng

G430 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

G530 – Doanh thu và chi phí tài chính

G630 – Thu thập và chi phí khác.

Nhưng trong bài viết này, người viết lấy cách đánh theo thứ tự từ G1, G2,...chung cho các khoản mục chi phí, để người đọc tiện theo dõi và đối chiếu.

**3.3. KHÁI QUÁT CHUNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN CHI PHÍ ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ**

Quy trình kiểm toán khoản mục chi phí thuộc quy trình kiểm toán BCTC chung của AA. Nên tác giả chỉ đề cập đến những phần cụ thể đối với khoản mục Chi phí. Dưới đây là lý thuyết của AA, đôi khi quy trình kiểm toán khoản mục Chi phí áp dụng cụ thể cho công ty khách hàng có thể có nội dung không thực hiện hay thực hiện thêm nội dung khác.

**3.3.1. Tìm hiểu HTKSNB**

Cũng tùy thuộc vào quy mô của Công ty khách hàng mà KTV có phương pháp để tìm hiểu HTKSNB khác nhau.

KTV sẽ dựa trên xét đoán nghề nghiệp, tìm hiểu đánh giá thông qua việc quan sát; xem xét chứng từ, sổ sách và phỏng vấn nhân viên và quản lý đối với đơn vị được kiểm toán có quy mô vừa và nhỏ.

Đối với đơn vị được kiểm toán có quy mô lớn thì KTV sử dụng bảng câu hỏi được thiết kế sẵn cho khoản mục chi phí.

### **3.3.2. Đánh giá rủi ro kiểm soát**

Sau khi tìm hiểu HTKSNB thì KTV đi vào đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát. Rủi ro kiểm soát được đánh giá mức thấp khi HTKSNB thật sự hữu hiệu và hiệu quả. KTV sẽ tiến hành các thử nghiệm kiểm soát ở mức độ trung bình. Và rủi ro được đánh giá ở mức cao khi HTKSNB có dấu hiệu không hiệu quả và số nhiều câu trả lời trên bảng câu hỏi của KTV lập là “Không” và “Trọng yếu” (hay “Quan trọng”) thì KTV sẽ tăng cường các thử nghiệm kiểm soát khi kiểm tra.

### **3.3.3. Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát**

Tuỳ vào loại hình công ty khách hàng mà có các loại thử nghiệm khác nhau, sau đây người viết đưa ra các thử nghiệm kiểm soát cơ bản nhất của AA:

*Thử nghiệm kiểm soát 1:* Kiểm tra tính chính xác về mặt số học của các sổ chi tiết và sổ cái; kiểm tra việc kết chuyển số liệu từ sổ chi tiết và sổ cái, BCTC.

*Mục tiêu:* Đảm bảo số liệu được mục tiêu ghi chép chính xác đến ngày khoá sổ, và được thể hiện đầy đủ trên BCTC.

*Thử nghiệm kiểm soát 2:* Kiểm tra sự phân chia trách nhiệm giữa các bộ phận chức năng trong cùng một nghiệp vụ.

*Mục tiêu:* Bằng phương pháp quan sát để nhận biết được sự phân chia trách nhiệm giữa các bộ phận liên quan, KTV có thể đánh giá HTKSNB của đơn vị có hữu hiệu hay dễ xảy ra sai sót và gian lận của các bộ phận.

*Thử nghiệm kiểm soát 3:* Kiểm tra sự xét duyệt các khoản chi.

*Mục tiêu:* Đảm bảo các khoản chi phải được xét duyệt trước khi chi, chi đúng mục đích.

*Thử nghiệm kiểm soát 4:* Kiểm tra tính liên tục, hợp lý, hợp lệ của các chứng từ sử dụng. Đồng thời kiểm tra việc ghi chép khoản chi lên sổ sách có đúng thời điểm.

*Mục tiêu:* Các khoản chi được hạch toán đúng đắn về thời gian và giá trị; không bị mất chứng từ; đầy đủ các chữ ký, có nội dung diễn giải nghiệp vụ phát sinh.

*Thử nghiệm kiểm soát 5:* Kiểm tra việc ghi nhận các nghiệp vụ mua hàng phát sinh trong kỳ.

*Mục tiêu:* Đảm bảo các nghiệp vụ mua hàng có đầy đủ chứng từ kèm theo như giấy đề nghị của các bộ phận liên quan, đơn đặt hàng, bảng báo giá (nếu có),

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**  
phiếu chi, uỷ nhiệm chi, phiếu nhập kho, phiếu giao hàng hay biên bản giao nhận, hoá đơn của nhà cung cấp.

### **3.3.4. Thử nghiệm cơ bản**

#### **3.3.4.1. Thử tực phân tích**

KTV tiến hành phân tích biến động và cơ cấu số dư các khoản mục chi phí của năm được kiểm toán với số dư khoản mục chi phí năm trước. Phân tích chi phí dựa trên biến động doanh thu.

*Mục tiêu:* Đánh giá các tính hợp lý của số liệu các biến động lớn.

#### **3.3.4.2. Thử nghiệm chi tiết**

*Thử nghiệm chi tiết 1:* Lập bảng kê chi tiết các khoản mục chi phí theo từng tháng trong năm. Sau đó rà soát xem có biến động bất thường không.

*Thử nghiệm chi tiết 2:* Kiểm tra chi tiết chứng từ đối với các giao dịch của các khoản mục chi phí.

*Thử nghiệm chi tiết 3:* Xét đoán tính hợp lý các khoản mục chi phí nhạy cảm.

*Thử nghiệm chi tiết 4:* Kiểm tra tính đúng kỳ của chi phí (đối chiếu các phần hành liên quan).

*Thử nghiệm chi tiết 5:* Đối chiếu các khoản chi thực tế tại đơn vị với quy chế nội bộ được quy định.

## CHƯƠNG 4

### QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC CHI PHÍ

#### ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ABC

#### 4.1. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

##### 4.1.1. Tiếp nhận khách hàng

###### 4.1.1.1. Tiếp cận khách hàng

Do công ty CP ABC là khách hàng cũ của AA, nên việc tiếp cận tìm hiểu khách hàng không có gì phức tạp và được tiến hành dễ dàng. Nhưng không vì lý do đó mà việc tiếp cận, tìm hiểu thông tin khách hàng được tiến hành sơ sài. Sau đây là những thông tin mà KTV thu thập được bằng phương pháp quan sát, phỏng vấn, và thu thập các tài liệu có liên quan:

*Mục đích kiểm toán:*

- Công bố tình hình hoạt động kinh doanh năm 2012 của công ty cho các cổ đông.
- Xác nhận độ trung thực, hợp lý của toàn bộ BCTC. Đây sẽ là kết quả đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty Cổ phần ABC và từ đó làm cơ sở phát hành thêm cổ phiếu và huy động đầu tư vốn của các cổ đông.

*Phí kiểm toán:* Tổng phí thực hiện cuộc kiểm toán là 55.000.000 đồng.

*Vài nét về Công ty Cổ Phần ABC:*

###### 4.1.1.2. Tổng quan về Công ty Cổ phần ABC

Công ty CP ABC được thành lập theo chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5703000032 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 27/06/2007.

Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần ABC**

Tên tiếng Anh: **ABC Joint Stock Corporation**

Tên viết tắt: **ABC**

Địa chỉ: 53, đường Cách Mạng Tháng Tám, P. Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ

Mã số chứng khoán: ABC sàn HNX

Mã số thuế: 0800296856

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

Điện thoại: 0710.3821 886 – 3815 109 – 3884 910

Fax: 0710.3821 143

Vốn điều lệ: **97.499.950.000** đồng.

*a. Lĩnh vực kinh doanh*

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là: Sản xuất và thương mại

*b. Ngành nghề kinh doanh*

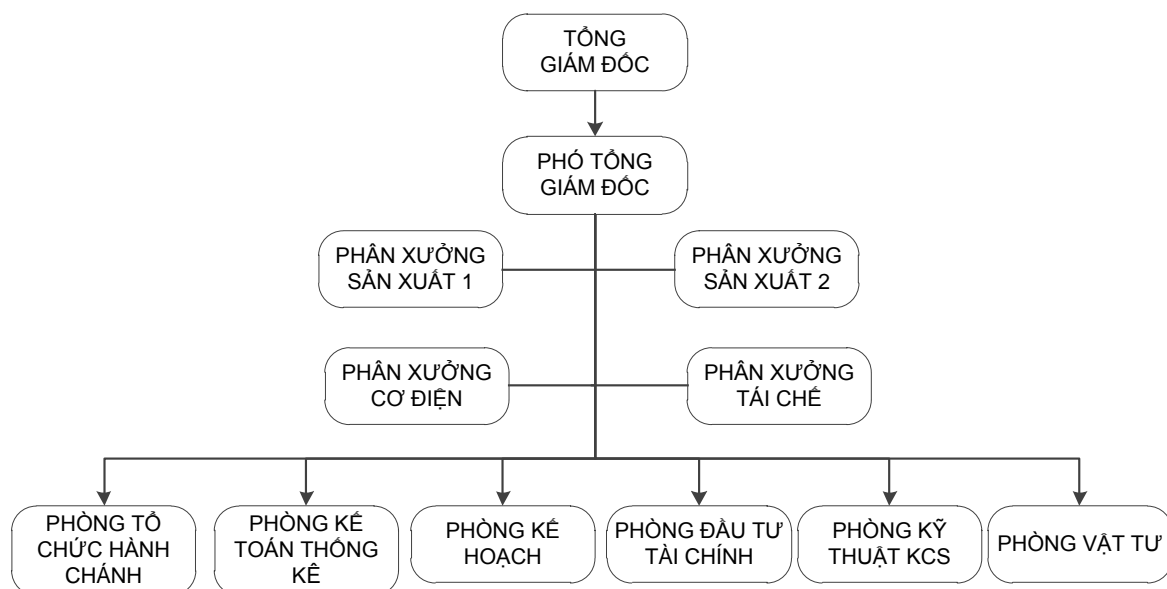
Sản xuất xi măng, các sản phẩm từ xi măng và vỏ bao đựng xi măng.

Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác.

Đầu tư kinh doanh bất động sản.

*c. Sơ đồ tổ chức công ty*



**Hình 4.1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ABC**

(Nguồn: Công ty Cổ phần ABC)

*- Hội đồng quản trị*

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Trương Thanh Sơn – Phó chủ tịch HĐQT

Ông Hoàng Văn Thành – Thành viên

Ông Lý Minh Tâm – Thành viên

*- Ban Giám đốc*

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Tổng Giám đốc

Ông Trương Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc

- Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Đình– Trưởng ban

Ông Ngô Thành Đạt – Kiểm soát viên

Ông Lê Hoàng Hào – Kiểm soát viên

*d. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

*\* Năm tài chính*

Kỳ kế toán của đơn vị được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.

*\* Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị sử dụng tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

*e. Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng*

*\* Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính. Và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kiểm toán và chế độ kế toán: Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

*\* Chuẩn mực kế toán áp dụng*

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng chuyển đổi thành các lượng tiền xác định cũng như không nhiều rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

## ***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

### *- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:*

+ Hàng tồn kho được đánh giá theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

+ Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

+ Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### *- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định*

+ Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được giá định giá trị ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

+ Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30 năm
Máy móc thiết bị	06 – 15 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 – 10 năm

### *- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính*

+ Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

+ Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

+ Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trung ương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

+ Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

+ Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

+ Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

*- Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước*

+ Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

+ Các chi phí sau đây đã phát sinh trong kỳ nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác phát sinh có liên quan đến kết quả kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

+ Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

*- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả*

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

*- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả*

+ Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

+ Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

+ Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

*- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

*- Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

*- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính*

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

+ Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

+ Chi phí cho vay và đi vay vốn;

+ Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

*- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế*

+ Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**+ Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Nhận xét việc tiếp cận và bước đầu tìm hiểu Công ty khách hàng:**

AA đã bước đầu nắm được các thông tin cơ bản của khách hàng như: đặc điểm kinh doanh, cách tổ chức nhân sự công ty, niên độ kế toán, đồng tiền sử dụng, các chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán đang được áp dụng tại đơn vị,...từ năm kiểm toán trước. KTV đã thu thập các tài liệu như các Biên bản họp Hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị và điều lệ công ty xem có biến động bất thường gì không, và điều lệ có thay đổi gì lớn và quan trọng không; để phục vụ cho công tác tìm hiểu đơn vị.

Nhưng sau tìm hiểu thì cơ bản, đơn vị không có sự thay đổi đáng kể nào về loại hình, đặc điểm kinh doanh,...Việc tìm hiểu loại hình, đặc điểm kinh doanh còn giúp cho KTV dễ lưu ý đến những vấn đề quan trọng, những sai phạm, gian lận mà đơn vị có thể gặp phải. Từ đó KTV có thể nhận định để định hướng tốt hơn cho việc lập kế hoạch và thiết kế chương trình kiểm toán.

**4.1.2. Lập kế hoạch kiểm toán**

Sau khi ký hợp đồng kiểm toán với Công ty Cổ phần ABC, AA đã tiến hành lập kế hoạch kiểm toán như sau:

**\* Phân công nhóm kiểm toán**

Việc phân công nhóm thực hiện kiểm toán tại công ty khách hàng được BGD cân nhắc rất kỹ tùy theo mức độ, quy mô, tính phức tạp của các số liệu kế toán, cùng với năng lực của KTV. Do đó trong chuyến kiểm toán năm này, Ban Giám đốc đã cử những KTV và Trợ lý KTV có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm; trong đó có một KTV chính đã từng kiểm toán công ty khách hàng năm trước vì KTV chính đã am hiểu đặc điểm kinh doanh và các nghiệp vụ kinh tế của đơn vị.

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

- Nhóm kiểm toán
- + Trưởng nhóm\_KTV chính: Nguyễn Phạm Thái Bình
- + Trợ lý kiểm toán: Mai Văn Nhó
- + Trợ lý kiểm toán: Võ Quang Minh
- + Trợ lý kiểm toán: Đào Trung Chánh

*(Sau đây gọi chung là KTV)*

**\* Phạm vi công việc:**

- Tìm hiểu HTKSNB và đánh giá rủi ro.
- Xác lập mức trọng yếu.
- Xác định mục tiêu kiểm toán cần thực hiện.
- Thực hiện các thử nghiệm cơ bản kiểm tra BCTC và các khoản mục trình bày trên BCTC (cụ thể đề tài này là khoản mục chi phí).
- Sau đó, trao đổi những vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán cần xem xét, thảo luận bút toán điều chỉnh.
- Tổng hợp và phát hành báo cáo kiểm toán dự thảo.
- Phát hành báo cáo chính thức khi được xét duyệt của Ban Giám đốc.

**\* Thời gian kiểm toán:**

Cuộc kiểm toán BCTC cho năm kết thúc 2012 của Công ty Cổ phần ABC được bắt đầu từ ngày 21/03/2013 và dự kiến kết thúc vào ngày 24/03/2013 tại văn phòng làm việc của công ty khách hàng.

Thời gian dự kiến phát hành Báo cáo dự thảo là khoảng 10 ngày sau khi kết thúc cuộc kiểm toán.

**\* Tài liệu yêu cầu đơn vị chuẩn bị cho cuộc kiểm toán**

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh.
- Điều lệ hoạt động của công ty.
- Biên bản hoạt động họp Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc tính đến đầu năm 2012 đến thời điểm kiểm toán.
- Báo cáo kiểm toán năm trước.
- Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2012.
- Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản khoản mục chi phí.
- Các chứng từ kế toán, hoá đơn,...liên quan đến khoản mục chi phí cho năm tài chính 2012.

**4.1.3. Tìm hiểu HTKSNB và đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát**

**4.1.3.1. Tìm hiểu HTKSNB**

Để tìm hiểu HTKSNB tại đơn vị, KTV thiết lập bảng câu hỏi về khoản mục chi phí để phỏng vấn bộ phận quản lý của công ty khách hàng (Kế toán trưởng, Ban Giám đốc). Bảng câu hỏi được thiết kế với dạng trả lời “Có” hoặc “Không”, “Không áp dụng”. Và mỗi câu trả lời “Không” được đánh giá là quan trọng hay không quan trọng. HTKSNB của đơn vị được đánh giá là tốt khi có nhiều câu trả lời là “Có” và mức rủi ro kiểm soát đánh giá ở mức thấp.

**Bảng 4.1. BẢNG CÂU HỎI TÌM HIỂU HTKSNB**

S T T	Câu hỏi	Phần trả lời				Ghi chú	
		Không	Có	Không áp dụng	Yếu kém		
					Quan trọng		Thứ yếu
1	Doanh nghiệp có phân chia trách nhiệm giữa thủ quỹ và kế toán kho, bộ phận ghi chép chi phí và bộ phận mua hàng hay không?		✓				
2	Đơn đặt hàng có được lập dựa trên phiếu yêu cầu mua hàng đã được xét duyệt hay không?		✓				
3	Các phiếu chi có được đánh số liên tục trước khi đưa vào sử dụng không?		✓				
4	Có sự phân cấp thẩm quyền việc xét duyệt chi hay không?		✓				
5	Thủ quỹ có kiểm tra tính hợp lệ của phiếu chi trước khi chi hay không?		✓				
6	Các nghiệp vụ chi có được ghi nhận đầy đủ ngay khi phát sinh nghiệp vụ hay không?		✓				

***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

ST T	Câu hỏi	Phản trả lời					Ghi chú
		Không	Có	Không áp dụng	Yếu kém		
					Quan trọng	Thứ Yếu	
7	Chi phí giá vốn hàng bán có được ghi chép cùng lúc với việc ghi chép doanh thu hay không?		✓				
8	Dự phòng phải thu khó đòi có được phê duyệt của cấp có thẩm quyền trước khi phản ánh vào chi phí hay không?		✓				
9	Các chứng từ về chi phí vận chuyển, bốc dỡ khi mua hàng có được kiểm tra trước khi ghi chép, phân bổ vào chi phí hay không?		✓				
10	Doanh nghiệp có mức quy định tối đa về khoản công tác phí, chi phí tiếp khách hay không?	✓			✓		
11	Hàng thiếu đã xử lý, hàng mất, hàng hư hỏng,... khi đưa vào chi phí có được cấp có thẩm quyền phê duyệt hay không?		✓				
12	Bảng tính lương có được lập dựa trên bảng thống kê nhân sự và bảng chấm công hay không?		✓				
13	Có được phân chia trách nhiệm giữa các bộ phận theo dõi nhân sự, theo dõi thời gian và khối lượng lao động, lập bảng thanh toán tiền lương và ghi chép tính lương hay không?		✓				



***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

S T T	Câu hỏi	Phản trả lời					Ghi chú
		Không	Có	Không áp dụng	Yếu kém		
					Quan trọng	Thứ yếu	
14	Có quy định về chi phí khi tiến hành thu mua nguyên liệu hay không?		✓				
15	Trong quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ, đơn vị có tiến hành đúng các quy định hiện hành hay không?		✓				
16	Công ty có lập kế hoạch chi phí sửa chữa TSCĐ hay không?		✓				
17	Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ có được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ hay không?		✓				
18	Công ty có mức quy định về tỷ lệ hoa hồng, chiết khấu, hạn mức bán chịu hay không?		✓				
19	Doanh nghiệp có thường thực hiện các khoản chi chủ yếu (có số tiền lớn) qua ngân hàng không?		✓				
20	Các khoản chi phí phát sinh có giá trị lớn có được phân bổ nhiều kỳ hay không?		✓				
21	Doanh nghiệp có lập dự toán các khoản chi phí không?		✓				
22	Hàng tháng, hàng quý có cộng dồn sổ chi tiết chi phí với sổ cái và lập bảng tổng hợp hay không?		✓				

***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

S T T	Câu hỏi	Phản trả lời					Ghi chú
		Không	Có	Không áp dụng	Yếu kém		
					Quan trọng	Thứ yếu	
23	Có kiểm tra, đối chiếu sổ chi tiết, sổ cái khoản mục chi phí trước khi lập Báo cáo hoạt động kinh doanh không?		✓				
24	Có sự kiểm tra độc lập để đảm bảo rằng công việc nhập liệu là chính xác hay không?	✓			✓		
25	Công ty có hạn chế quyền truy cập của nhân viên (đặt mật khẩu, mã hoá dữ liệu,...) hay không?		✓				

*(Nguồn: Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ)*

**Nhận xét việc tìm hiểu HTKSNB:**

Việc tìm hiểu HTKSNB bằng bảng câu hỏi, KTV có thể nhanh chóng nắm bắt được các vấn đề quan trọng mà KTV bước đầu nghi ngờ. Qua đó, KTV có thể nắm bắt được những điểm mạnh, điểm yếu mà từ đó đưa ra nhận xét ban đầu về HTKSNB. Là cơ sở cho việc lập kế hoạch, phân công phần hành cho các KTV, hạn chế rủi ro và tăng hiệu quả cuộc kiểm toán.

Tuy nhiên, Bảng câu hỏi được thiết kế chung nên việc đặc thù cho từng đơn vị thì còn hạn chế, nên cũng ảnh hưởng đến kết quả việc tìm hiểu HTKSNB. Bên cạnh, mức độ đảm bảo tính chính xác của các câu trả lời không cao, còn phụ thuộc và sự hiểu biết, trung thực và thiện chí người được phỏng vấn. KTV có thể áp dụng bảng câu hỏi cho các nhân viên thay vì bộ phận quản lý nhằm tăng độ tin cậy.

Bên cạnh Bảng câu hỏi thường là lưu đồ mô tả KSNB giúp KTV nhận xét chính xác hơn, cái nhìn sâu sắc hơn về HTKSNB; nhưng lưu đồ chưa được KTV áp dụng để tìm hiểu HTKSNB.

#### **4.1.3.2. Đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát**

Dựa vào kinh nghiệm của kiểm toán viên và bảng câu hỏi. Trong đó KTV đưa ra 25 câu hỏi và nhận được 23 câu trả lời là “Có” và 2 câu trả lời “Không”, kiểm toán viên đánh giá HTKSNB đối với khoản mục chi phí của đơn vị được thiết kế tương đối chặt chẽ và khá hữu hiệu.

*Rủi ro kiểm toán (AR)* – Được KTV đánh giá ở mức khá thấp là 5%. Do tinh thần trách nhiệm đòi hỏi KTV luôn nhìn nhận ở góc độ hoài nghi nghề nghiệp, và do trình độ chuyên môn cùng với kinh nghiệm kiểm toán khá tốt của nhóm kiểm toán, cùng với khả năng soát xét, đánh giá và nhìn nhận vấn đề khá chặt chẽ, cũng như việc thiết kế và thực hiện khá hoàn chỉnh các thử nghiệm thì khả năng có rủi ro trong việc đưa ra ý kiến không hợp lý về BCTC là rất thấp.

*Rủi ro tiềm tàng (IR)* – Được đánh giá ở mức khá cao là 75%. Dựa trên kinh nghiệm của KTV và tính chất phức tạp của khoản mục, của thị trường đang cạnh tranh của các mặt hàng, dịch vụ của công ty khách hàng.

*Rủi ro kiểm soát (CR)* – Được KTV đánh giá là 30% (tương đối thấp). Dựa trên việc tìm hiểu HTKSNB được đơn vị khách hàng thiết kế một cách hữu hiệu và chặt chẽ. Các kế toán viên được huấn luyện và có trình độ kế toán cao, ban lãnh đạo đơn vị có tinh thần trách nhiệm và phong cách điều hành tốt.

*Rủi ro phát hiện (DR)* – Được đánh giá theo công thức sau:

$$DR = \frac{AR}{CR \times IR} = \frac{5\%}{30\% \times 75\%} = 22,22\%$$

#### **Nhận xét:**

Việc đánh giá rủi ro chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và xét đoán của KTV, thông qua quá trình tìm hiểu HTKSNB cùng với mức độ ảnh hưởng của khoản mục chi phí trên BCTC. Rủi ro phát hiện (DR) được đánh giá tương đối thấp, với rủi ro kiểm soát (CR) là 30% và mức rủi ro tiềm tàng (IR) là khá cao thúc đẩy KTV mở rộng phạm vi thu thập bằng chứng kiểm toán trong quá trình kiểm toán. Điều này sẽ góp phần làm giảm rủi ro phát hiện (DR), và quá trình thu thập nhiều bằng chứng kiểm toán làm mất nhiều thời gian và công sức của KTV.

#### **4.1.4. Xác lập mức trọng yếu**

##### **4.1.4.1. Xác lập mức trọng yếu tổng thể**

Hiện tại, AA đang áp dụng mức trọng yếu theo tỷ lệ phần trăm theo chương trình kiểm toán mẫu của VACPA ban hành và áp dụng năm 2010. Mức trọng yếu

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

thường được chọn dựa trên một tỷ lệ phần trăm của chỉ tiêu: lợi nhuận trước thuế, doanh thu, tổng tài sản.

Tuỳ theo kinh nghiệm của KTV mà việc xác định mức trọng yếu có một số trường hợp cụ thể và đặc thù có thể không tuân theo chương trình mẫu của VACPA. Mà được xác định dựa trên thảo luận với Ban lãnh đạo AA, hay được tính một cách khác như trung bình dựa trên một lượt ba chỉ tiêu trên.

Đối với công ty Cổ phần ABC, KTV tính mức trọng yếu tổng thể dựa trên cả ba chỉ tiêu:

**Bảng 4.2. BẢNG TÍNH MỨC TRỌNG YẾU TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN ABC**

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Số tiền	PM (%)	Giá trị PM
Lợi nhuận trước thuế	49.539.694.626	5	2.476.984.731
Doanh thu	439.865.351.427	1	4.398.653.514
Tổng tài sản	287.773.661.007	2	5.755.473.220

(Nguồn: Thu thập từ kiểm toán Công ty CP ABC năm 2012)

Từ bảng trên, KTV so sánh và chọn giá trị PM có giá trị nhỏ nhất:

$$PM = 2.476.984.731$$

**4.1.4.2. Phân bổ mức trọng yếu TE cho từng khoản mục chi phí**

Mức sai sót trọng yếu được xác định cho khoản mục chi phí (TE) là 50%PM nhưng không được vượt quá 10% giá trị khoản mục.

$$\text{Ta có: TE} = 50\% \text{ PM} = 50\% \times 2.476.984.731 = 1.238.492.366$$

**Bảng 4.3. BẢNG BẢNG PHÂN BỐ MỨC TRỌNG YẾU CHO TỪNG  
KHOẢN MỤC CHI PHÍ**

Đvt: Đồng

Tên khoản mục chi phí	Giá trị	10% Giá trị khoản mục	TE
Giá vốn hàng bán	391.610.603.976	39.161.060.398	1.238.492.366
Chi phí tài chính	11.184.999.240	1.118.499.924	1.118.499.924
Chi phí bán hàng	4.347.344.598	434.734.460	434.734.460

***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

Tên khoản mục chi phí	Giá trị	10% Giá trị khoản mục	TE
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.645.391.158	2.064.539.116	1.238.492.366
Chi phí khác	3.175.406.977	317.540.698	317.540.698

(Nguồn: Thu thập từ kiểm toán Công ty CP ABC năm 2012)

**Nhận xét:**

Trong quá trình kiểm toán BCTC, kiểm toán viên chỉ lấy mẫu không kiểm tất cả các vấn đề kế toán, cũng như các sai phạm tiềm tàng khác nên KTV không phát hiện ra được mọi sai lệch trên BCTC. Và để đảm bảo tính hợp lý các sai lệch có thể còn tồn tại trên BCTC không trọng yếu. KTV tiến hành xác lập mức trọng yếu có thể chấp nhận được và thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm phát hiện các sai lệch có thể ảnh hưởng đến tính trọng yếu.

Và cách xác lập mức trọng yếu cho khoản mục ảnh hưởng, tác động đến chi phí cuộc kiểm toán và chất lượng cuộc kiểm toán nhằm đảm bảo tính hợp lý về việc đưa ra ý kiến cho BCTC của đơn vị, nên được KTV tính toán và chọn giá trị rất cân nhắc. Ở AA, do tính thận trọng nghề nghiệp, KTV tính cả ba chỉ tiêu (kết hợp giữa BCĐKT và BCKQHĐKD). Sau đó, chọn giá trị nhỏ nhất làm mức trọng yếu tổng thể. Trong trường hợp có một giá trị âm (lợi nhuận trước thuế) thì mức trọng yếu được chọn là giá trị nhỏ nhất trong hai số còn lại. Việc tính mức trọng yếu dựa vào rất nhiều tính xét đoán của KTV. Và trong quá trình kiểm toán, mọi sai sót có thể ảnh hưởng đến đối tượng sử dụng BCTC thì được KTV và đơn vị trao đổi và sửa chữa trước khi so sánh với mức trọng yếu.

**4.2. GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN KIỂM TOÁN**

**4.2.1. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát và đánh giá lại rủi ro kiểm soát**

**4.2.1.1. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát**

Việc tìm hiểu HTKSNB thì chưa đủ căn cứ để đánh giá rủi ro kiểm soát nên KTV thiết kế các thử nghiệm kiểm soát nhằm gia tăng bằng chứng kiểm toán để có cách nhìn đúng đắn hơn HTKSNB.

\* *Thử nghiệm kiểm soát 1:* Kiểm tra sự phân chia trách nhiệm giữa các bộ phận chức năng trong phòng kế toán.

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

**Công việc:** Quan sát sự phân chia trách nhiệm của kế toán trưởng, kế toán thanh toán, kế toán tiền lương, kế toán kho.

**Kết luận:** Có sự phân chia trách nhiệm giữa các bộ phận trên

**Nhận xét:** Các bộ phận có sự phân chia trách nhiệm rõ ràng là điều cần thiết để đánh giá HTKSNB của đơn vị là khá tốt vì hạn chế được sai sót trong quá trình hạch toán, xử lý nghiệp vụ kế toán. Nếu không có sự phân chia trách nhiệm, các bộ phận trong phòng kế toán thông đồng với nhau thì dễ dàng xảy ra gian lận.

Thử nghiệm này còn có hạn chế là chỉ đánh giá ngay thời điểm mà KTV thực hiện thử nghiệm kiểm soát, KTV không thể đảm bảo ở các thời điểm khác sự phân chia trách nhiệm diễn ra như KTV quan sát hay không?

\* *Thử nghiệm kiểm soát 2:* Kiểm tra chứng từ, việc ghi nhận các nghiệp vụ mua hàng phát sinh trong kỳ.

**Công việc:** KTV yêu cầu cung cấp các hoá đơn nhập kho, phiếu nhập, các chứng từ liên quan phát sinh trong năm tài chính 2012 của đơn vị.

KTV tiến hành chọn mẫu 20 nghiệp vụ, sau đó kiểm tra các chứng từ kế toán liên quan đến nghiệp vụ phát sinh nghiệp vụ đó. Đối chiếu giá trị, quy cách, số lượng trên phiếu yêu cầu, đơn đặt hàng và phiếu nhập với hoá đơn bán lẻ (hay hoá đơn giá trị gia tăng), phiếu giao hàng, hợp đồng mua bán hàng xem có khớp nhau không? Nếu không, KTV yêu cầu giải thích chênh lệch. Bên cạnh, KTV đối chiếu với các chứng từ thanh toán như phiếu chi, hay chứng từ giao dịch của Ngân hàng (nếu chi bằng tiền gửi).

Tính toán lại các khoản chiết khấu được hưởng cũng như giá trị trên hoá đơn.

KTV cũng thực hiện luôn việc kiểm tra chữ ký, duyệt chi của các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ. Kiểm tra tính chính xác việc ghi chép từ hoá đơn trên sổ sách kế toán.

**Kết luận:** Các đơn đặt hàng, hay phiếu yêu cầu,... được lưu giữ đầy đủ cùng nhau và có đầy đủ chữ ký và được sự phê duyệt của Giám đốc trên đơn đặt hàng.

Các đơn đặt hàng được lập dựa trên phiếu yêu cầu của trưởng các bộ phận.

Việc tính toán được thực hiện chính xác và khớp với sổ chi tiết.

**Nhận xét:** KTV thu thập chứng từ 20 nghiệp vụ xảy ra nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán để chứng minh nghiệp vụ thực sự phát sinh, được tính giá chính

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

xác. Các nghiệp vụ liên quan đến mua hàng nhập kho được tiến hành khá hiệu quả, chứng từ HTKSNB của đơn vị khá vững mạnh.

Việc thu thập chứng từ 20 nghiệp vụ phát sinh còn có hạn chế là các nghiệp vụ còn lại không được KTV lựa chọn có thể không đầy đủ các chứng từ kèm theo, hay sai sót khác.

*\* Thủ nghiệp kiểm soát 3:* Kiểm tra sự phê duyệt các khoản chi.

Công việc: KTV tiến hành chọn mẫu 25 nghiệp vụ chi đối ứng với TK 641 và TK 642 trên sổ chi tiết để kiểm tra chứng từ gốc.

Kết luận: 25 nghiệp vụ chi đều có kèm theo Giấy đề nghị thanh toán cùng với chứng từ gốc là hoá đơn của nhà cung cấp.

Giấy đề nghị thanh toán đều được xét duyệt của Trưởng bộ phận quản lý và Giám đốc trước khi chi.

Nhận xét: Sự duyệt chi rất quan trọng, nó ảnh hưởng rất đến tầm kiểm soát chi phí của đơn vị. Xét duyệt trước khi chi có thể làm hạn chế, phát hiện các sai sót, gian lận trong trường hợp các cá nhân, bộ phận chiếm dụng tiền công ty, hay chi sai mục đích.

*Thử nghiệm kiểm soát 4:* Kiểm tra tính liên tục, hợp lý, hợp lệ của các chứng từ sử dụng. Đồng thời kiểm tra việc ghi chép khoản chi lên sổ sách có đúng thời điểm.

Công việc: KTV chọn chứng từ kiểm tra có đánh số liên tục hay không. Bảo đảm nội dung, diễn giải các nghiệp vụ chi tiền là hợp lý và hợp lệ.

KTV quan sát việc thực hiện đối chiếu chứng từ của kế toán. Sau đó chọn mẫu chứng từ đối chiếu với sổ sách kế toán. Và KTV quan sát kế toán ghi chép chi phí ngay khi có chứng từ hay không? Trường hợp huỷ chứng từ hay sửa nội dung do không cố ý ghi sai nội dung, số tiền đều có xét duyệt đóng dấu và chữ ký của Giám đốc.

Kết luận: Các chứng từ theo dõi chi phí, đều được đánh số liên tục.

Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi nhận đúng thời điểm. Nội dung chi tiền là hợp lý và chứng từ hợp lệ.

Nhận xét: Kiểm tra chi tiết việc đánh số chứng từ liên tục là thủ tục quan trọng mà đòi hỏi KTV phải thực hiện, mục đích phát hiện kịp thời những trường hợp mua bán hoá đơn lẫn nhau và gian lận của nhân viên trong đơn vị.

## **Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

Kiểm tra việc ghi nhận chi phí đúng thời điểm để đảm bảo các khoản chi phí được xác định, ghi nhận, đánh giá đúng chi phí trong tháng, quý hay cả năm.

### **Nhận xét:**

AA sử dụng chọn mẫu phi thống kê, phần lớn là dựa trên xét đoán của KTV. Các mẫu được chọn thì được KTV ưu tiên số phát sinh có giá trị lớn hoặc các mẫu có giá trị lớn bất thường và chiếm tỷ lệ cao so với tổng thể. Nếu KTV phát hiện sai sót sẽ tiến hành mở rộng phạm vi chọn mẫu.

Việc chọn mẫu thực hiện các thử nghiệm kiểm soát giúp cho KTV có cách nhìn tổng thể số liệu, và dễ phát hiện các dấu hiệu bất thường của các nghiệp vụ. Bên cạnh, chính vì chọn mẫu ít hơn nhiều so với tổng thể nên cũng có khả năng rủi ro bỏ qua nhiều nghiệp vụ có thể sai sót.

AA rất quan tâm việc tìm hiểu HTKSNB và được tiến hành bởi KTV có kinh nghiệm thêm vào đó có cả KTV đã kiểm toán lần trước nên phần nào KTV đã hiểu sơ bộ HTKSNB. Vì vậy, việc tìm hiểu HTKSNB tương đối chính xác.

Đề người đọc có cách nhìn về thử nghiệm kiểm soát mà KTV thực hiện, người viết tách ra cho rõ ràng và dễ theo dõi. Trong thực tế, việc thực hiện các thử nghiệm kiểm soát được KTV tiến hành cùng lúc với thử nghiệm cơ bản. Như vậy để tiết kiệm thời gian, chi phí.

#### **4.2.1.2. Đánh giá lại rủi ro kiểm soát**

Sau khi thực hiện các thử nghiệm kiểm soát để đánh giá tính đáng tin cậy của bảng câu hỏi, KTV nhận thấy phía đơn vị có quy định rõ ràng và thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm soát. Điều này cho thấy HTKSNB của công ty khách hàng khá hữu hiệu, chính vì thế KTV quyết định giữ nguyên mức rủi ro ban đầu.

Rủi ro kiểm soát (CR) là 30%, mức rủi ro tiềm tàng (IR) là 75% và mức rủi ro kiểm toán vẫn là 5%. Mức rủi ro phát hiện có thể chấp nhận được là 22,22%.

$$DR = \frac{AR}{CR \times IR} = \frac{5\%}{30\% \times 75\%} = 22,22\%$$

#### **4.2.2. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản**

Ở mỗi khoản mục chi phí, KTV thực hiện các thủ tục phân tích và các thử nghiệm chi tiết để thu thập đầy đủ bằng chứng thỏa mãn các mục tiêu kiểm toán.

##### **4.2.2.1. Thủ tục phân tích**

KTV thực hiện các thủ tục phân tích để có được cái nhìn tổng quát về khoản mục Chi phí để đánh giá được xu hướng biến động và khả năng các sai



**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

lệch của các khoản chi phí một cách hợp lý. Từ đó định hướng cho KTV nên áp dụng thử nghiệm chi tiết thích hợp cũng như mức độ áp dụng các thử nghiệm để mang lại hiệu quả cao nhất.

**Thủ tục (1):** So sánh biến động chi phí năm nay (2012) so với năm trước (2011) để tìm hiểu nguyên nhân sự biến động bất thường (nếu có).

**Mục tiêu:** Tìm hiểu sự biến động chi phí giữa kỳ này và kỳ trước từ đó giải thích nguyên nhân.

**Công việc:** KTV tiến hành thu thập số liệu các khoản mục chi phí trong hai năm 2011 và 2012. So sánh số liệu chi phí năm 2012 được lấy trên BKQHĐKD năm 2012 đã được thủ trưởng đơn vị ký duyệt tương ứng với khoản chi phí trên Báo cáo kiểm toán năm trước. Phát hiện chênh lệch cả về mặt tương đối và tuyệt đối. Từ đó tìm hiểu nguyên nhân của những biến động phát hiện.

**Bảng 4.4. BẢNG PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ NĂM 2012 SO VỚI NĂM 2011**

ĐVT: Đồng

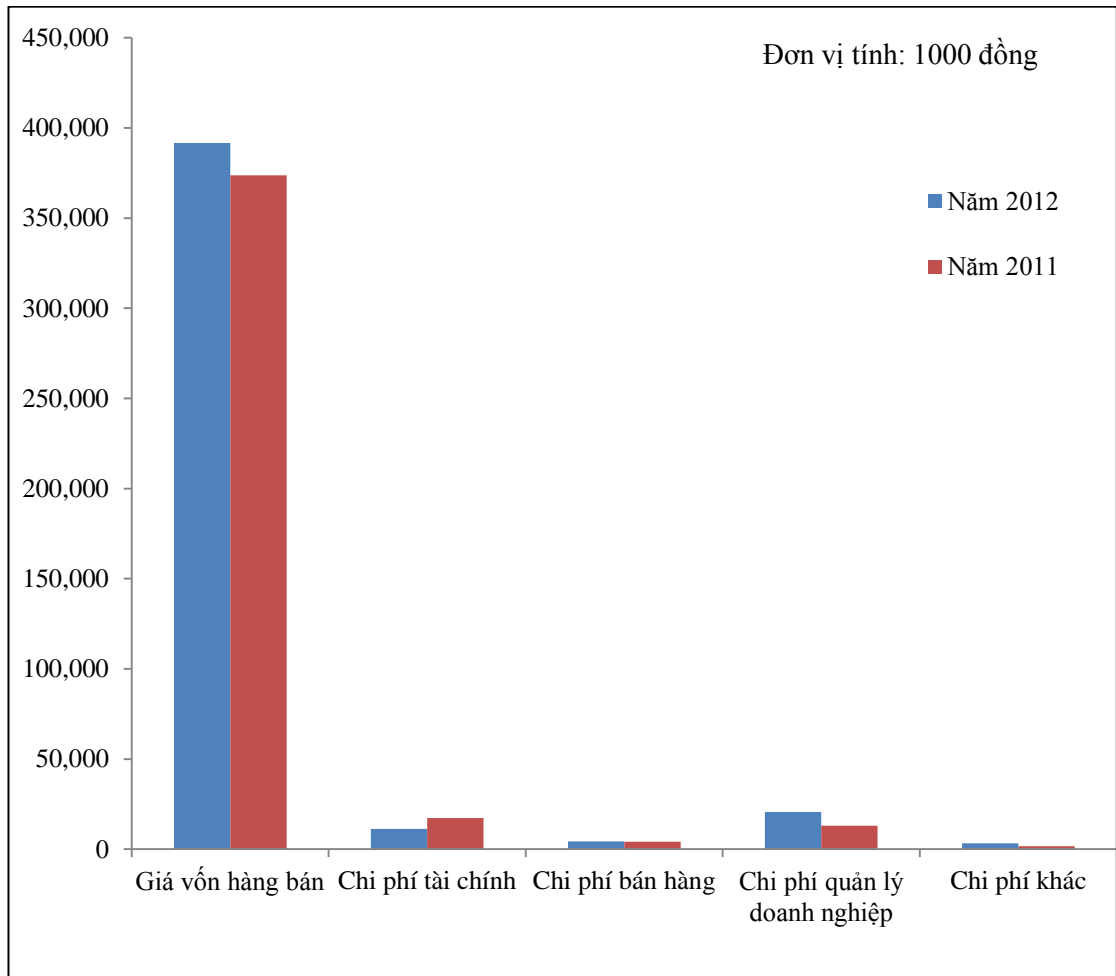
Số hiệu TK	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2011	Chênh lệch	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
<b>632</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>391.610.603.976</b>	<b>373.686.114.562</b>	<b>17.924.489.414</b>	<b>4,80</b>
6321	Giá vốn hàng hóa	5.507.795.420	3.736.861.146	1.770.934.274	47,39
6322	Giá vốn thành phẩm	386.102.808.556	369.949.253.416	16.153.555.140	4,37
<b>635</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>11.184.999.240</b>	<b>17.272.035.906</b>	<b>(6.087.036.666)</b>	<b>(35,24)</b>
6351	Chi phí lãi vay	10.772.513.895	16.581.154.470	(5.808.640.575)	(35,03)
6352	Lỗ chênh lệch tỷ giá	412.485.345	690.881.436	(278.396.091)	(40,30)
<b>641</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.347.344.598</b>	<b>4.126.480.426</b>	<b>220.864.172</b>	<b>5,35</b>
6414	Chi phí khấu hao TSCĐ	47.727.471	206.324.021	(158.596.550)	(76,87)
6418	Chi phí bằng tiền khác	4.299.617.127	3.920.156.405	379.460.722	9,68
<b>642</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>20.645.391.158</b>	<b>13.095.014.456</b>	<b>7.550.376.702</b>	<b>57,66</b>
6421	Chi phí nhân viên quản lý	7.842.110.334	6.023.706.650	1.818.403.684	30,19

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

Số hiệu TK	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2011	Chênh lệch	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
6423	Chi phí đồ dùng văn phòng	315.351.219	654.750.723	(339.399.504)	(51,84)
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ	148.612.644	196.425.217	(47.812.573)	(24,34)
6425	Thuế, phí và lệ phí	196.180.988	261.900.289	(65.719.301)	(25,09)
6426	Chi phí dự phòng	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	804.653.004	720.225.795	84.427.209	11,72
6428	Chi phí bằng tiền khác	5.338.482.969	5.238.005.782	100.477.187	1,92
<b>811</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>3.175.406.977</b>	<b>1.564.825.269</b>	<b>1.610.581.708</b>	<b>102,92</b>
8111	Giá trị còn lại của TSCĐ	491.606.707	312.965.054	178.641.653	57,08
8112	Chi phí khác	2.683.800.270	1.251.860.215	1.431.940.055	114,38
<b>Tổng chi phí</b>		<b>430.963.745.949</b>	<b>409.744.470.619</b>	<b>21.219.275.330</b>	<b>5,18</b>

(Nguồn: Tổng hợp từ kiểm toán thực tế tại Công ty CP ABC năm 2012)

Bảng biến phân tích biến động được thể hiện qua biểu đồ cột để mang cách nhìn tổng quát hơn.



**Hình 4.2. SO SÁNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ QUA NĂM 2011 – 2012**

(Nguồn: Tổng hợp từ kiểm toán thực tế tại Công ty CP ABC năm 2012)

**Nhận xét:**

Qua bảng phân tích biến động trên, KTV nhận thấy tổng chi phí năm nay tăng tương đối so với năm trước, tăng 5,18% tương ứng hơn 21 tỷ đồng. Chi tiết hơn các khoản chi phí:

Giá vốn hàng bán tăng 4,80% tương đương gần 18 tỷ đồng so với năm 2011, lượng tăng mạnh nhất là giá vốn hàng hóa đến 47,39%, về giá vốn thành phẩm vẫn tăng khoảng 4,37%. Chúng tôi đơn vị đã xuất bán nhiều hơn năm 2011, do tình hình thị trường tương đối thuận lợi, đặc biệt là sự phát triển của ngành xây dựng, gián tiếp làm mở rộng thị phần của ABC, do nhu cầu của các đơn vị

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

khách hàng sản xuất xi măng và lúa gạo ngày tăng, đơn vị đã đẩy mạnh mở rộng sản xuất thêm các mặt hàng bao xi măng, lúa gạo.

Chi phí tài chính giảm mạnh 35,24%, giảm hơn 6 tỷ đồng so với năm 2011. Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá, chi phí đi vay, có mức giảm lần lượt là 40,30% và 35,03%. Do trong kỳ, đơn vị tích cực trong công tác trả nợ vay trong thời buổi kinh tế tương đối khó khăn như năm 2012, nên đơn vị nhận được sự hỗ trợ lãi suất từ các bên cho vay như Ngân hàng Sacombank, Indovina Bank, Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC),...

Chi phí bán hàng tăng nhẹ khoảng 5,35% tương đương gần 221 triệu đồng. Nhưng chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác bán hàng giảm mạnh 76,87% so với năm trước. ABC thực hiện công tác giao hàng đến kho khách hàng luôn nêu khách hàng mua, chính vì doanh số bán tăng dẫn đến chi phí bán hàng tăng. Việc chi phí khấu hao TSCĐ, KTV nên đối chiếu kỹ lưỡng với phần hành TSCĐ và tìm hiểu nguyên nhân.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 57,66% tương ứng hơn 7 tỷ 550 triệu đồng. Các khoản chi phí chi tiết của chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức tương đối ổn định. Chủ yếu chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên là do đơn vị trích dự phòng quỹ tiền lương theo thông tư 123/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành năm 2012, KTV nên kiểm tra việc trích có đúng quy định hay không.

Chi phí khác tăng mạnh, lên đến 102,92% so với năm 2011. Do trong năm 2012, đơn vị thực hiện trách nhiệm đóng phạt, xử lý kiểm kê nguyên vật liệu thiếu và xuất bán nguyên vật liệu (trong năm do lượng nhập tương đối nhiều mà lại sử dụng không hết, nhằm hạn chế việc chất lượng sản xuất bao bị ảnh hưởng, đơn vị đã tiến hành thanh lý và bán bớt hạt tái chế trắng S và mực xanh Nghi Sơn dầu để nhập lại nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng, uy tín thành phẩm được sản xuất ra) và xử lý kiểm kê và thanh lý nhượng bán TSCĐ.

Nhìn chung, các khoản chi phí đều tăng trừ chi phí tài chính có xu hướng giảm. Sau khi tìm hiểu nguyên nhân thì KTV nhận thấy các khoản tăng giảm chi phí đều khá là hợp lý. KTV nên ghi nhận và đối chiếu với các phần hành khác để làm rõ hơn, khách quan hơn.

**Xem phụ lục chi tiết tại G4**

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

**Thủ tục (2):** So sánh biến động chi phí hoạt động trên doanh thu thuần giữa kỳ này so với kỳ trước.

**Mục tiêu:** Để xét đoán sự phù hợp của chi phí có phù hợp với doanh thu đạt được hay không.

**Công việc:** KTV tiến hành lập bảng so sánh tỷ lệ các khoản chi phí hoạt động trên doanh thu thuần của kỳ này so với kỳ trước. Số liệu năm 2011 được trích từ khoản mục chi phí và doanh thu thuần trong BKQHĐKD đã được kiểm toán và trên BKQHĐKD năm 2012.

**Xem phụ lục chi tiết tại G5**

**Bảng 4.5. PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TRÊN DOANH THU THUẦN GIAI ĐOẠN 2011-2012**

ĐVT: Đồng

Số hiệu TK	Khoản mục	Năm 2012	Tỷ lệ khoản mục/DTT 2012 (%)	Năm 2011	Tỷ lệ khoản mục/DTT 2011 (%)
<b>Doanh thu thuần</b>		<b>439.865.351.427</b>	<b>100,00</b>	<b>419.913.619.989</b>	<b>100,00</b>
<b>641</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.347.344.598</b>	<b>0,99</b>	<b>4.126.480.426</b>	<b>0,98</b>
6414	Chi phí khấu hao TSCĐ	47.727.471	0,01	206.324.021	0,05
6418	Chi phí bằng tiền khác	4.299.617.127	0,98	3.920.156.405	0,93
<b>642</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>20.645.391.158</b>	<b>4,69</b>	<b>13.095.014.456</b>	<b>3,12</b>
6421	Chi phí nhân viên quản lý	7.842.110.334	1,78	6.023.706.650	1,43
6423	Chi phí đồ dùng văn phòng	315.351.219	0,07	654.750.723	0,16
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ	148.612.644	0,03	196.425.217	0,05
6425	Thuế, phí và lệ phí	196.180.988	0,04	261.900.289	0,06
6426	Chi phí dự phòng	6.000.000.000	1,36	-	-

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

---

Số hiệu TK	Khoản mục	Năm 2012	Tỷ lệ khoản mục/DTT 2012 (%)	Năm 2011	Tỷ lệ khoản mục/DTT 2011 (%)
	Doanh thu thuần	<b>439.865.351.427</b>	100,00	<b>419.913.619.989</b>	100,00
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	804.653.004	0,18	720.225.795	0,17
6428	Chi phí bằng tiền khác	5.338.482.969	1,21	5.238.005.782	1,25

*(Nguồn: Số liệu được tổng hợp từ kiểm toán Công ty CP ABC năm 2012)*

**Nhận xét:**

Tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu năm 2012 và 2011 không có sự chênh lệch nhiều và rất ổn định. Chi tiết khoản mục chi phí bán hàng, chi phí bằng tiền khác là chi phí vận chuyển vỏ bao, chi phí giao và bốc xếp vỏ bao, chi phí quảng cáo tăng góp phần làm tăng tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu. Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng mạnh so với năm trước 4,69%, trong khi tỷ lệ trong năm 2012 chỉ 3,12%. Tăng chủ yếu là do đơn vị trích dự phòng quỹ tiền lương, và chi phí cho nhân viên quản lý cho năm tài chính 2012 tăng dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 tăng. KTV nên lưu ý đến chi phí dự phòng này.



**Thủ tục (3):** So sánh giá vốn hàng bán năm nay so với năm trước kết hợp với doanh thu, tỷ lệ lãi gộp.

**Mục tiêu:** Đánh giá mức hợp lý của khoản mục này qua phân tích biến động kết hợp với tỷ lệ lãi gộp. Những biến động bất thường trong tỷ lệ lãi gộp là những dấu hiệu giúp KTV nhận ra việc khai khống hoặc khai thấp đối với giá vốn hàng bán.

**Công việc:** KTV sử dụng số liệu từ bảng KQHĐKD đã kiểm toán năm 2011 và BKQHĐKD năm 2012. Sau đó áp dụng công thức Tỷ lệ lãi gộp = Lãi gộp/Doanh thu thuần. Sử dụng kết quả để phân tích và đánh giá.

**Bảng 4.6. BẢNG PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG TỶ LỆ LÃI GỘP  
GIAI ĐOẠN NĂM 2011 – 2012**

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012 (Đồng)	Năm 2011 (Đồng)	Chênh lệch	
			Số tuyệt đối (Đồng)	Số tương đối (%)
DTT	439.865.351.427	419.913.619.989	19.951.731.438	4,75
Giá vốn	391.610.603.976	373.686.114.562	17.924.489.414	4,80
Lãi gộp	48.254.747.451	46.227.505.427	2.027.242.024	4,39
Lãi gộp/DTT (%)	10,97	11,01	(0,04)	(0,36)

(Nguồn: Tổng hợp số liệu kiểm toán từ Công ty CP ABC năm 2012)

**Nhận xét:**

Qua bảng phân tích biến động tỷ lệ lãi gộp, KTV nhận thấy lãi gộp năm nay tăng hơn năm trước là 4,39% tương ứng 2.027.242.024 đồng. Doanh thu và giá vốn năm nay tăng lần lượt là 4,75% và 4,80% so với năm trước do có nhiều khách hàng, lượng bán tăng lên, và chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng, ảnh hưởng của giá bán trên thị trường (do khách hàng lớn nhất của ABC chủ yếu là

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

các công ty sản xuất xi măng khu vực Cần Thơ và các vùng lân cận, năm 2012 các khách hàng gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ nên cũng ảnh hưởng đến doanh thu của ABC). Dễ nhận thấy tốc độ tăng của giá vốn lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu nên làm tỷ lệ lãi gộp năm 2012 nhỏ hơn tỷ lệ lãi gộp năm 2011, nhưng nhìn chung chênh lệch tỷ lệ lãi gộp giữa hai năm không nhiều.

**Xem phụ lục chi tiết tại G6**

**Nhận xét việc áp dụng thủ tục phân tích:**

Đây là một thủ tục rất quan trọng, dễ dàng thực hiện mà không tốn nhiều thời gian. Các bảng phân tích trên cho KTV cái nhìn về sự tăng giảm các khoản mục, từ đó KTV có thể đưa ra các quyết định phù hợp. Bên cạnh đó, KTV còn sử dụng tỷ lệ chi phí trên doanh thu thuần và tỷ lệ lãi gộp nhằm đánh giá mức độ phù hợp giữa mức độ tăng doanh thu và mức độ tăng chi phí. Do vấn đề về thời gian cũng như giới hạn về phạm vi, nên KTV không thực hiện thêm các thủ tục so sánh chỉ tiêu bình quân ngành.

**4.2.2.2. Thử nghiệm chi tiết**

**Thử nghiệm chi tiết 1:** Lập bảng kê chi tiết các khoản mục chi phí trong năm, đánh giá tính hợp lý và đối chiếu với sổ cái, bảng cân đối phát sinh và báo cáo BKQHĐKD.

*Mục tiêu:* Kiểm tra việc ghi chép kỳ này và kỳ trước các khoản số liệu có được ghi chép chính xác không?

Các khoản chi phí đều đáp ứng mục tiêu trình bày và công bố.

*Công việc:* Từ sổ chi tiết chi phí, Bảng cân đối phát sinh, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tiến hành kiểm tra số liệu, kiểm tra các phép tính số học, cộng dồn.

Xem xét các bút toán định khoản có gì bất thường không. Giải thích các nghiệp vụ (nếu có).

Tiến hành đối chiếu số liệu xem có sự khớp đúng số liệu giữa Sổ chi tiết chi phí và bảng cân đối phát sinh và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Kết quả:* Xem Bảng tổng hợp đối chiếu giữa sổ sách với báo cáo của khoản mục chi phí năm 2011 và 2012 (trang sau)

**Bảng 4.7. BẢNG TỔNG HỢP ĐỐI CHIẾU GIỮA SỔ SÁCH VỚI  
BÁO CÁO CỦA KHOẢN MỤC CHI PHÍ NĂM 2011 VÀ 2012**

DVT: Đồng

Số hiệu TK	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2011
<b>632</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>391.610.603.976</b>	<b>373.686.114.562</b>
6321	Giá vốn hàng hóa	5.507.795.420	3.736.861.146
6322	Giá vốn thành phẩm	386.102.808.556	369.949.253.416
<b>635</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>11.184.999.240</b>	<b>17.272.035.906</b>
6351	Chi phí lãi vay	10.772.513.895	16.581.154.470
6352	Lỗ chênh lệch tỷ giá	412.485.345	690.881.436
<b>641</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.347.344.598</b>	<b>4.126.480.426</b>
6414	Chi phí khấu hao TSCĐ	47.727.471	206.324.021
6418	Chi phí bằng tiền khác	4.299.617.127	3.920.156.405
<b>642</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>20.645.391.158</b>	<b>13.095.014.456</b>
6421	Chi phí nhân viên quản lý	7.842.110.334	6.023.706.650
6423	Chi phí đồ dùng văn phòng	315.351.219	654.750.723
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ	148.612.644	196.425.217
6425	Thuế, phí và lệ phí	196.180.988	261.900.289
6426	Chi phí dự phòng	6.000.000.000	-
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	804.653.004	720.225.795
6428	Chi phí bằng tiền khác	5.338.482.969	5.238.005.782
<b>811</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>3.175.406.977</b>	<b>1.564.825.269</b>
8111	Giá trị còn lại của TSCĐ	491.606.707	312.965.054
8112	Chi phí khác	2.683.800.270	1.251.860.215
<b>Tham chiếu</b>		<b>PL</b>	<b>PY, PL</b>
PY: Khớp với báo cáo kiểm toán năm trước			
PL: Khớp với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			

(Nguồn: Tổng hợp số liệu kiểm toán từ Công ty CP ABC năm 2012)

Số liệu các khoản chi phí khớp đúng với sổ cái, sổ chi tiết tài khoản, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thuyết minh BCTC năm 2012. Số liệu năm trước chuyển số qua năm 2012 khớp đúng với BCTC đã kiểm toán năm 2011.

**Xem phụ lục chi tiết tại G7**

**Nhân xét:**

Thử nghiệm này là cơ sở tiền đề và luôn được thực hiện đầu tiên để tiến hành các thử nghiệm khác, đảm bảo việc ghi chép của kế toán từ sổ sách lên báo cáo là chính xác. Sau khi đối chiếu xong và các số liệu trùng khớp nhau thì KTV có thể nhận xét các số liệu khoản mục chi phí được ghi chép chính xác.

**Thử nghiệm chi tiết 2:** Phân tích đối ứng tài khoản xem các biến động bất thường trong năm. Tiến hành kiểm tra chứng từ gốc, đảm bảo các khoản chi phí là có thực.

*Mục tiêu:* Phát hiện và làm rõ các định khoản bất thường, tiến hành kiểm chi tiết và đối chiếu với các phần hành liên quan.

*Công việc:* KTV sử dụng công cụ của Excel (PivotTable) để tổng hợp phát sinh nợ, phát sinh có theo từng tháng. Nếu phát hiện bất thường thì KTV bắt tay vào công việc kiểm tra đối chiếu với các phần hành có liên quan hay tham chiếu với chứng từ gốc.

*Kết quả:* Sau quá trình kiểm tra tài khoản đối ứng và đối chiếu với các phần hành liên quan, KTV nhận thấy các một khoản tăng đột biến tháng 12, đối ứng với tài khoản 334. Nguyên nhân là do khoản trích quỹ dự phòng tiền lương. KTV đã đối chiếu với biên bản họp hội đồng quản trị và quyết định trích của đơn vị.

Tổng quỹ lương thực hiện trong năm là 57.916.000.067 đồng. Như vậy theo Chương II, điều 6, mục 2.5, thông tư 123/TT-BTC thì quỹ dự phòng lương do doanh nghiệp quyết định nhưng không quá 17% quỹ lương thực hiện.

Vậy: Quỹ lương thực hiện được trích (6 tỷ đồng)  $\leq 57.916.000.067 \times 17\% = 9.845.720.011$  đồng

Kết luận giá trị trích lập quỹ dự phòng lương được tính theo quy định.

Ngoài ra, các tài khoản đối ứng liên quan KTV cũng đã đối chiếu và khớp đúng với phần hành tương ứng tài khoản đó.

KTV cũng tập trung kiểm tra chi tiết TK 635 và TK 811 (chi tiết tháng 12).

**Nhận xét:**

Từ bảng này KTV có thể so sánh các biến động từng tháng để dễ tiến hành mở rộng phạm vi kiểm toán, giảm rủi ro kiểm toán.

Thử nghiệm phân tích đối ứng tài khoản là một thử nghiệm quan trọng, không mất nhiều thời gian thực hiện, nhưng mang lại hiệu quả rất cao. KTV rất dễ nhận ra những bất thường mà tìm hiểu sâu hơn nội dung nghiệp vụ phát sinh.

**Xem phụ lục chi tiết tại G8**

**Thử nghiệm chi tiết 3:** Kiểm tra nghiệp vụ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm, kiểm tra lại cách tính toán.

*Mục tiêu:* Đảm bảo đơn vị hạch toán và đánh giá chênh lệch lỗ tỷ giá một cách chính xác.

*Công việc:* KTV chọn mẫu nghiệp vụ kiểm tra, sau đó đánh giá lại chênh lệch xem có khớp với số phát sinh trên sổ chi tiết của đơn vị hay không.

*Kết quả:*

Qua bảng kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ chênh lệch tỷ giá, KTV kết luận các nghiệp lỗ tỷ giá và chênh lệch bán ngoại tệ đã kiểm tra chính xác. Đã kiểm tra và khớp với chứng từ gốc.

**Nhận xét:** Khi tiến hành phân tích biến động của các khoản chi phí ở thủ tục phân tích, KTV đã lưu ý cần tính toán lại các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá. Ở thử nghiệm này KTV đã tiến hành kiểm tra các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện và tính toán lại các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện để thu thập đủ bằng chứng đảm bảo cho các biến động ở thủ tục phân tích là hợp lý.

**Xem phụ lục chi tiết tại G9**

**Thử nghiệm chi tiết 4:** Ước tính chi phí lãi vay trong kỳ có phù hợp với số dư chi phí lãi vay trên sổ sách.

*Mục tiêu:* Để đảm bảo mục tiêu ghi chép chính xác các nghiệp vụ chi phí lãi vay, KTV kiểm tra việc hạch toán lãi đến ngày 31 tháng 12.

*Công việc:* KTV sử dụng số dư tiền vay ngắn hạn đầu năm 2012 kết hợp với chi phí lãi vay trong năm tài chính 2012. Sử dụng các giá trị bình quân để tiến hành ước tính lãi vay. Nếu có chênh lệch lớn sẽ tiến hành mở rộng phạm vi thu thập bằng chứng kiểm toán.

*Kết quả:* Xem Bảng ước tính chi phí lãi vay trong năm 2012 (trang sau).

**Bảng 4.8. BẢNG ƯỚC TÍNH CHI PHÍ LÃI VAY TRONG NĂM 2012**

ĐVT: Đồng

	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>Vay dài hạn</b>
Tháng /Số dư đầu kỳ	<b>65.563.655.325</b>	<b>33.795.124.500</b>
1	32.377.139.765	-
2	38.587.478.705	-
3	50.196.290.853	-
4	26.115.864.141	-
5	31.342.318.085	-
6	30.837.166.085	-
7	26.715.010.223	-
8	32.506.716.678	-
9	27.703.683.866	-
10	20.427.960.906	-
11	16.056.635.337	-
12	25.764.057.08	-
Số dư lãi bình quân	<b>28.846.081.757</b>	<b>33.795.124.500</b>
Lãi suất bình quân	<i>14,5%/năm</i>	<i>19%/năm</i>
Ước tính lãi	4.182.681.855 (1)	6.421.073.655 (2)
Tổng lãi KTV ước tính	(1)+(2) = <b>10.603.755.510</b>	
Số đơn vị	(3) = <b>10.772.513.895</b>	
Chênh lệch	(3)-[(1)+(2)] = <b>168.758.385</b>	

(Nguồn: Số liệu được kiểm toán từ Công ty CP ABC năm 2012)

Ghi chú:

Vay dài hạn không phát sinh tăng

Số dư lãi bình quân được tính theo công thức:

$$[(SDDK+SPS tháng 12)/2+(Tổng SPS tháng 2 đến tháng 11)]/12$$

Ước tính lãi = Số dư lãi bình quân x Lãi suất bình quân.

Nguyên nhân chênh lệch: KTV áp dụng các giá trị bình quân.

Kết quả: Chi phí lãi vay được ghi nhận là phù hợp.

**Nhận xét:**

Giá trị chênh lệch của khoản ước tính lãi vay đôi khi rất lớn và chênh lệch nhiều so với kết quả mong đợi. Do KTV sử dụng tổng hợp các thông tin để tính lại một giá trị bình quân (số dư tính lãi bình quân, lãi suất bình quân), không kể đến những biến động lãi suất ở nhiều hợp đồng vay trong năm hay phát sinh tăng giảm các khoản vay không đồng đều trong năm. Nên việc ước tính lãi vay đôi khi rất khó thực hiện. Nhưng trường hợp đơn vị ABC đã gọi lên cách nhìn nhận về chi phí lãi trong năm được tính là khá chính xác. Do khoản chênh lệch nhỏ và có thể chấp nhận được.

**Xem phụ lục chi tiết tại G10**

**Thử nghiệm chi tiết 5: Kiểm tra phương pháp tính giá xuất kho**

*Mục tiêu:* KTV kiểm tra việc tính giá xuất kho của đơn vị có đúng với cách tính giá xuất kho mà đơn vị đã công bố hay không.

*Công việc:* KTV xác định phương pháp mà đơn vị tính giá xuất kho (phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng). Do tỷ trọng của thành phẩm chiếm nhiều hơn hàng hóa, nên KTV ưu tiên tính toán kiểm tra phương pháp tính giá xuất thành phẩm trước. Nếu có sai sót, KTV sẽ kiểm tra tương tự cho hàng hóa.

KTV thu thập báo cáo xuất nhập tồn cả năm của thành phẩm để kiểm tra lại cách tính giá xuất kho. KTV tiến hành tính lại đơn giá bình quân theo năm, sau đó KTV tính được giá trị xuất cả năm. Tiếp theo, KTV so sánh giá trị vừa tính với giá trị xuất trên báo cáo xuất nhập tồn của đơn vị, tính toán chênh lệch. Thường là có một giá trị lệch do KTV áp dụng phương pháp bình quân gia quyền theo năm cho tiết kiệm thời gian nhưng đơn vị áp dụng phương pháp đó theo tháng. Để kiểm tra giá trị chênh lệch có hợp lý hay không, KTV lấy tỷ lệ giá trị chênh lệch tính toán được trên giá trị xuất trên báo cáo xuất nhập tồn, nếu tỷ lệ nhỏ thì bỏ qua và chấp nhận cách tính số liệu của đơn vị; nếu lớn, khó có thể chấp nhận, KTV tiếp tục thu thập báo cáo xuất nhập tồn theo từng tháng và tính toán lại như các bước trên và tìm hiểu và giải thích nguyên nhân chênh lệch.

Đơn giá xuất bình quân được xác định:

$$\text{Đơn giá xuất bình quân} = \frac{\text{Giá trị tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Giá trị xuất = Đơn giá xuất bình quân x Số lượng xuất trong kỳ.

*Kết quả:*

**Bảng 4.9. BẢNG KIỂM TRA GIÁ XUẤT TRONG NĂM 2012**

DVT: Đồng

<b>TÊN THÀNH PHẨM</b>	<b>GIÁ TRỊ XUẤT TRÊN BÁO CÁO XUẤT NHẬP TỒN (1)</b>	<b>GIÁ TRỊ XUẤT THEO ĐƠN GIÁ BÌNH QUÂN (2)</b>	<b>CHÊNH LỆCH (1)-(2)</b>
Bao KPK	112.973.493.576	112.875.362.156	98.131.420
Bao PK	68.097.347.853	68.057.172.761	40.175.092
Bao KP	41.986.441.489	41.951.655.181	34.786.308
Bao PP	139.830.567.451	139.716.222.102	114.345.349
Bao gạo hồng	867.209.871	792.078.421	75.131.450
Bao gạo màu tạp	980.375.913	980.257.983	117.930
Bao gạo trắng	876.359.071	876.359.071	0
Bao KP không in	905.785.619	905.785.619	0
Bao PP	20.365.093.675	20.365.093.675	0
Bao vàng	320.984.675	320.443.802	540.873
<b>Tổng</b>	<b>387.203.659.193</b>	<b>386.838.430.771</b>	<b>363.228.422</b>

*(Nguồn: Số liệu được thu thập từ kiểm toán năm 2012 của công ty ABC)*

Qua bảng tính lại bằng đơn giá bình quân theo năm của KTV, KTV tính được số lệch giữa giá trị trên báo cáo xuất nhập tồn so với giá trị xuất bằng đơn giá bình quân theo năm là 363.228.422 đồng. Để kiểm tra tính hợp lý của giá trị chênh lệch với báo cáo xuất nhập tồn.

Tỷ lệ chênh lệch =  $(363.228.422/387.203.659.193) \times 100 = 0,09\%$ .

Do chênh lệch nhỏ, KTV có thể kết luận phương pháp tính giá xuất kho của đơn vị đúng như công bố.



**Nhận xét:**

Thử nghiệm tính toán lại giá xuất của đơn vị rất hiệu quả trong việc phát hiện gian lận sai sót trong cách tính giá xuất của đơn vị. Tính đơn giá theo năm giúp cho KTV tiết kiệm thời gian để thực hiện các thử nghiệm khác, việc xét đoán các khoản chênh lệch có phù hợp hay không cũng thuộc về ý kiến chủ quan của KTV. Nếu có thể, KTV tính theo đơn giá bình quân theo tháng để có kết luận chính xác hơn.

**Xem phụ lục chi tiết tại G11**

**Thử nghiệm chi tiết 6:** Kiểm tra việc khóa sổ khoản mục chi phí trước và sau 10 ngày kết thúc niên độ 2012.

*Mục tiêu:* Nhằm đáp ứng mục tiêu đầy đủ, trình bày và công bố, ghi chép chính xác.

*Công việc:* KTV tiến hành chọn mẫu theo kinh nghiệm các chứng từ phát sinh vào 10 ngày trước và sau khi lập báo cáo tài chính. Sau đó tiến hành đối chiếu với sổ cái, sổ chi tiết.

*Kết quả:*

**Bảng 4.10. BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CHI PHÍ BÁN HÀNG TRƯỚC VÀ SAU 10 NGÀY KẾT THỨC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN NĂM 2012**

ĐVT: Đồng

<b>Ngày</b>	<b>Số chứng từ</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Kiểm tra</b>
22/12/2012	C0680/12	Thanh tiền dịch vụ mua ngoài (Nước uống,...)	2.100.000	✓
22/12/2012	C0685/12	Thanh tiền công tác phí (Tân)	5.230.000	✓
24/12/2012	C0689/12	Thanh tiền sửa xe phục vụ bán hàng	3.000.000	✓
25/12/2012	SCB042	Thanh tiền công bố thương hiệu	12.000.000	✓
26/12/2012	C0701/12	Thanh tiền công tác phí (Nghiem)	12.321.943	✓
27/12/2012	Z12-1VCVB	Thanh tiền chi phí vận chuyển vỏ bao trong tháng 12	56.324.000	✓

***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	Số tiền	Kiểm tra
28/12/2012	C0795/12	Thanh tiền phí cầu đường	6.423.537	✓
28/12/2012	C0798/12	Thanh tiền công tác phí (Tân)	3.745.245	✓
29/12/2012	C0857/12	Thanh toán tiền nhiên liệu và chi phí vỏ bao	20.652.190	✓
31/12/2012	Z12-2VCVB	Thanh toán chi phí vận chuyển vỏ bao tháng 12/2012 (thanh phần còn lại)	119.699.847	✓
02/01/2013	C0001/01	Thanh tiền ăn uống nhân viên bán hàng	3.145.000	α
<b>02/01/2013</b>	<b>SCB045</b>	<b>Thanh tiền quảng cáo sản phẩm theo HĐ 24H/12/145 - 2012</b>	<b>55.000.000 (*)</b>	<b>G12-1/1</b>
03/01/2013	SCB001	Đăng quảng cáo xuân Quý Ty 2013	50.000.000	α
03/01/2013	C0019/01	Thanh tiền công tác phí (Tân)	2.242.335	α
04/01/2013	SCB019	Chi Hội nghị khách hàng đầu năm mới	15.234.000	α
05/01/2013	C0029/01	Thanh toán tiền nhiên liệu đợt 1	7.244.000	α
06/01/2013	C0041/01	Thanh toán tiền sửa xe, biển 65M0090 (thay kèn)	4.298.000	α
07/01/2013	C0049/01	Thanh tiền công tác phí (Nghiem)	23.125.000	α
08/01/2013	C0056/01	Thanh toán tiền nhiên liệu đợt 2	3.124.000	α
09/01/2013	C0059/01	Thanh tiền công tác phí (Tân)	3.145.465	α
11/01/2013	C0063/01	Thanh tiền công tác giao vỏ bao tháng 1	134.367.231	α

(Nguồn: Số liệu được thu thập từ kiểm toán Công ty CP ABC năm 2012)

**Bảng 4.11. BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRƯỚC VÀ SAU 10 NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN NĂM 2012**

DVT: Đồng

<b>Ngày</b>	<b>Số chứng từ</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Kiểm tra</b>
22/12/2012	C0861/12	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe	8.124.500	✓
23/12/2012	LPB12	Phân bổ chi phí bảo hiểm bắt buộc năm 2012	16.400.000	✓
24/12/2012	C0687/12	Thanh tiền công tác phí	24.144.000	✓
26/12/2012	C0700/12	Thanh toán tiền nhiên liệu và chi phí công tác	12.245.000	✓
27/12/2012	C0714/12	Thanh toán tiền tiếp khách	5.524.000	✓
28/12/2012	C0787/12	Tiền photo, văn phòng phẩm tháng 12/2012	3.450.000	✓
29/12/2012	C0859/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	7.523.235	✓
30/12/2012	C0861/12	Thanh tiền sản phẩm BKAV	2.120.000	✓
31/12/2012	C0869/12	Thanh toán tiền ăn ca tháng 12	31.815.000	✓
31/12/2012	C0899/12	Thanh tiền lương tháng 12	412.852.109	✓
02/01/2013	C0002/01	Thanh toán tiền nhiên liệu công tác	17.235.000	α
02/01/2013	C0006/01	Thanh tiền mé, không chế cây xanh trong công ty	3.450.000	α
03/01/2013	C0011/01	Thanh tiền tiếp khách	2.750.000	α
04/01/2013	C0015/01	Thanh tiền báo Quý 1	7.800.000	α
05/01/2013	C0020/01	Thanh tiền bơm mực và sửa máy in	2.900.000	α
06/01/2013	C0025/01	Thanh toán tiền nhiên liệu công tác	8.000.000	α

***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	Số tiền	Kiểm tra
07/01/2013	C0035/01	Thanh tiền chi phí mừng Xuân 2013	15.470.000	α
08/01/2013	C0042/01	Thanh toán tiền tiếp khách	3.145.000	α
09/01/2013	L03/CCDC	Xuất tivi LCD + khung (Phòng khách)	41.000.000	α
10/01/2013	C0060/01	Chi phí tiếp khách	2.500.000	α
11/01/2013	C0065/01	Chi phí nhiên liệu + chi phí công tác	13.124.500	α

*(Nguồn: Số liệu được thu thập từ kiểm toán Công ty CP ABC năm 2012)*

Ghi chú:

✓: Khớp với chứng từ gốc năm 2012

α: Khớp với chứng từ gốc năm 2013

Sau khi chọn mẫu chứng từ thuộc chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, KTV nhận thấy ngoại trừ khoản thanh toán HĐ 24H/12/145 thuộc chi phí bán hàng (\*) thì các chứng từ gốc kèm theo là hợp lệ, đúng niên độ. Khoản (\*) sau khi trao đổi, kế toán doanh nghiệp cho rằng khoản chi phí đó chưa thanh toán nên không hạch toán chi phí trong kỳ, có Biên bản thanh lý hợp đồng số 24H/12/145 ngày 02/01/2013. Nhưng đó là khoản chi phí quảng cáo cho tháng 12 và hợp đồng đã được thực hiện xong, tương ứng với thiếu một khoản phải trả người bán, doanh nghiệp chưa thanh toán nên không hạch toán chi phí trong kỳ, hợp đồng đã được thực hiện và KTV đề nghị đơn vị thực hiện trích lại chi phí trong năm. KTV cũng đã đối chiếu với phân hành phải trả người bán và đã ra bút toán điều chỉnh sau:

Bút toán trích trước chi phí của KTV đề nghị:

**Nợ TK 641: 55.000.000 đồng**

**Có TK 331: 55.000.000 đồng**

**Nhân xét:**

Sau khi chọn mẫu các nghiệp vụ chi phí trước và sau 10 ngày kết thúc niên độ để kiểm tra chứng từ. Ngoại trừ khoản đã điều chỉnh, KTV đã đối chiếu với sổ

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

sách và nhận thấy sự khớp đúng về mặt số liệu và thời gian. KTV xét thấy các nghiệp vụ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi chép chính xác, đúng thời điểm vào trước và sau 10 ngày kết thúc niên độ.

Thử nghiệm này giúp KTV đảm bảo không có khoản chi phí nào của năm nay bị ghi nhận vào niên độ sau nhằm làm giảm chi phí, tăng lợi nhuận. Cũng như không có khoản chi phí nào phát sinh ở niên độ sau được hạch toán vào chi phí năm nay để giảm lợi nhuận với mục đích trốn thuế.

**Xem phụ lục chi tiết tại G12**

**Thử nghiệm chi tiết 7:** Chọn mẫu kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc với các khoản mục chi phí. Chú ý các số tiền lớn.

*Mục tiêu:* Đảm bảo mục tiêu đầy đủ, ghi chép chính xác, hiện hữu, quyền và nghĩa vụ.

*Công việc:* KTV lọc mẫu nghiệp vụ phát sinh trên sổ chi tiết khoản mục chi phí, tiến hành đối chiếu với chứng từ gốc. Chú ý thời gian, số chứng từ, chữ ký và nội dung, số tiền trên chứng từ xem có khớp không.

Việc kiểm tra chi phí tài chính, chi phí lãi vay chiếm phần lớn giá trị trong tổng chi phí tài chính, kết hợp với thử nghiệm chênh lệch ngoại tệ nên KTV đẩy mạnh kiểm tra chi tiết lãi vay. KTV tiến hành đối chiếu với các chứng từ gốc liên quan

Các khoản chi phí tiếp khách và chi phí nhiên liệu là các chi phí thường xuyên, đều ổn định qua các tháng, riêng chi phí tiếp khách tháng 8 là cao hơn các tháng còn lại, nên KTV chọn mẫu nghiệp vụ này để ưu tiên kiểm chi tiết chứng từ trước.

Các khoản lương và trích theo lương, các khoản phân bổ chi phí trả trước, hay xuất công cụ dụng cụ thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp, KTV không kiểm chi tiết vì bản chất nó đã thực hiện bởi phân hành liên quan rồi, KTV chỉ cần đối chiếu với phân hành đó.

Các nghiệp vụ cách ngày 31/12/2012 mười ngày, KTV không kiểm chi tiết, vì đã thực hiện bởi thử nghiệm trên, thực hiện lại sẽ bị trùng lặp và mất thời gian.

*Kết quả:*

Đầy đủ các chứng từ kèm theo. Các khoản mục chi phí được ghi chép là hiện hữu, đầy đủ và ghi chép chính xác, đảm bảo mục tiêu quyền và nghĩa vụ.

**Nhận xét:**

Thử nghiệm này là một phần bổ sung thử nghiệm phân tích đối ứng tài khoản ở trên. Nhằm đảm bảo các khoản chi phí được hạch toán và đánh giá một cách chính xác thì thử nghiệm này mang lại hiệu quả cao trong việc đánh giá tính trung thực và hợp lý khoản mục được trình bày trên BCTC.

Ở AA, việc kiểm chi tiết chứng từ gốc rất được KTV chú trọng. Do vấn đề thời gian và chi phí kiểm toán nên KTV không kiểm chứng từ 100% và việc chọn mẫu thường được KTV chọn sao cho giá trị mẫu lớn hơn 80-85% giá trị khoản mục nhằm giảm rủi ro kiểm toán, đưa ra ý kiến chính xác hơn.

**Xem phụ lục chi tiết tại G13**

**4.3. GIAI ĐOẠN HOÀN THÀNH KIỂM TOÁN**

Đây là giai đoạn KTV hoàn thành công việc của mình. KTV và trợ lý kiểm toán tiến hành tập hợp hồ sơ, giấy tờ làm việc, bằng chứng kiểm toán, ghi tham chiếu lên giấy giờ làm việc. Bấm lại theo thứ tự và lưu vào file hồ sơ đã chuẩn bị sẵn.

KTV đã tiến hành tổng hợp lại lần nữa, rà soát lại cả quá trình kiểm toán tại công ty Cổ phần ABC. Mọi thắc mắc sẽ được trao đổi và đưa ra ý kiến thống nhất.

Sau khi trao đổi, KTV chính cũng tiến hành trao đổi, góp ý về những sai sót cũng như những bút toán điều chỉnh và phía đơn vị cũng đồng ý sửa những sai sót được nêu lên trong hồ sơ kiểm toán. Do đó, AA sẽ kết hợp với đơn vị phát hành dự thảo báo cáo kiểm toán chấp nhận toàn phần.

**Bảng 4.12. BẢNG TỔNG HỢP CÁC SAI SÓT**

DVT: Đồng

Tên tài khoản / Nội dung	Mã số	Báo cáo KQHĐKD		Bảng CĐKT	
		Nợ	Có	Nợ	Có
1. Trích trước chi phí bán hàng					
Nợ TK 641	<b>G12-1,</b>	55.000.000			
Có TK 331	<b>G12-1/1</b>				55.000.000

(Nguồn: KTV tổng hợp từ kiểm toán Công ty CP ABC năm 2012)

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

Lãnh đạo AA sẽ kiểm tra, soát xét lại hồ sơ. Không có gì sai sót thì sẽ ký, đóng dấu phát hành báo cáo kiểm toán chính thức.

**Nhận xét:**

Việc lập bảng tổng hợp giúp cho KTV có cái nhìn tổng quát lại bút toán điều chỉnh, các sai sót đã tổng hợp. Đây là cơ sở để KTV đưa ra ý kiến cuối cùng của KTV về sự trung thực và hợp lý của khoản mục. Và bảng này cũng giúp kế toán trong đơn vị điều chỉnh lại sổ sách.

Việc KTV chính tổng hợp, rà soát lại trong suốt quá trình kiểm toán các vấn đề gặp phải thể hiện tính cẩn thận nghề nghiệp, đảm bảo các bút toán điều chỉnh phải hợp lý và chính xác. Việc phát hành báo cáo kiểm toán chính thức là công việc quan trọng, nên được xem xét kỹ lưỡng bởi lãnh đạo, Ban Giám đốc của AA. Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro, những vấn đề phát sinh sau khi phát hành báo cáo chính thức.

**Xem phụ lục chi tiết tại G2**

## **CHƯƠNG 5**

### **ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC CHI PHÍ VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH**

#### **5.1. ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC CHI PHÍ CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ**

Sau quá trình đi thực tế tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ, người viết đã đúc kết và học được nhiều điều. Qua đó, người viết nêu lên ưu điểm và nhược điểm của quy trình kiểm toán hiện đang áp dụng tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ.

##### **5.1.1. Về ưu điểm**

###### **5.1.1.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán**

Đối với khách hàng cũ: Mặc dù là khách hàng cũ nhưng AA luôn tôn trọng nguyên tắc khi tìm hiểu và đánh giá HTKSNB, và thường các KTV đã từng tham gia các cuộc kiểm toán năm trước được cử tham gia. AA luôn tạo không khí tốt với khách hàng cũ để duy trì mối quan hệ tốt đẹp và lâu dài.

Đối với khách hàng mới: Công việc khảo sát khách hàng mục đích thu thập thông tin khách hàng, đánh giá sơ bộ luôn được KTV chính có nhiều kinh nghiệm và chuyên môn nghề nghiệp giỏi thực hiện trước khi Ban Giám đốc AA ký hợp đồng thực hiện kiểm toán.

Khi tiếp nhận khách hàng, AA có yêu cầu đơn vị chuẩn bị trước các tài liệu cần cho quá trình kiểm toán trước khi đoàn kiểm toán xuống cơ quan đơn vị. Tạo điều kiện thuận lợi cho KTV tiến hành thủ tục mà không mất nhiều thời gian.

Về việc xác lập mức trọng yếu, KTV tính dựa trên cả ba chỉ tiêu sau đó chọn mức nhỏ nhất làm mức trọng yếu tổng thể. Cho thấy tinh thần trách nhiệm của KTV đối với công việc. Nên trong quá trình kiểm toán, KTV luôn đòi hỏi phải cẩn thận hơn nữa để việc đưa ra ý kiến một cách chính xác về sự trung thực và hợp lý của BCTC.

AA luôn có kế hoạch cụ thể, chi tiết cho từng phần hành trong một cuộc kiểm toán. Đồng thời xác định phạm vi áp dụng thủ tục giúp các KTV và trợ lý kiểm toán nắm bắt công việc dễ dàng, thuận tiện trong quá trình kiểm toán.



**5.1.1.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán**

AA thực hiện song song các thủ tục kiểm soát chung với các thử nghiệm cơ bản, linh hoạt trong việc áp dụng và chủ động điều chỉnh cỡ mẫu cho phù hợp. Mục tiêu không bỏ qua những sai sót mà vẫn tiết kiệm được thời gian.

Nhân sự tham gia kiểm toán AA được phân công rõ ràng, dựa trên năng lực, trình độ chuyên môn cũng như kinh nghiệm của từng người. Các công việc được phân công không trùng lặp nhau. Trong suốt quá trình thực hiện kiểm toán, những thành viên trong đoàn kiểm toán luôn có sự trao đổi, thảo luận lẫn nhau nhất là các phần hành có liên quan với nhau giúp công việc được thực hiện nhanh chóng, thu thập bằng chứng đầy đủ lưu hồ sơ mà không trùng lặp.

Trong quá trình thực hiện, KTV chính luôn theo dõi sát tiến độ của nhóm, phối hợp và hướng dẫn, định hướng cho các trợ lý kiểm toán. Trường hợp có sai sót, gian lận mà trợ lý kiểm toán phải báo cho trưởng đoàn để xem xét và giải quyết. Có thể yêu cầu đơn vị giải trình.

Việc kết hợp phần mềm văn phòng excel vào công việc kiểm toán khá hiệu quả. Áp dụng phần mềm vào phân tích tài khoản đối ứng (bằng chức năng PivotTable) giúp KTV dễ nhận dạng các khoản mục bất thường (trường hợp này là khoản mục chi phí), và tạo nền tảng cho KTV có cách nhìn tổng quát và áp dụng các thử nghiệm chi tiết.

Trường hợp khách hàng không bổ sung tài liệu kịp để KTV hoàn thành hồ sơ kiểm toán thì KTV thường nhắc nhở và yêu cầu đơn vị cung cấp sau.

**5.1.1.3. Giai đoạn hoàn thành kiểm toán**

Công việc tổng hợp các file (file excel) và các giấy tờ làm việc của nhóm được in ra và được các người thực hiện liên quan ký tên. Sau đó được nhóm trưởng xem xét lại và ký tên xác nhận. Đảm bảo đúng thời gian phát hành Báo cáo kiểm toán cho khách hàng.

Công tác soát xét trước khi phát hành báo cáo được tiến hành kỹ lưỡng qua nhiều cấp, phát hiện các vấn đề và điều chỉnh kịp thời. Nhằm hạn chế những vấn đề có thể phát sinh bất lợi cho AA sau khi phát hành báo cáo kiểm toán.

Công ty có quy định chặt chẽ việc sắp xếp, trình bày giấy làm việc, hồ sơ một cách hệ thống và lưu giữ khoa học và không để lộ ra bên ngoài. Việc lưu giữ

khoa học giúp thuận tiện cho việc xem xét lại, hay nắm bắt được thông tin khi phục vụ kiểm toán những năm tiếp theo.

### **5.1.2. Về nhược điểm**

#### **5.1.2.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán**

Do hạn chế về thời gian nên việc sắp xếp thời gian tham quan đơn vị trước khi thực hiện kiểm toán chưa được thực hiện. Điều này làm hạn chế hiểu biết của AA về tình hình thực tế của đơn vị. Việc quan sát và phỏng vấn được KTV thực hiện ngay trong buổi kiểm toán chính thức, có thể làm cho kết quả phân tích đánh giá HTKSNB không trọng tâm và chính xác.

AA không lưu hồ sơ kết quả khảo sát nên tạo ra khó khăn cho người khác trực tiếp thực hiện công tác kiểm toán vì họ có thể không nắm bắt được hết những yếu tố trọng tâm của HTKSNB của đơn vị, có thể làm chậm quá trình thu thập bằng chứng.

Việc tìm hiểu HTKSNB chỉ bằng bảng câu hỏi chung cho các doanh nghiệp và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát chỉ được áp dụng trong nội bộ đơn vị kiểm toán. Nhưng chưa được tiến hành áp dụng với bên thứ ba, nên không làm tăng tính độc lập và độ tin cậy của HTKSNB được đánh giá.

Về chương trình kiểm toán, AA chưa có chương trình cụ thể áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp. Chương trình kiểm toán AA bám sát theo chương trình mẫu VACPA nên khi áp dụng thực tế cho công ty khách hàng, có một số thủ tục không được áp dụng hay KTV tiến hành thêm vài thủ tục theo kinh nghiệm chuyên môn của mình. Như vậy, chương trình kiểm toán có hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm của KTV đảm nhận phân hành chi tiết. Mặc khác, việc này làm tốn nhiều thời gian cho suy nghĩ bổ sung và áp dụng các thủ tục kiểm toán.

Về thời gian xây dựng cho cuộc kiểm toán chưa được hợp lý lắm. Lý do là công ty chỉ thực hiện kiểm toán từ 2 đến 3 ngày. Điều đó cho thấy KTV phải chịu nhiều về áp lực thời gian. Có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán.

#### **5.1.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán**

Do giới hạn về thời gian KTV ít quan tâm và áp dụng các tỷ số phi tài chính, trong trường hợp này được KTV bỏ qua luôn ở phần thủ tục phân tích mà chỉ đi sâu vào áp dụng các thử nghiệm chi tiết.

## ***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

KTV không chú trọng việc thực hiện các thử nghiệm kiểm soát và đánh giá lại rủi ro kiểm soát, tương ứng việc đánh giá HTKSNB có thể mang lại kết quả không như KTV đánh giá và KTV chỉ tăng cường cỡ mẫu hay phạm vi kiểm tra khi nhận thấy có rủi ro không được đánh giá hợp lý.

Trong thử nghiệm chi tiết, về chọn mẫu của KTV thì phần lớn dựa trên kinh nghiệm và những số có phát sinh lớn. Tổng lại những giá trị phát sinh nhỏ được tổng hợp có thể vượt qua mức trọng yếu. Điều này có thể ảnh hưởng đến kết luận của KTV về BCTC.

Và KTV chỉ chú trọng thao tác đối chiếu từ sổ sách đến chứng từ (KTV chỉ kiểm tra kỹ lưỡng tháng 1, tháng 11 và tháng 12 vì KTV nghĩ các tháng này thường tập trung sai phạm nhiều nhất) mà ít tiến hành kiểm chứng từ lên sổ sách. Điều này dẫn đến các nghiệp vụ thực tế phát sinh nhưng đơn vị không ghi nhận và KTV cũng không phát hiện được sai sót hay gian lận trong trường hợp này.

Thử nghiệm kiểm tra lại phương pháp tính giá xuất kho và ước tính chi phí lãi vay trong năm trong trường hợp này được AA thực hiện hiệu quả. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp xuất kho bình quân gia quyền theo tháng của Công ty ABC được KTV ước tính bằng phương pháp xuất kho bình quân theo năm rồi so sánh khoảng chênh lệch với giá trị trên bảng báo cáo xuất nhập tồn. Còn đối với ước tính chi phí lãi vay, việc sử dụng rất nhiều giá trị bình quân cộng với việc ước tính lãi vay không kết hợp với số dư vay. Nên các khoảng chênh lệch từ hai thử nghiệm này đôi khi rất lớn. Việc đưa ra nhận xét về sự hợp lý của giá trị chênh lệch còn phụ thuộc rất nhiều và khả năng xét đoán của KTV.

Đối với thử nghiệm Cut-off áp dụng cho Công ty cổ phần ABC thì KTV chỉ áp dụng 10 ngày trước và sau kỳ kết thúc niên độ. Nhưng số phát sinh trong 10 kết thúc niên độ này thì không lớn lắm. Nhằm hạn chế khách hàng chuyển hạch toán sau 10 kết thúc niên độ, KTV chưa tích cực mở rộng phạm vi kiểm tra các số phát sinh lớn.

### **5.1.2.3. Giai đoạn hoàn thành kiểm toán**

Việc tổng hợp các sai sót của khoản mục chi phí hay cả khoản mục khác rất ít được so sánh với mức trọng yếu vì thực tế các sai sót được phát hiện ra đều được KTV trao đổi với khách hàng đều được yêu cầu điều chỉnh và hầu hết đơn vị chấp nhận điều chỉnh.

Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, KTV chính là người tập hợp các sai sót, kiểm tra kết quả của các trợ lý kiểm toán, do cùng lúc kiểm tra nhiều khoản mục trong thời gian ngắn nên cũng một phần ảnh hưởng đến thời gian và chất lượng kiểm toán.

## **5.2. SO SÁNH QUY TRÌNH KIỂM TOÁN GIỮA LÝ THUYẾT VÀ THỰC TẾ ĐANG ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **5.2.1. Giống nhau**

Cũng như lý thuyết, trong thực tế quy trình kiểm toán khoản mục của AA cũng tuân theo các bước chung. Đầu tiên là khảo sát khách hàng, ký hợp đồng kiểm toán, lập kế hoạch kiểm toán, kết thúc kiểm toán, lưu hồ sơ kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán. Bên cạnh đó, KTV đều tuân thủ theo các chuẩn mực đã được đề cập trong lý thuyết.

### **5.2.2. Khác nhau**

Quy trình kiểm toán chung được thể hiện một cách rất tổng quát. Nhưng khi áp dụng ngoài thực tiễn thì có nhiều bước trong quy trình bao gồm các thử nghiệm và các thủ tục không được thực hiện bởi hạn chế về mặt thời gian và chi phí.

Ở quy trình kiểm toán lý thuyết thì thử nghiệm kiểm soát được tiến hành riêng so với việc thực hiện các thử nghiệm cơ bản. Nhưng ở AA, hai thử nghiệm này được tiến hành song song với nhau. Điều này thường được các công ty kiểm toán ngoài thực tế áp dụng, nó làm tăng thời gian hơn cho các thử nghiệm chi tiết quan trọng.

Phương pháp kiểm tra tài khoản đối ứng được AA rất chú trọng, nó giúp KTV nhận dạng những định khoản, những giá trị nghiệp vụ bất thường. Thay vì chỉ kiểm tra chứng từ, đối chiếu sổ sách thông thường.

Phương pháp chọn mẫu tại AA ít sử dụng chọn mẫu thống kê mà chủ yếu là kiểm mẫu nghiệp vụ có số phát sinh lớn. Điều này sẽ giúp cho công việc kiểm toán ít xảy ra sai sót hơn, nhưng đối với khách hàng có ít nghiệp vụ phát sinh và tính quan trọng của khoản mục thì kiểm tra 100%. Còn đối với khách hàng có phát sinh rất nhiều nghiệp vụ nhưng số tiền phát sinh ít thì chọn cỡ mẫu từ số tiền cụ thể nào trở lên tùy theo quyết định của trưởng nhóm kiểm toán.

### **5.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ**

Sau khi nghiên cứu quy trình kiểm toán Mỹ, người viết xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn quy trình kiểm toán và mang lại chất lượng tốt hơn. Dựa vào phần nhược điểm đã nêu trên, đó là căn cứ để người viết đề ra giải pháp hoàn thiện, sau đây là giải pháp theo từng giai đoạn:

#### **5.3.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán**

*\* Về tiếp nhận khách hàng:*

KTV nên dành một buổi tham quan đơn vị trước lúc kiểm toán một vài ngày để có những hiểu biết thực tế hơn về việc thiết kế, vận hành HTKSNB và lưu lại kết quả khảo sát khách hàng.

*Kết quả đạt được:* Tăng cường được sự chính xác và hiệu quả trong việc tìm hiểu và đánh giá HTKSNB. Hạn chế mức độ xảy ra rủi ro trong hợp đồng kiểm toán.

*\* Về tìm hiểu HTKSNB:*

- KTV nên kết hợp với bảng câu hỏi và lưu đồ, bảng tường thuật để tìm hiểu HTKSNB. Và việc thiết kế Bảng câu hỏi cụ thể dựa trên từng loại hình, đặc điểm, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp nên được tiến hành bởi các KTV có kinh nghiệm và đã kiểm toán năm trước.

- Dựa vào trình độ và kinh nghiệm các lần kiểm toán của KTV ở các công ty khác, KTV nên so sánh các chỉ số của đơn vị được kiểm toán với các đơn vị khác cùng ngành.

- Công ty nên tiếp cận khách hàng bằng cách thông qua bên thứ ba, các doanh nghiệp khác cùng ngành, cùng lĩnh vực.

*Kết quả đạt được:* Điều này giúp cho KTV dễ nhìn nhận hơn trong việc đánh giá các “vùng” có nguy cơ xảy ra sai sót cao, để tập trung các thử nghiệm nhằm tiết kiệm thời gian mà vẫn đảm bảo chất lượng kiểm toán.

- Tạo điều kiện tốt nhất để nắm bắt được thông tin quan trọng và những mâu chốt mà KTV nghi ngờ, tăng các thủ tục kiểm toán.

- Điều này tạo thêm cho KTV một cơ sở dữ liệu để so sánh, xác định rủi ro cao để có những biện pháp thích hợp, đồng thời giúp cho việc xét đoán về sự phù

## ***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

hợp các chính sách kế toán và đánh giá về sự đầy đủ, thích hợp của bằng chứng kiểm toán.

### ***\* Về chương trình kiểm toán***

Từ ngày thành lập đến thời điểm hiện tại thì AA đã có nhiều khách hàng với nhiều loại hình doanh nghiệp và nhiều đặc điểm kinh doanh khác nhau,... để chất lượng kiểm toán luôn được đảm bảo một cách tốt nhất. AA nên xây dựng một chương trình kiểm toán riêng, đặc thù cho từng đối tượng khách hàng.

*Kết quả đạt được:* Hạn chế được thời gian suy nghĩ và áp dụng các thủ tục kiểm toán sao cho phù hợp với đơn vị được kiểm toán. Thích hợp cho những KTV trẻ mới vào nghề có thể thực hiện quy trình kiểm toán dễ dàng và thuận tiện, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng kiểm toán. Kết quả các thử nghiệm sẽ mang tính chính xác và thiết thực hơn.

### **5.3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán**

#### ***\* Về thủ tục phân tích***

Mở rộng bổ sung áp dụng các thủ tục cơ bản, phân tích biến động tương đối và tuyệt đối hơn hai năm trở lên. Vì một số trường hợp năm trước có biến động chi phí do những lý do cơ bản về thị trường, khủng hoảng kinh tế hay một tác động khách quan nào đó nên tỷ lệ có thể có sự chênh lệch lớn.

Hay thu thập thêm các thông tin doanh nghiệp áp dụng các chỉ số phi tài chính trong quá trình phân tích.

*Kết quả đạt được:* Việc KTV đánh giá thêm năm liền kề trước thì mang lại tính chính xác cao hơn. Hay lồng vào các tỷ số chi phí trên lợi nhuận. Như vậy, giúp cho việc phân tích thêm hiệu quả hơn và thuyết phục hơn. Loại bỏ những tác động khách quan, để đưa ra nhận xét và giải thích biến động sát với thực tế hơn, hạn chế được sự phụ thuộc vào xét đoán của KTV.

Có cách nhìn tổng quát hơn về doanh nghiệp và năng lực, triển vọng và khả năng phát triển qua các năm của đơn vị.

#### ***\* Về thực hiện các thử nghiệm:***

- KTV nên chú trọng thực hiện nhiều các thử nghiệm kiểm soát hơn để đánh giá lại rủi ro một cách chính xác. Công việc này cần được tiến hành bởi KTV có một sự hiểu biết nhất định về phần mềm kế toán và hệ thống máy tính để giảm bớt thời gian và chi phí kiểm toán, sau đó lưu lại hồ sơ kiểm toán để chứng minh

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

kết quả đạt được của thử nghiệm. Dựa vào kết quả này, KTV có cách nhìn chính xác hơn về KSNB của đơn vị kiểm toán mà từ đó giảm thiểu hay tăng cường các thử nghiệm chi tiết một cách hợp lý hơn.

- Đối với thử nghiệm kiểm tra phương pháp tính giá xuất kho là bình quân gia quyền theo tháng như Công ty ABC, KTV nên mượn thêm File (File Excel) báo cáo xuất nhập tồn theo tháng. Sau đó, KTV tính lại đơn giá xuất kho bình quân để dễ dàng thấy sự chênh lệch và đưa ra nhận xét chính xác và thuyết phục hơn.

- Đối với các khoản vay liên tục tăng giảm không đồng đều giữa trả nợ vay và chi phí lãi hay vay thêm, kết hợp việc biến động lãi suất không ngừng, vay từ nhiều đối tượng thì thử nghiệm này nhường như vô hiệu, vì khoảng chênh lệch thường là rất lớn. Trường hợp này, KTV có thể ước tính lãi vay dựa trên chứng từ vay mà lãi của chứng từ vay này được hạch toán vào chi phí năm kiểm toán.

- Đối với thử nghiệm Cut-off, KTV nên mở rộng phạm vi thay vì chỉ 10 ngày trong trường hợp số phát sinh đều ít trong khoảng thời gian này vì chủ yếu KTV kiểm tra các phát sinh lớn nên việc mở rộng thử nghiệm sẽ tốn thêm không nhiều thời gian. Mục đích tránh bị khách hàng lợi dụng thử nghiệm này mà hạch toán sau 10 ngày kết thúc niên độ, nhằm hạn chế sự kiểm tra của KTV.

**\* Về kiểm tra chi tiết và chọn mẫu kiểm toán:**

Khi kiểm tra chi tiết nghiệp vụ, KTV cần tiến hành chọn mẫu kiểm tra từ sổ sách lên chứng từ nhằm đảm bảo mục tiêu phát sinh và từ chứng từ lên sổ sách nhằm đảm bảo mục tiêu đầy đủ. KTV cũng nên chú trọng kiểm tra chứng từ các tháng giữa năm.

Khi kiểm tra chọn mẫu kiểm toán, KTV nên dựa vào mức trọng yếu mà xác định phần tử mẫu kiểm, nên lập kế hoạch chọn mẫu khác nhau cho phần hành. Công ty có thể kết hợp sử dụng phần mềm chọn mẫu thống kê khi thực hiện thao tác chọn mẫu trên cơ sở số phát sinh hoặc thiết kế sẵn chương trình trên máy tính.

*Kết quả đạt được:* Tránh khách hàng nắm bắt được phương pháp kiểm toán của Công ty kiểm toán. Đảm bảo được mục tiêu kiểm toán khoản mục chi phí.

Về cách chọn mẫu như trên làm này làm giảm sai sót đối với những số phát sinh nhỏ, và công việc chọn mẫu khoa học hơn, tiện lợi và nhanh chóng hơn.

**5.3.3. Giai đoạn hoàn thành kiểm toán**

KTV chính sau khi tập hợp các hồ sơ, sai sót và nghiên cứu các bút toán điều chỉnh và thông báo kết quả cho các trợ lý kiểm toán, người mà thực hiện phần hành của mình. Sau đó, tiến hành trao đổi các lý do hay vướng mắc và ảnh hưởng của các bút toán đó. Hay trưởng nhóm kiểm toán tổ chức buổi họp nhỏ với nhóm kiểm toán để đưa ra nhận xét về cuộc kiểm toán như: số lượng bằng chứng thu thập là đủ để làm căn cứ đưa ra ý kiến chưa; số lượng mẫu kiểm tra là hợp lý không; cách trình bày thông tin trên giấy tờ làm việc có rõ ràng, dễ hiểu;...Nêu lên những gì đạt được và chưa đạt được, đưa ra cách khắc phục để nhóm kiểm toán khắc phục.



## **CHƯƠNG 6**

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **6.1. KẾT LUẬN**

Ngành kiểm toán ngày càng hoạt động mạnh mẽ hòa vào xu thế phát triển chung của kinh tế. Và hoạt động kiểm toán đã trở thành một phần không thể thiếu trong các hoạt động kinh tế, thấy được tầm quan trọng đó, các công ty kiểm toán đã không ngừng phát triển, hoàn thiện hơn nữa để cạnh tranh lành mạnh nhằm đem lại những dịch vụ, lợi ích tốt nhất cho khách hàng. AA cũng vậy, từ khi mới thành lập đến nay, AA không ngừng phát triển, ngày hoàn thiện các dịch vụ mà AA đang cung cấp và vươn đến tầm cao mới.

Qua quá trình thực tập kiểm toán BCTC tại chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Chi nhánh Cần Thơ, người viết đã nghiên cứu quy trình kiểm toán khoản mục chi phí trong kiểm toán BCTC hiện đang áp dụng tại công ty kết hợp các tài liệu lưu giữ tại chi nhánh AA và việc vận dụng quy trình vào thực tế. Và chi phí là khoản mục quan trọng, nó ảnh hưởng đến lợi nhuận. Nên quy trình kiểm toán khoản mục này được AA xây dựng khá là hoàn chỉnh, đảm bảo tuân thủ các quy định của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. AA cũng rất quan tâm đến trình độ của nhân viên cũng như chất lượng của các cuộc kiểm toán. Chính vì thế, góp phần đem lại uy tín và niềm tin cậy cho các khách hàng cũ và thu hút nhiều khách hàng mới, đồng thời tạo thế cạnh tranh mạnh mẽ trong lĩnh vực kiểm toán.

Để thực hiện được đề tài, người viết đã được sự giúp đỡ rất nhiệt tình của các anh chị kiểm toán viên trong công ty, và đã học hỏi được nhiều điều liên quan sâu hơn về kiểm toán. Do giới hạn về mặt thời gian, không gian cũng như kiến thức nên chắc chắn không thể gặp phải sai sót, mong Quý Công ty, Thầy cô góp ý để người viết hoàn thiện hơn bài viết của mình.

#### **6.2. KIẾN NGHỊ**

##### **6.2.1. Đối với Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ**

Về phía AA, nên có những đợt bồi dưỡng huấn luyện kỹ thuật tin học cho các nhân viên. Vì hầu hết các công ty đang hoạt động đều thực hiện kế toán trên

## ***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

máy vi tính. KTV phải thành thạo sử dụng và biết sử dụng các phần mềm kế toán thông dụng để phát hiện những sai sót hay gian lận có thể xảy ra.

AA nên tổ chức tập huấn những sai phạm thường gặp ở các loại hình doanh nghiệp. Hay tổ chức những sự kiện nhằm trải nghiệm, hỏi đáp những vấn đề kiểm toán, kế toán. Nhằm không ngừng kiến thức cho các KTV và trợ lý kiểm toán về khả năng quyết định hay phán đoán, xét đoán cá nhân,...

Trước khi đến đơn vị thực hiện công tác kiểm toán hay kiểm kê, KTV nên có buổi họp nhỏ trước khi tiến hành. Đó là điều kiện cho các kiểm toán viên trao đổi kinh nghiệm và lưu ý các vấn đề quan trọng của đơn vị được kiểm toán và xác định được mục tiêu của chuyến đi.

Nâng cao chất lượng tổ chức và tuyển dụng nhân sự tại công ty nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng về chất lượng và hiệu quả của các dịch vụ mà công ty cung cấp. Ngành kiểm toán là ngành thường có biến động nhân sự rất lớn, vì vậy, AA nên có chính sách ưu đãi đối với những nhân viên cũ và tạo điều kiện bổ sung nguồn nhân lực trẻ, hình thành lực lượng nòng cốt cho công ty.

Khách hàng của AA tại Cần Thơ ngày càng nhiều, AA cũng nên tăng thêm nguồn nhân lực cho chi nhánh Cần Thơ, để tiện cho việc sắp xếp công việc công việc kiểm toán, tránh trường hợp quá tải, áp lực công việc quá nhiều.

Ngoài dịch vụ kiểm toán mà AA cung cấp, AA nên có phần tư vấn về kế toán, cách lưu trữ chứng từ kế toán, quản lý chi phí hiệu quả hay các vấn đề về chuẩn mực kế toán,... mặc dù ngoài hợp đồng được ký kết. Nhằm tạo mối quan hệ tốt đẹp, niềm tin cho khách hàng, duy trì mối quan hệ lâu dài thuận lợi hơn cho quá trình kiểm toán năm kế tiếp.

### **6.2.2. Đối với đơn vị được kiểm toán**

Để nhằm phục vụ cho công tác kiểm toán được tiến hành nhanh và hiệu quả. Khách hàng nên chuẩn bị sẵn các báo cáo, chứng từ liên quan mà KTV đã gửi yêu cầu trước đó. Và sau mỗi lần kiểm toán, khách hàng cũng nên góp ý về quy trình kiểm toán.

Đơn vị nên tích cực trao đổi với kiểm toán viên trên tinh thần giúp đỡ lẫn nhau để ngày càng hoàn thiện quy trình kế toán hay những sai sót của đơn vị mình. Tạo môi trường làm việc thân thiện, thoải mái giữa kiểm toán viên và kế toán doanh nghiệp nhằm hướng tới hiệu quả làm việc của hai bên.

### **6.2.3. Đối với Nhà nước và Hội KTV hành nghề Việt Nam**

#### **6.2.3.1. Đối với Nhà nước**

Tạo dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về kế toán và đặc biệt là luật trong hoạt động kiểm toán tạo môi trường pháp lý để các công ty kiểm toán hoạt động ngày hiệu quả hơn. Có thể nâng cao hình thức xử lý mạnh để nâng cao trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán gian lận trong việc đưa ra ý kiến sai lệch về BCTC.

Cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật thuộc Chuẩn mực Quốc tế có liên quan đến lĩnh vực kế toán và kiểm toán. Sau đó chọn lọc và sửa đổi phù hợp cho các Công ty Kiểm toán Việt Nam.

Kiểm soát chặt chẽ việc tổ chức thi và cấp chứng chỉ hành nghề nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán.

Nghiên cứu kỹ lưỡng và tham khảo ý kiến chuyên gia về chuyên ngành kiểm toán, kế toán, thuế hay các lĩnh vực liên quan trước khi ban hành luật mới. Để tránh hiện tượng “chông chéo” luật, tạo khó khăn trong công tác kiểm toán.

#### **6.2.3.2. Đối với hội KTV hành nghề Việt Nam**

Tích cực tham gia hoạt động trong môi trường của tổ chức nghề nghiệp với các nước trên Thế giới. Tạo điều kiện cho KTV trong nước giao lưu, học hỏi thêm kinh nghiệm chuyên môn.

Tăng cường công tác nghiên cứu hoàn thiện hơn chương trình kiểm toán mẫu, công tác kiểm soát chất lượng cuộc kiểm toán. Đổi mới phương pháp đào tạo, nâng cao chất lượng các cuộc thi cấp chứng chỉ KTV hành nghề.

Tăng cường đổi mới và thực hiện quản lý hành nghề kế toán, kiểm toán. Đặc biệt, cần quan tâm quản lý đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên, thường xuyên đổi mới chương trình và cập nhật kiến thức, tăng cường kiểm soát chất lượng dịch vụ.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, *Kiểm toán*, NXB Lao Động Xã Hội, 2009.
2. Bộ Tài chính, *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*.
3. Bộ Tài chính, *Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*.
4. Bộ Tài chính, *Quyết định 15/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp*.
5. Chương trình kiểm toán mẫu VACPA ban hành năm 2010. Ban hành theo Quyết định 1089/ QĐ-VACPA ngày 01/10/2010 của Chủ tịch VACPA.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Chương trình kiểm toán

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G1</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa số: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

## BIỂU CHỈ ĐẠO

Đvt: Đồng

<b>Tên tài khoản</b>	<b>Số liệu kiểm toán 31/12/2011</b>	<b>Số liệu số cái 31/12/2012</b>	<b>Điều chỉnh</b>	<b>Số liệu kiểm toán 31/12/2012</b>
Giá vốn hàng bán	373.686.114.562	391.610.603.976		391.610.603.976
Chi phí bán hàng	4.126.480.426	4.347.344.598	55.000.000	4.402.344.598
Chi phí tài chính	17.272.035.906	11.184.999.240		11.184.999.240
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.095.014.456	11.184.999.240		11.184.999.240
Chi phí khác	1.564.825.269	3.175.406.977		3.175.406.977
	<b>PY</b>	<b>TB</b>		<b>PL</b>
<b>PY:</b> Khớp với số dư năm trước đã kiểm toán				
<b>TB:</b> Khớp với số liệu trên bảng cân đối phát sinh				
<b>PL:</b> Khớp với bảng báo cáo hoạt động kinh doanh đã điều chỉnh				
<b>Kết luận:</b> Số dư các khoản mục chi phí là trung thực và hợp lý				

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G2</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG TỔNG HỢP LỖI**

ĐVT: Đồng

Tên tài khoản / Nội dung	Mã số	Báo cáo KQHĐKD		Bảng CĐKT	
		Nợ	Có	Nợ	Có
1. Trích trước chi phí bán hàng					
Nợ TK 641	<b>G12-1,</b>	55.000.000			
Có TK 331	<b>G12-1/1</b>				55.000.000

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G3</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

### **CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TOÁN**

<b>STT</b>	<b>Thủ tục</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Tham chiếu</b>
<b>I. Thủ tục phân tích</b>			
1	So sánh biến động chi phí năm nay (2012) so với năm trước (2011) để tìm hiểu nguyên nhân sự biến động bất thường (nếu có).	Minh	<b>G4</b>
2	So sánh biến động chi phí hoạt động trên doanh thu thuần giữa kỳ này so với kỳ trước.	Minh	<b>G5</b>
3	So sánh giá vốn hàng bán năm nay so với năm trước kết hợp với doanh thu, tỷ lệ lãi gộp.	Minh	<b>G6</b>
<b>II. Thử nghiệm chi tiết</b>			
1	Lập bảng kê chi tiết các khoản mục chi phí trong năm, đánh giá tính hợp lý và đối chiếu với sổ cái, bảng cân đối phát sinh và báo cáo BKQHĐKD.	Minh	<b>G7</b>
2	Phân tích đối ứng tài khoản xem các biến động bất thường trong năm. Tiến hành kiểm tra chứng từ gốc, đảm bảo các khoản chi phí là có thực.	Minh	<b>G8</b>
3	Kiểm tra nghiệp vụ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm, kiểm tra lại cách tính toán.	Minh	<b>G9</b>
4	Ước tính chi phí lãi vay trong kỳ so sánh với sổ sách, xem khoảng chênh lệch có hợp lý không.	Minh	<b>G10</b>
5	Kiểm tra phương pháp tính giá xuất kho của đơn vị có phù hợp với công bố hay không.	Minh	<b>G11</b>

***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

STT	Thủ tục	Người thực hiện	Tham chiếu
<b>II. Thử nghiệm chi tiết (tiếp theo)</b>			
6	Kiểm tra việc khóa sổ khoản mục chi phí trước và sau 10 ngày kết thúc niên độ 2012.	Minh	<b>G12</b>
7	Chọn mẫu kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc với các khoản mục chi phí. Chú ý các số tiền lớn.	Minh	<b>G13</b>



**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G4</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**Thủ tục:** So sánh biến động chi phí năm nay (2012) so với năm trước (2011) để tìm hiểu nguyên nhân sự biến động bất thường (nếu có).

**Kết quả:** Xem chi tiết tại G4-1

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G4-1</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ NĂM 2012 SO VỚI NĂM 2011**

Đvt: Đồng

Số hiệu TK	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2011	Chênh lệch	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
<b>632</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>391.610.603.976</b>	<b>373.686.114.562</b>	<b>17.924.489.414</b>	<b>4,80</b>
6321	Giá vốn hàng hóa	5.507.795.420	3.736.861.146	1.770.934.274	47,39
6322	Giá vốn thành phẩm	386.102.808.556	369.949.253.416	16.153.555.140	4,37
<b>635</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>11.184.999.240</b>	<b>17.272.035.906</b>	<b>(6.087.036.666)</b>	<b>(35,24)</b>

*Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ*

6351	Chi phí lãi vay	10.772.513.895	16.581.154.470	(5.808.640.575)	(35,03)
6352	Lỗ chênh lệch tỷ giá	412.485.345	690.881.436	(278.396.091)	(40,30)
<b>641</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.347.344.598</b>	<b>4.126.480.426</b>	<b>220.864.172</b>	<b>5,35</b>
6414	Chi phí khấu hao TSCĐ	47.727.471	206.324.021	(158.596.550)	(76,87)
6418	Chi phí bằng tiền khác	4.299.617.127	3.920.156.405	379.460.722	9,68
<b>642</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>20.645.391.158</b>	<b>13.095.014.456</b>	<b>7.550.376.702</b>	<b>57,66</b>
6421	Chi phí nhân viên quản lý	7.842.110.334	6.023.706.650	1.818.403.684	30,19
6423	Chi phí đồ dùng văn phòng	315.351.219	654.750.723	(339.399.504)	(51,84)
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ	148.612.644	196.425.217	(47.812.573)	(24,34)
6425	Thuế, phí và lệ phí	196.180.988	261.900.289	(65.719.301)	(25,09)
6426	Chi phí dự phòng	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	804.653.004	720.225.795	84.427.209	11,72
6428	Chi phí bằng tiền khác	5.338.482.969	5.238.005.782	100.477.187	1,92
<b>811</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>3.175.406.977</b>	<b>1.564.825.269</b>	<b>1.610.581.708</b>	<b>102,92</b>
8111	Giá trị còn lại của TSCĐ	491.606.707	312.965.054	178.641.653	57,08
8112	Chi phí khác	2.683.800.270	1.251.860.215	1.431.940.055	114,38
<b>Tổng chi phí</b>		<b>430.963.745.949</b>	<b>409.744.470.619</b>	<b>21.219.275.330</b>	<b>5,18</b>

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G5</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**Thủ tục:** So sánh biến động chi phí hoạt động trên doanh thu thuần giữa kỳ này so với kỳ trước.

**Kết quả:** Xem chi tiết tại G5-1

**Nhận xét:**

Tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu năm 2012 và 2011 không có sự chênh lệch nhiều và rất ổn định. Chi tiết khoản mục chi phí bán hàng, chi phí bằng tiền khác là chi phí vận chuyển vỏ bao, chi phí giao và bốc xếp vỏ bao, chi phí quảng cáo tặng góp phần làm tăng tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu. Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng mạnh so với năm trước 4,69%, trong khi tỷ lệ trong năm 2012 chỉ 3,12%. Tăng chủ yếu là do đơn vị trích dự phòng quỹ tiền lương và chi phí cho nhân viên quản lý cho năm tài chính 2012 tăng dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 tăng. KTV nên lưu ý đến chi phí dự phòng này.

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G5-1</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TRÊN DOANH THU THUẦN GIAI ĐOẠN 2011-2012**

Đvt: Đồng

Số hiệu TK	Khoản mục	Năm 2012	Tỷ lệ khoản mục/Doanh thu 2012 (%)	Năm 2011	Tỷ lệ khoản mục/Doanh thu 2011 (%)
<b>Doanh thu thuần</b>		<b>439.865.351.427</b>	<b>-</b>	<b>419.913.619.989</b>	<b>-</b>
<b>641</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.347.344.598</b>	<b>0,99</b>	<b>4.126.480.426</b>	<b>0,98</b>
6414	Chi phí khấu hao TSCĐ	47.727.471	0,01	206.324.021	0,05
6418	Chi phí bằng tiền khác	4.299.617.127	0,98	3.920.156.405	0,93

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

Số hiệu TK	Khoản mục	Năm 2012	Tỷ lệ khoản mục/Doanh thu 2012 (%)	Năm 2011	Tỷ lệ khoản mục/Doanh thu 2011 (%)
<b>642</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>20.645.391.158</b>	<b>4,69</b>	<b>13.095.014.456</b>	<b>3,12</b>
6421	Chi phí nhân viên quản lý	7.842.110.334	1,78	6.023.706.650	1,43
6423	Chi phí đồ dùng văn phòng	315.351.219	0,07	654.750.723	0,16
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ	148.612.644	0,03	196.425.217	0,05
6425	Thuế, phí và lệ phí	196.180.988	0,04	261.900.289	0,06
6426	Chi phí dự phòng	6.000.000.000	1,36	-	-
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	804.653.004	0,18	720.225.795	0,17
6428	Chi phí bằng tiền khác	5.338.482.969	1,21	5.238.005.782	1,25

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G6</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**Thủ tục:** So sánh giá vốn hàng bán năm nay so với năm trước kết hợp với doanh thu, tỷ lệ lãi gộp.

Kết quả: Xem chi tiết Bảng phân tích biến động tỷ lệ lãi gộp

**BẢNG PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG TỶ LỆ LÃI GỘP GIAI ĐOẠN NĂM  
2011 – 2012**

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012 (Đồng)	Năm 2011 (Đồng)	Chênh lệch	
			Số tuyệt đối (Đồng)	Số tương đối (%)
DTT	439.865.351.427	419.913.619.989	19.951.731.438	4,75
Giá vốn	391.610.603.976	373.686.114.562	17.924.489.414	4,80
Lãi gộp	48.254.747.451	46.227.505.427	2.027.242.024	4,39
Lãi gộp/DTT (%)	10,97	11,01	(0,04)	(0,36)

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G7</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**Thử nghiệm chi tiết 1:** Lập bảng kê chi tiết các khoản mục chi phí trong năm, đánh giá tính hợp lý và đối chiếu với sổ cái, bảng cân đối phát sinh và báo cáo BKQHĐKD.

**Kết quả:** Xem chi tiết Bảng tổng hợp đối chiếu

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỐI CHIẾU GIỮA SỔ SÁCH VỚI BÁO CÁO  
CỦA KHOẢN MỤC CHI PHÍ NĂM 2011 VÀ 2012**

Dvt: Đồng

<b>Số hiệu TK</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
<b>632</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>391.610.603.976</b>	<b>373.686.114.562</b>
6321	Giá vốn hàng hóa	5.507.795.420	3.736.861.146
6322	Giá vốn thành phẩm	386.102.808.556	369.949.253.416
<b>635</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>11.184.999.240</b>	<b>17.272.035.906</b>
6351	Chi phí lãi vay	10.772.513.895	16.581.154.470
6352	Lỗ chênh lệch tỷ giá	412.485.345	690.881.436
<b>641</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.347.344.598</b>	<b>4.126.480.426</b>
6414	Chi phí khấu hao TSCĐ	47.727.471	206.324.021
6418	Chi phí bằng tiền khác	4.299.617.127	3.920.156.405
<b>642</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>20.645.391.158</b>	<b>13.095.014.456</b>
6421	Chi phí nhân viên quản lý	7.842.110.334	6.023.706.650
6423	Chi phí đồ dùng văn phòng	315.351.219	654.750.723
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ	148.612.644	196.425.217
6425	Thuế, phí và lệ phí	196.180.988	261.900.289



***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

Số hiệu TK	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2011
6426	Chi phí dự phòng	6.000.000.000	-
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	804.653.004	720.225.795
6428	Chi phí bằng tiền khác	5.338.482.969	5.238.005.782
<b>811</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>3.175.406.977</b>	<b>1.564.825.269</b>
8111	Giá trị còn lại của TSCĐ	491.606.707	312.965.054
8112	Chi phí khác	2.683.800.270	1.251.860.215
<b>Tham chiếu</b>		<b>PL</b>	<b>PY, PL</b>
PY: Khớp với báo cáo kiểm toán năm trước			
PL: Khớp với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			

**Kết luận:**

Số liệu các khoản chi phí khớp đúng với sổ cái, sổ chi tiết tài khoản, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thuyết minh BCTC năm 2012. Số liệu năm trước chuyển sổ qua năm 2012 khớp đúng với BCTC đã kiểm toán năm 2011.

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G8</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**Thử nghiệm chi tiết 2:** Phân tích đối ứng tài khoản xem các biến động bất thường trong năm. Tiến hành kiểm tra chứng từ gốc, đảm bảo các khoản chi phí là có thực.

**Kết quả:** Xem chi tiết tại G8-1: Giá vốn hàng bán, G8-2: Chi phí tài chính, G8-3: Chi phí bán hàng, G8-4: Chi phí quản lý doanh nghiệp, G8-5: Chi phí khác. Bảng kê phân tích tài khoản đối ứng các khoản mục chi phí.

**Kết luận:**

Sau quá trình kiểm tra tài khoản đối ứng và đối chiếu với các phần hành liên quan, KTV nhận thấy các một khoản tăng đột biến tháng 12, đối ứng với tài khoản 334. Nguyên nhân là do khoản trích quỹ dự phòng tiền lương. KTV đã đối chiếu với biên bản họp hội đồng quản trị và quyết định trích của đơn vị.

Tổng quỹ lương thực hiện trong năm là 57.916.000.067 đồng. Như vậy theo Chương II, điều 6, mục 2.5, thông tư 123/TT-BTC thì quỹ dự phòng lương do doanh nghiệp quyết định nhưng không quá 17% quỹ lương thực hiện.

Vậy: Quỹ lương thực hiện được trích (6 tỷ đồng)  $\leq 57.916.000.067 \times 17\% = 9.845.720.011$  đồng

Ngoài ra, các tài khoản đối ứng liên quan KTV cũng đã đối chiếu và khớp đúng với phần hành tương ứng tài khoản đó.

KTV cũng tập trung kiểm tra chi tiết 5 tháng đầu TK 635 và TK 811 (tháng 12). Vì các tháng này số phát sinh lớn.

Còn các giá trị các TK đối ứng của TK chi phí còn lại thì tương đối ổn định.

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G8-1</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG VỚI TÀI KHOẢN 632**

Đvt: Đồng

Sum of No	Doi ung			Sum of Co
Thang	155	1561	Grand Total	911
1	22.564.247.751	0	22.564.247.751	22.564.247.751
2	32.599.520.537	0	32.599.520.537	32.599.520.537
3	42.746.957.790	0	42.746.957.790	42.746.957.790
4	39.318.924.720	0	39.318.924.720	39.318.924.720
5	39.159.245.879	0	39.159.245.879	39.159.245.879
6	32.847.341.835	0	32.847.341.835	32.847.341.835
7	33.918.465.173	0	33.918.465.173	33.918.465.173
8	28.581.379.611	0	28.581.379.611	28.581.379.611
9	22.054.412.907	0	22.054.412.907	22.054.412.907
10	26.147.734.494	0	26.147.734.494	26.147.734.494
11	30.790.653.311	3.578.863.613	34.369.516.923	34.369.516.923
12	35.373.924.551	1.928.931.807	37.302.856.358	37.302.856.358
<b>Grand Total</b>	<b>386.102.808.557</b>	<b>5.507.795.420</b>	<b>391.610.603.976</b>	<b>391.610.603.976</b>

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G8-2</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG VỚI TÀI KHOẢN 635**

Đvt: Đồng

Sum of No	Doi ung					Sum of Co
Tháng	112	311	331	3388	Grand Total	911
1	7.708.146	20.441.484	45.590.961	1.533.025.880	1.606.766.471	1.606.766.471
2	7.293.218	3.952.698	40.714.920	1.266.200.900	1.318.161.735	1.318.161.735
3	13.716.099	0	59.262.401	1.087.120.907	1.160.099.406	1.160.099.406
4	4.421.057	0	12.527.763	1.309.133.808	1.326.082.628	1.326.082.628
5	1.871.617	0	5.682.911	1.177.719.297	1.185.273.825	1.185.273.825
6	3.689.732	18.727.188	6.348.734	925.286.915	954.052.568	954.052.568

*Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ*

Sum of No	Doi ung					Sum of Co
Tháng	112	311	331	3388	Grand Total	911
7	4.747.653	2.614.751	7.827.380	619.679.484	634.869.267	634.869.267
8	1.142.234	6.292.950	6.464.735	703.475.702	717.375.620	717.375.620
9	6.285.185	46.523.457	15.746.246	612.790.827	681.345.714	681.345.714
10	6.201.147	4.495.770	23.948.928	465.998.841	500.644.686	500.644.686
11	1.509.692	4.429.418	4.340.693	468.729.306	479.009.108	479.009.108
12	1.706.258	3.216.558	13.043.369	603.352.031	621.318.215	621.318.215
<b>Grand Total</b>	<b>60.292.035</b>	<b>110.694.273</b>	<b>241.499.037</b>	<b>10.772.513.895</b>	<b>11.184.999.240</b>	<b>11.184.999.240</b>

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G8-3</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG VỚI TÀI KHOẢN 641**

Dvt: Đồng

Sum of No	Doi ung					Sum of Co
Thang	1111	11212	21413	331	Grand Total	911
1	18.611.114	128.181.818	3.977.289	211.033.427	361.803.647	361.803.647
2	37.452.546	29.181.818	3.977.289	296.177.106	366.788.759	366.788.759
3	41.104.773	15.000.000	3.977.289	412.866.390	472.948.452	472.948.452
4	31.286.046	12.000.000	3.977.289	372.630.986	419.894.321	419.894.321
5	26.309.796	18.000.000	3.977.289	398.132.750	446.419.835	446.419.835
6	37.755.954	0	3.977.289	317.881.044	359.614.287	359.614.287

*Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ*

Sum of No	Doi ung					Sum of Co
Thang	1111	11212	21413	331	Grand Total	911
7	36.420.614	45.000.000	3.977.289	329.225.045	414.622.947	414.622.947
8	19.963.910	0	3.977.289	263.119.158	287.060.357	287.060.357
9	23.173.296	0	3.977.289	203.419.943	230.570.528	230.570.528
10	22.042.227	7.500.000	3.977.289	259.075.647	292.595.163	292.595.163
11	35.621.114	0	3.977.289	313.725.906	353.324.309	353.324.309
12	18.914.742	0	3.977.292	318.809.963	341.701.997	341.701.997
<b>Grand Total</b>	<b>348.656.130</b>	<b>254.863.635</b>	<b>47.727.471</b>	<b>3.696.097.362</b>	<b>4.347.344.598</b>	<b>4.347.344.598</b>

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G8-4</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG VỚI TÀI KHOẢN 642**

Đvt: Đồng

Sum of No	Doi ung					
Thang	111	112	142	153	214	242
1	178.025.298	17.439.410	0	48.157.227	12.384.387	1.070.001
2	230.220.123	174.742.167	0	19.815.000	12.384.387	1.070.001
3	176.708.913	88.026.539	0	2.250.000	12.384.387	1.070.001
4	382.480.986	19.985.877	0	75.000	12.384.387	1.070.001
5	323.482.511	89.630.855	0	0	12.384.387	1.070.001
6	199.415.171	132.315.018	21.480.000	0	12.384.387	1.070.001



*Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ*

Sum of No	Doi ung					
Thang	111	112	142	153	214	242
7	328.594.707	111.068.030	21.480.000	38.025.000	12.384.387	1.070.001
8	284.665.238	331.580.126	21.480.000	0	12.384.387	1.070.001
9	308.758.547	13.940.819	21.480.000	6.750.000	12.384.387	1.070.001
10	243.320.184	9.636.506	26.465.360	0	12.384.387	1.070.001
11	288.727.481	10.880.550	28.201.610	0	12.384.387	1.070.001
12	266.459.736	40.330.526	28.201.610	0	12.384.387	1.607.501
<b>Grand Total</b>	<b>3.210.858.893</b>	<b>1.039.576.419</b>	<b>168.788.579</b>	<b>115.072.227</b>	<b>148.612.644</b>	<b>13.377.512</b>

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

Sum of No	Doi ung (Tiếp theo)					Sum of Co
Thang	331	333	334	338	Grand Total	911
1	0	4.500.000	639.768.935	46.646.702	947.991.959	947.991.959
2	0	0	593.029.601	47.526.774	1.078.788.053	1.078.788.053
3	112.500.000	0	808.818.395	51.376.107	1.253.134.341	1.253.134.341
4	28.470.000	0	720.858.716	50.203.584	1.215.528.551	1.215.528.551
5	91.980.000	0	585.133.400	59.631.986	1.163.313.138	1.163.313.138
6	12.000.000	196.180.989	571.399.487	59.268.015	1.205.513.067	1.205.513.067
7	0	0	647.686.452	59.250.446	1.219.559.022	1.219.559.022
8	3.000.000	0	696.822.918	57.959.955	1.408.962.624	1.408.962.624
9	0	539.052.287	437.729.868	55.384.143	1.396.550.051	1.396.550.051
10	0	0	410.105.544	56.215.445	759.197.426	759.197.426
11	14.625.000	196.180.988	524.034.144	58.688.849	1.134.793.008	1.134.793.008
12	126.603.750	0	7.329.168.452	57.303.960	7.862.059.920	7.862.059.920
<b>Grand Total</b>	<b>389.178.750</b>	<b>935.914.263</b>	<b>13.964.555.909</b>	<b>659.455.964</b>	<b>20.645.391.158</b>	<b>20.645.391.158</b>

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G8-5</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG VỚI TÀI KHOẢN 811**

Đvt: Đồng

Sum of No	Doi ung					Sum of Co/Doi ung
Thang	111	152	155	211	Grand Total	911
2	0	8.520.956	0	0	8.520.956	8.520.956
3	0	1.109.804	0	0	1.109.804	1.109.804
4	0	36.112.500	0	0	36.112.500	36.112.500
5	0	1.179.213	0	0	1.179.213	1.179.213
6	0	192.037.770	0	17.340.510	209.378.280	209.378.280
7	0	15.857.550	0	159.933.072	175.790.622	175.790.622

*Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ*

Sum of No	Doi ung					Sum of Co/Doi ung
Thang	111	152	155	211	Grand Total	911
9	5.775.000	0	75.141.344	0	80.916.344	80.916.344
10	0	250.853.328	0	0	250.853.328	250.853.328
11	0	1.104.051.524	0	0	1.104.051.524	1.104.051.524
12	0	989.553.129	3.608.153	314.333.126	1.307.494.408	1.307.494.408
<b>Grand Total</b>	<b>5.775.000</b>	<b>2.599.275.773</b>	<b>78.749.497</b>	<b>491.606.708</b>	<b>3.175.406.977</b>	<b>3.175.406.977</b>

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G9</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**Thử nghiệm chi tiết 3:** Kiểm tra nghiệp vụ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm, kiểm tra lại cách tính toán.

**Kết quả:** Xem chi tiết tại G9-1. Bảng kiểm tra chênh lệch tỷ giá

**Kết luận:**

Qua bảng kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ chênh lệch tỷ giá, KTV kết luận các nghiệp vụ tỷ giá và chênh lệch bán ngoại tệ đã kiểm tra chính xác. Đã kiểm tra và khớp với chứng từ gốc.

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G9-1</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG KIỂM TRA CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ**

Đvt: Đồng

Ngày tháng	Nội dung	TK	Số liệu thu thập từ sổ chi tiết	Tỷ giá thực tế	Tỷ giá nhận nợ	Số nguyên tệ (USD)	Lỗi tỷ giá được tính lại	Ghi chú
05/01/2012	Lỗi chênh lệch tỷ giá L/C 039 ID – H25FBA/49.500kg (Indovinabank)	1122	3.872.182	21.063	20.857	18.797	3.872.182	
24/01/2012	Lỗi chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ 50.000 USD	1122	41.250.000	20.850	20.025	50.000	41.250.000	
31/01/2012	Bổ sung chênh lệch trả nợ vay USD 39.039 (Indovinabank)	31123	53.783.712	20.828	21.020	66.564	53.783.712	

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

21/02/2012	Trả nợ vay 58.558 USD (Indovinabank) ngày 02/01/2012	1122	14.756.616	20.850	20.598	58.558	14.756.616	
14/04/2012	Thu tiền từ AbshipsJP 28.768 USD (Sacombank CN CT)	1122	7.192.000	20.760	20.510	28.768	7.192.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	
13/08/2012	Trả nợ vay 75.000 USD (Sacombank CN CT) ngày 21/05/2012	1122	3.750.000	20.880	20.830	75.000	3.750.000	
31/08/2012	Bổ sung chênh lệch trả nợ vay USD 84.765 (Sacombank CN CT)	31122	2.542.950	20.880	20.850	84.765	2.542.950	
02/09/2012	Thanh toán HĐ số 15/ABC-SNC/12 (Kacsuphi_NB)	1122	19.078.000	20.828	20.628	95.390	19.078.000	
30/11/2012	Chênh lệch tỷ giá L/C 475 SC – L270A / 70.000kg	331	25.798.500	20.870	20.765	245.700	25.798.500	

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G10</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**Thử nghiệm chi tiết 4:** Ước tính chi phí lãi vay trong kỳ

**Kết quả:** Chi phí lãi vay được ghi nhận là phù hợp.

**BẢNG ƯỚC TÍNH CHI PHÍ LÃI VAY TRONG NĂM 2012**

Đvt: Đồng

	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>Vay dài hạn</b>
Tháng /Số dư đầu kỳ	<b>65.563.655.325</b>	<b>33.795.124.500</b>
1	32.377.139.765	-
2	38.587.478.705	-
3	50.196.290.853	-
4	26.115.864.141	-
5	31.342.318.085	-
6	30.837.166.085	-
7	26.715.010.223	-
8	32.506.716.678	-
9	27.703.683.866	-
10	20.427.960.906	-
11	16.056.635.337	-
12	25.764.057.086	-
Số dư lãi bình quân	<b>28.846.081.757</b>	<b>33.795.124.500</b>
Lãi suất bình quân	<i>14,5%/năm</i>	<i>19%/năm</i>
Ước tính lãi	4.182.681.855 (1)	6.421.073.655 (2)
Tổng lãi KTV ước tính	(1)+(2) = <b>10.603.755.510</b>	
Số đơn vị	(3) = <b>10.772.513.895</b>	
Chênh lệch	(3)-[(1)+(2)] = <b>168.758.385</b>	



**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G11</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**Thử nghiệm chi tiết 5:** Kiểm tra phương pháp tính giá xuất kho của đơn vị có phù hợp với công bố hay không.

**Kết quả:** Xem chi tiết Bảng kiểm tra giá xuất trong năm 2012

**BẢNG KIỂM TRA GIÁ XUẤT TRONG NĂM 2012**

Dvt: Đồng

<b>TÊN THÀNH PHẨM</b>	<b>GIÁ TRỊ XUẤT TRÊN BÁO CÁO XUẤT NHẬP TỒN (1)</b>	<b>GIÁ TRỊ XUẤT THEO ĐƠN GIÁ BÌNH QUÂN (2)</b>	<b>CHÊNH LỆCH (1)-(2)</b>
Bao KPK	112.973.493.576	112.875.362.156	98.131.420
Bao PK	68.097.347.853	68.057.172.761	40.175.092
Bao KP	41.986.441.489	41.951.655.181	34.786.308
Bao PP	139.830.567.451	139.716.222.102	114.345.349
Bao gạo hồng	867.209.871	792.078.421	75.131.450
Bao gạo màu tạp	980.375.913	980.257.983	117.930
Bao gạo trắng	876.359.071	876.359.071	0
Bao KP không in	905.785.619	905.785.619	0
Bao PP	20.365.093.675	20.365.093.675	0
Bao vàng	320.984.675	320.443.802	540.873
<b>Tổng</b>	<b>387.203.659.193</b>	<b>386.838.430.771</b>	<b>363.228.422</b>

**Kết luận:** Tỷ lệ chênh lệch =  $(363.228.422/387.203.659.193) \times 100 = 0,09\%$ . Do chênh lệch nhỏ, KTV có thể kết luận phương pháp tính giá xuất kho của đơn vị đúng như công bố.

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G12</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**Thử nghiệm chi tiết 6:** Kiểm tra việc khóa sổ khoản mục chi phí trước và sau 10 ngày kết thúc niên độ 2012.

**Kết quả:** Xem chi tiết tại G12-1 và G12-2.

**Kết luận:**

Sau khi chọn mẫu chứng từ thuộc chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, KTV nhận thấy ngoại trừ khoản thanh toán HĐ 24H/12/145 thuộc chi phí bán hàng (\*) thì các chứng từ gốc kèm theo là hợp lệ, đúng niên độ. Khoản (\*) sau khi trao đổi, là khoản chi phí quảng cáo cho tháng 12, và có Biên bản thanh lý hợp đồng số 24H/12/145 ngày 2/1/2013, do kế toán doanh nghiệp nghĩ chưa thanh toán nên không hạch toán chi phí trong kỳ, hợp đồng đã được thực hiện và KTV đề nghị đơn vị thực hiện trích lại chi phí trong năm.

Bút toán trích trước chi phí của KTV đề nghị:

**Nợ TK 641 55.000.000 đồng**

**Có TK 331 55.000.000 đồng**

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G12-1</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CHI PHÍ BÁN HÀNG TRƯỚC VÀ SAU 10  
NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN NĂM 2012**

Dvt: Đồng

<b>Ngày</b>	<b>Số chứng từ</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Kiểm tra</b>
22/12/2012	C0680/12	Thanh tiền dịch vụ mua ngoài (Nước uống,...)	2.100.000	✓
22/12/2012	C0685/12	Thanh tiền công tác phí (Tân)	5.230.000	✓
24/12/2012	C0689/12	Thanh tiền sửa xe phục vụ bán hàng	3.000.000	✓
25/12/2012	SCB042	Thanh tiền công bố thương hiệu	12.000.000	✓
26/12/2012	C0701/12	Thanh tiền công tác phí (Nghiêm)	12.321.943	✓
27/12/2012	Z12- 1VCVB	Thanh tiền chi phí vận chuyển vỏ bao trong tháng 12	56.324.000	✓
28/12/2012	C0795/12	Thanh tiền phí cầu đường	6.423.537	✓
28/12/2012	C0798/12	Thanh tiền công tác phí (Tân)	3.745.245	✓
29/12/2012	C0857/12	Thanh toán tiền nhiên liệu và chi phí vỏ bao	20.652.190	✓
31/12/2012	Z12- 2VCVB	Thanh toán chi phí vận chuyển vỏ bao tháng 12/2012 (thanh phần còn lại)	119.699.847	✓
02/01/2013	C0001/01	Thanh tiền ăn uống nhân viên bán hàng	3.145.000	α

***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	Số tiền	Kiểm tra
02/01/2013	SCB045	Thanh tiền quảng cáo sản phẩm theo HĐ 24H/12/145-2012	55.000.000 (*)	G12-1/1
03/01/2013	SCB001	Đăng quảng cáo xuân Quý Ty 2013	50.000.000	$\alpha$
03/01/2013	C0019/01	Thanh tiền công tác phí (Tân)	2.242.335	$\alpha$
04/01/2013	SBC019	Chi Hội nghị khách hàng đầu năm mới	15.234.000	$\alpha$
05/01/2013	C0029/01	Thanh toán tiền nhiên liệu đợt 1	7.244.000	$\alpha$
06/01/2013	C0041/01	Thanh toán tiền sửa xe, biển 65M0090 (thay kèn)	4.298.000	$\alpha$
07/01/2013	C0049/01	Thanh tiền công tác phí (Nghiem)	23.125.000	$\alpha$
08/01/2013	C0056/01	Thanh toán tiền nhiên liệu đợt 2	3.124.000	$\alpha$
09/01/2013	C0059/01	Thanh tiền công tác phí (Tân)	3.145.465	$\alpha$
11/01/2013	C0063/01	Thanh tiền công tác giao vỏ bao tháng 1	134.367.231	$\alpha$

Ghi chú:

✓: Khớp với chứng từ gốc năm 2012

$\alpha$ : Khớp với chứng từ gốc năm 2013



24H ONLINE ADVERTISING JOINT STOCK COMPANY  
16<sup>th</sup> floor – HITTC building, K1-Hao Nam, Dong Da dist., Hanoi.  
Tel: (84-4) 3512 1805 Fax: (84-4) 3512 1804  
Website: www.24h.com.vn

**HỢP ĐỒNG QUẢNG CÁO TRÊN MẠNG INTERNET**

**Số: 24H/12/145**

Căn cứ Luật Thương mại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.  
Sau khi xem xét yêu cầu của **CÔNG TY CỔ PHẦN ABC** và khả năng cung cấp dịch vụ quảng cáo của **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO TRỰC TUYẾN 24H**.

Hôm nay, ngày 21 tháng 12 năm 2012, chúng tôi gồm:

**Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ABC**

Đại diện: **Mr. Nguyễn Hoàng Phúc**

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: 53, Đ. CMTT, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: 084-0710.3821886 Fax: 084-07103821143

Tài khoản số: 6420201008775

Tại Ngân hàng: Ngân hàng AGBank-CT

**Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO TRỰC TUYẾN 24H**

Đại diện: **Mr. Phan Minh Tâm**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: P1401-1404, TT GD CNTT Hà Nội, K1 Hào Nam, Giảng Võ, P. Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 04.35121805 Fax: 04.35121804

Tài khoản số: 00135121805002

Tại Ngân hàng: TMCP Tiền Phong - Hội sở chính Hà Nội

Mã số thuế: 0101513142

**Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ quảng cáo với nội dung như sau:**

**ĐIỀU I: DỊCH VỤ CUNG CẤP**

Bên B cung cấp dịch vụ quảng cáo cho Bên A như sau:

<b>QUẢNG CÁO CHO SP Bao ABC</b>					
<b>Vị trí banner</b>	<b>S.Lượng (Banner)</b>	<b>Kích thước (Pixel)</b>	<b>Thời gian (Tuần)</b>	<b>Đơn giá (VND/tuần)</b>	<b>Thành tiền (VND)</b>
Banner bên phải cố định 2, mục TIN TỨC, chia sẻ 3, web: 24h.com.vn	1	210*480	01 tuần (từ 25/12- 31/12/12)	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>					50.000.000
Thuế GTGT 10%					5.000.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>55.000.000</b>

Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng (chẵn)

<b>PHẦN ƯU ĐÃI</b>				
Banner trung tâm 1, chuyên mục THỊ TRƯỜNG, chia sẻ 3	2	210*120	Trong thời gian quảng cáo	<i>Miễn phí</i>
Đăng bài viết giữa chuyên mục TÀI CHÍNH, 24h.com.vn	1		Trong thời gian quảng cáo	<i>Miễn phí</i>

Banner được thiết kế theo kiểu theo kiểu GIF động (không quá 40kb). Không sử dụng thiết kế flash. Trong thời gian quảng cáo, bên A chỉ được thay đổi, chỉnh sửa thiết kế 02 (hai) lần tối đa. Lần kế từ khi Bên B thiết kế lần đầu cho bên A. Quá số lần chỉnh sửa trên, bên A phải chịu chi phí thiết kế.

## **ĐIỀU II: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

2.1 Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng sau khi đăng Banner 2 ngày.

2.2 Bên B phát hành hóa đơn GTGT cho bên A ngay sau khi Bên A hoàn tất việc thanh toán.

2.3 Bên A phải đảm bảo thanh toán cho bên B theo đúng thời gian ghi trong hợp đồng. Nếu việc thanh toán bị chậm hơn, bên A phải chịu phạt lãi quá hạn là 0.09% tổng giá trị hợp đồng đối với mỗi ngày thanh chậm toán.

2.4 Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản về tài khoản số 001 3512 1805 002 của Công ty cổ phần quảng cáo trực tuyến 24H, tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong-Hội sở chính Hà Nội. Phương thức thanh toán này là duy nhất và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

**ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A**

- 3.1 Cung cấp đầy đủ thông tin để thiết banner 02 ngày trước khi đăng.
- 3.2 Không được sử dụng các dịch vụ Internet vào mục đích gây rối trật tự xã hội, phá hoại an ninh quốc gia, làm tổn hại thuần phong mỹ tục hay kinh doanh bất hợp pháp.
- 3.3 Bên A có trách nhiệm theo dõi việc đưa banner lên website.
- 3.4 Tối đa 05 ngày, kể từ ngày kết thúc việc đưa banner, bên A không có thắc mắc, khiếu nại (bằng văn bản) thì được hiểu là hai bên đã cùng nhất trí nghiệm thu xong hợp đồng.
- 3.5 Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin quảng cáo.
- 3.6 Tuân thủ theo các quy định pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp bản quyền.
- 3.7 Tuân thủ theo các quy định của Nhà nước về sử dụng dịch vụ Internet và các điều khoản quy định trong hợp đồng này. Trong trường hợp có vi phạm, Bên A sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

**ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM BÊN B**

- 4.1 Hoàn thành việc đưa banner của bên A lên website theo đúng thời gian đăng quảng cáo tại Điều I.
- 4.2 Cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng
- 4.3 Nhanh chóng giải quyết các khiếu nại của bên A về chất lượng dịch vụ trong phạm vi trách nhiệm của bên B.
- 4.4 Hướng dẫn bên A thực hiện đúng các quy trình khai thác dịch vụ và các quy định của pháp luật hiện hành.
- 4.5 Có quyền đơn phương tạm ngừng hoặc chấm dứt thực hiện hợp đồng trong trường hợp bên A sử dụng dịch vụ không theo đúng các cam kết trong hợp đồng này.
- 4.6 Bên B không chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin trên các trang website được liên kết từ các đường links và các banner của bên A.

**ĐIỀU V: TẠM NGỪNG, TẠM CẮT, HỦY, THAY ĐỔI HỢP ĐỒNG**

**5.1 Tạm ngưng**

-Bên B sẽ tạm ngưng một hoặc tất cả dịch vụ trong hợp đồng này sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của bên A.

-Thời gian tạm ngưng dịch vụ không quá 7 ngày tính từ ngày bên B nhận được văn bản của bên A.

-Nếu quá thời gian tạm ngưng nói trên, bên A không đưa quảng cáo lên thì bên B có quyền tính tiền những ngày ngưng nói trên như có đăng quảng cáo.

**5.2 Tạm cắt**

-Bên B sẽ tạm cắt dịch vụ của bên A nếu bên A vi phạm một trong các điều khoản qui định trong hợp đồng này.

-Dịch vụ chỉ được bên B mở lại trong trường hợp bên A chấm dứt việc vi phạm các điều khoản qui định trong hợp đồng này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên B về việc vi phạm.

-Nếu việc tạm cắt dẫn đến việc hủy hợp đồng do lỗi của bên A thì bên A phải thanh toán cho bên B theo quy định tại mục 5.3. Trong thời gian bên A vi phạm, bên A vẫn phải thanh toán phí quảng cáo.

### 5.3 Hủy hợp đồng

Nếu bên A đơn phương hủy hợp đồng trước thời hạn, thì bên A phải thanh toán cho bên B tiền quảng cáo trong thời gian bên B đã đăng theo mức giá tương ứng với khoản thời gian đó. Ngoài ra bên A còn phải thanh toán cho bên B tiền thiệt hại bằng 50% giá trị hợp đồng chưa thực hiện.

### 5.4 Những thay đổi khác

-Trường hợp bên A thay đổi vị trí, kích thước, thời gian đăng banner, phải có văn bản đề nghị bên B trước 5 ngày để giải quyết. Nếu sự thay đổi dẫn đến giảm giá trị hợp đồng thì bên A phải thanh toán thêm 50% giá trị chênh lệch hợp đồng khi thay đổi.

-Trường hợp bất khả kháng (thiên tai, bão lụt, khủng bố, Nhà nước dừng hoạt động của website,...) bên B được quyền ngừng cung cấp dịch vụ mà không phải chịu phạt. Khi đó bên A chỉ phải trả tiền dịch vụ trong thời gian chưa gián đoạn.

-Trường hợp website bị gián đoạn trên diện rộng do sự cố của đơn vị cung cấp dịch vụ Internet, bên B sẽ có trách nhiệm bù số ngày quảng cáo bị gián đoạn cho bên A ngay sau khi khắc phục được sự cố.

## **ĐIỀU VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

6.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng, bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

6.2 Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc gì thì hai bên chủ động thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau. Nếu hai bên không tự giải quyết được sẽ thống nhất chuyển vụ việc tới Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

6.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết thời hạn đặt banner tại Điều I. Khi hợp đồng hết hiệu lực, nếu hai bên tiếp tục gia hạn hợp đồng, hai bên sẽ ký kết phụ lục gia hạn hợp đồng theo bảng giá của thời điểm ký phụ lục.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau: Bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(ĐÃ KÝ)

*Nguyễn Hoàng Phúc*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(ĐÃ KÝ)

*Phan Minh Tâm*



**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G12-2</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP  
TRƯỚC VÀ SAU 10 NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN NĂM 2012**

ĐVT: Đồng

<b>Ngày</b>	<b>Số chứng từ</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Kiểm tra</b>
22/12/2012	C0861/12	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe	8.124.500	✓
23/12/2012	LPB12	Phân bổ chi phí bảo hiểm bắt buộc năm 2012	16.400.000	✓
24/12/2012	C0687/12	Thanh tiền công tác phí	24.144.000	✓
26/12/2012	C0700/12	Thanh toán tiền nhiên liệu và chi phí công tác	12.245.000	✓
27/12/2012	C0714/12	Thanh toán tiền tiếp khách	5.524.000	✓
28/12/2012	C0787/12	Tiền photo, văn phòng phẩm tháng 12/2012	3.450.000	✓
29/12/2012	C0859/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	7.523.235	✓
30/12/2012	C0861/12	Thanh tiền sản phẩm BKAV	2.120.000	✓
31/12/2012	C0869/12	Thanh toán tiền ăn ca tháng 12	31.815.000	✓
31/12/2012	C0899/12	Thanh tiền lương tháng 12	412.852.109	✓
02/01/2013	C0002/01	Thanh toán tiền nhiên liệu công tác	17.235.000	α
02/01/2013	C0006/01	Thanh tiền mé, không chế cây xanh trong công ty	3.450.000	α
03/01/2013	C0011/01	Thanh tiền tiếp khách	2.750.000	α

***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

Ngày	Số chứng từ	Nội dung	Số tiền	Kiểm tra
04/01/2013	C0015/01	Thanh tiền báo Quý 1	7.800.000	$\alpha$
05/01/2013	C0020/01	Thanh tiền bơm mực và sửa máy in	2.900.000	$\alpha$
06/01/2013	C0025/01	Thanh toán tiền nhiên liệu công tác	8.000.000	$\alpha$
07/01/2013	C0035/01	Thanh tiền chi phí mừng Xuân 2013	15.470.000	$\alpha$
08/01/2013	C0042/01	Thanh toán tiền tiếp khách	3.145.000	$\alpha$
09/01/2013	L03/CCDC	Xuất tivi LCD + khung (Phòng khách)	41.000.000	$\alpha$
10/01/2013	C0060/01	Chi phí tiếp ,khách	2.500.000	$\alpha$
11/01/2013	C0065/01	Chi phí nhiên liệu + chi phí công tác	13.124.500	$\alpha$

Ghi chú:

✓: Khớp với chứng từ gốc năm 2012

$\alpha$ : Khớp với chứng từ gốc năm 2013

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G13</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CP ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**Thử nghiệm chi tiết 7:** Chọn mẫu kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc với các khoản mục chi phí. Chú ý các số tiền lớn.

**Kết quả:** Xem chi tiết tại G13-1: Chi tiết chi phí tài chính, G13-2: Chi tiết chi phí bán hàng, G13-3: Chi tiết quản lý doanh nghiệp, G13-4: Chi tiết chi phí khác.

**Kết luận:**

Đầy đủ các chứng từ kèm theo. Các khoản mục chi phí được ghi chép là hiện hữu, đầy đủ và ghi chép chính xác, đảm bảo mục tiêu quyền và nghĩa vụ.

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G13-1</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**KIỂM TRA CHI TIẾT TÀI KHOẢN 635**

Đvt: Đồng

Số CT	Ngày	Diễn giải	Đối tượng	TK ĐƯ	Số PS Nợ	Kiểm tra
HALAI01	31/01/2012	Tính lãi vay tháng 01/2012	VietinBank	338811	197.042.537	✓
HALAI01	31/01/2012	Tính lãi vay tháng 01/2012	Sacombank Cần thơ	338811	197.388.824	✓
HALAI01	31/01/2012	Tính lãi vay tháng 01/2012	Indovina bank	338811	117.213.384	✓
HALAI01	31/01/2012	Tính lãi vay tháng 01/2012	CTy MBN & TSTĐ Của DN	338812	159.133.334	✓
HALAI01	31/01/2012	Tính lãi vay tháng 01/2012	CTy MBN & TSTĐ Của DN	338812	283.656.818	✓
HALAI02	29/02/2012	Tính lãi vay tháng 02/2012	Sacombank Cần thơ	338811	277.099.113	✓
HALAI02	29/02/2012	Tính lãi vay tháng 02/2012	VietinBank	338811	374.118.717	✓

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

HALAI02	29/02/2012	Tính lãi vay tháng 02/2012	Indovina bank	338811	200.760.024	✓
HALAI02	29/02/2012	Tính lãi vay tháng 02/2012	CTy MBN & TSTĐ Của DN	338812	148.866.668	✓
HALAI02	29/02/2012	Tính lãi vay tháng 02/2012	CTy MBN & TSTĐ Của DN	338812	265.356.378	✓
...	...	...	...	...	...	...
HLAI10	31/10/2012	Tính lãi vay T.10/2012	Sacombank Cần thơ	338811	75.744.401	✓
HLAI10	31/10/2012	Tính lãi vay T.10/2012	VietinBank	338811	169.246.263	✓
HLAI10	31/10/2012	Tính lãi vay T.10/2012	Indovina bank	338811	15.174.845	✓
HLAI10	31/10/2012	Tính lãi vay T.10/2012	CTy MBN & TSTĐ Của DN	338812	205.833.333	✓
HLAI11	30/11/2012	Tính lãi vay T.11/2012	VietinBank	338811	198.211.496	✓
HLAI11	30/11/2012	Tính lãi vay T.11/2012	Sacombank Cần thơ	338811	87.434.478	✓
HLAI11	30/11/2012	Tính lãi vay T.11/2012	CTy MBN & TSTĐ Của DN	338812	183.083.333	✓
HLAI12	31/12/2012	Tính lãi vay đến 31/12/2012	VietinBank	338811	75.431.028	✓
HLAI12	31/12/2012	Tính lãi vay đến 31/12/2012	Sacombank Cần thơ	338811	25.090.571	✓
HLAI12	31/12/2012	Tính lãi vay đến 25/12/2012	VietinBank	338811	226.757.688	✓
HLAI12	31/12/2012	Tính lãi vay đến 25/12/2012	Sacombank Cần thơ	338811	108.426.912	✓

✓ : Đã kiểm tra khớp với phiếu tính lãi, giấy báo của đơn vị và Ngân hàng

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G13-2</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**KIỂM TRA CHI TIẾT TÀI KHOẢN 641**

Đvt: Đồng

Số CT	Ngày viết	Diễn giải	TK ĐƯ	Số PS Nợ	Kiểm tra
SCB014	10/01/2012	Đăng quảng cáo xuân Nhâm Thìn 2012	11212	45.000.000	✓
SCB028	16/01/2012	Thanh tiền quảng cáo theo HĐ 08/2011	11212	30.000.000	✓
C0063/01	31/01/2012	Thanh tiền công tác phí	1111	3.180.000	✓
C0063/01	31/01/2012	Thanh tiền sửa xe 65N-0090	1111	2.189.660	✓
Z01VCVB	31/01/2012	Vận chuyển vỏ bao tháng 01/2012	331	122.441.640	✓
Z01VCVB	31/01/2012	Vận chuyển vỏ bao tháng 01/2012	331	88.591.787	✓
Z01KHCB	31/01/2012	KHCB tháng 01/2012	21413	3.977.289	✓
SCB033	08/02/2012	Thanh tiền quảng cáo	11212	8.181.818	✓
SCB042	14/02/2012	Thanh tiền công bố thương hiệu	11212	12.000.000	✓
SCB049	20/02/2012	Thanh tiền đăng thông tin Đại hội cổ đông năm 2012	11212	9.000.000	✓
C0119/02	29/02/2012	Thanh toán tiền nhiên liệu và chi phí vỏ bao T.02/2012	1111	22.250.046	✓

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

C0119/02	29/02/2012	Thanh toán tiền công tác phí giao vở bao T.02/2012	1111	4.740.000	✓
SCB103	02/03/2012	Chi tài trợ chương trình Giao lưu – Nghệ thuật “Những trái tim đồng cảm”	11212	15.000.000	✓
C0171/03	22/03/2012	Thanh toán chi phí quay truyền hình	1111	3.000.000	✓
C0195/03	31/03/2012	Thanh tiền nhiên liệu và chi phí vở bao T.03/2012	1111	29.113.637	✓
C0195/03	31/03/2012	Thanh toán tiền công tác phí giao vở bao T.03/2012	1111	6.210.000	✓
Z03KHCB	31/03/2012	KHCB tháng 03/2012	21413	3.977.289	✓
SCB208	24/04/2012	Thanh tiền QC theo HĐ số 07/2012	11212	12.000.000	✓
C0257/04	27/04/2012	Thanh tiền nhiên liệu và chi phí vở bao T.04/2012	1111	25.922.046	✓
C0257/04	27/04/2012	Thanh tiền công tác phí giao vở T.04/2012	1111	4.560.000	✓
SCB236	14/05/2012	Thanh tiền QC theo HĐ 74-12/ĐTCK	11212	18.000.000	✓
HCPQC	23/05/2012	Thanh tiền phát sóng truyền hình	331	9.000.000	✓
...	...	...	...	...	...
C0565/08	31/08/2012	Thanh toán tiền công tác	1111	2.760.000	✓
C0639/09	29/09/2012	Thanh tiền nhiên liệu và chi phí vở bao	1111	18.383.796	✓
C0639/09	29/09/2012	Thanh tiền chi phí cầu đường	1111	454.500	✓
C0639/09	29/09/2012	Thanh toán tiền thay kèn xe 65 N-0900	1111	555.000	✓
C0639/09	29/09/2012	Thanh toán tiền công tác	1111	1.680.000	✓
C0639/09	29/09/2012	Thanh toán tiền công tác	1111	1.560.000	✓
SCB571	24/10/2012	Thanh toán tiền phí giới thiệu bài viết trên sách THV Bền vững 2012	11212	7.500.000	✓
C0706/10	31/10/2012	Thanh tiền nhiên liệu và chi phí vở bao T.10/2012	1111	16.864.227	✓
Z10VCVB	31/10/2012	Chi phí vận chuyển vở bao tháng 10/2012	331	9.267.435	✓
C0741/11	15/11/2012	Thanh toán tiền đăng thông báo chi cổ tức năm 2012	1111	9.000.000	✓
C0768/11	29/11/2012	Thanh tiền nhiên liệu và chi phí vở bao T.11/2012	1111	15.136.091	✓
C0768/11	29/11/2012	Thanh toán tiền công tác	1111	3.870.000	✓
C0773/11	30/11/2012	Thanh toán tiền Q/C theo HĐ 03/HĐ 2012	1111	6.000.000	✓

✓: Đã kiểm tra với đối chiếu khớp với chứng từ gốc (giấy đề nghị thanh toán, phiếu chi, hợp đồng kinh tế/dịch vụ, hóa đơn,...)

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>		<b>G13-3</b>	
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>		Người thực hiện	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>		Người soát xét 1	
		Người soát xét 2	

**KIỂM TRA CHI TIẾT TÀI KHOẢN 642**

Đvt: Đồng

Số CT	Ngày viết	Diễn giải	TK ĐƯ	Số PS Nợ	Kiểm tra
L04/CCDC	16/01/2012	Xuất CCDC phòng chế bản in & phòng khách (bàn vi tính, bàn làm việc, salon, ghế xoay)	153	29.589.000	✓
C0040/01	18/01/2012	Thanh tiền báo Q.01/2012	1111	10.962.258	✓
C0054/01	19/01/2012	Thanh toán tiền điện thoại card tháng 01/2012	1111	7.950.000	✓
Z01CP	31/01/2012	Tiền Trang phục 2012	33413	114.000.000	✓
C0069/02	02/02/2012	Thanh toán tiền nộp án phí theo QĐ 04/2012	1111	6.000.000	✓
SCB068	08/02/2012	Thanh tiền tổng kết cuối năm 2011	11212	142.739.970	✓
C0087/02	15/02/2012	Thanh toán tiền chi phí Mừng Xuân Nhâm Thìn 2012	1111	64.644.432	✓
SCB112	07/03/2012	Thanh toán phí dịch vụ đồng xử lý chất thải ngày 29/02/2012	11212	60.000.000	✓
C0148/03	12/03/2012	Thanh toán tiền mua VPP & dụng cụ HC T.02/2012	1111	9.062.250	✓
C0202/04	03/04/2012	Thanh toán tiền mua VPP & đồ dùng văn phòng	1111	9.351.750	✓



**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

C0202/04	03/04/2012	Thanh toán tiền mua khung hình	1111	12.600.000	✓
C0212/04	09/04/2012	Thanh tiền chi phí Đại Hội Cổ Đông thông Niên 2012	1111	33.164.318	✓
C0225/04	12/04/2012	Thanh toán tiền BH xe 65N 2086	1111	17.398.637	✓
C0244/04	20/04/2012	Thanh toán tiền phát hành báo quý 02/2012 + Quý 1/2012	1111	12.070.950	✓
C0254/04	26/04/2012	Thanh toán tiền di dời cây xanh theo HĐ 05/2012 ngày 04/04/2012	1111	19.635.000	✓
C0285/05	08/05/2012	Chi hỗ trợ quà cho các cháu học sinh nghèo Q.NK (Quốc Tế Thiếu Nhi)	1111	15.000.000	✓
C0288/05	08/05/2012	Chi hỗ trợ Lễ Hội Kỳ Yên Thượng Điền, Đình Bình Thủy	1111	7.500.000	✓
C0289/05	09/05/2012	Chi ủng hộ quỹ khuyến học QBT	1111	7.500.000	✓
SCB229	10/05/2012	Hỗ trợ Xã Tân Thới , Phường Thường Thạnh 10 T xi măng	11212	23.100.000	✓
SCB244	16/05/2012	Thanh tiền áo đi ma HĐ 72986	11212	51.532.500	✓
C0318/05	23/05/2012	Thanh toán tiền BH xe 65M-11-50	1111	9.900.683	✓
C0338/05	29/05/2012	Chi tiền hỗ trợ thanh niên nhập ngũ	1111	10.500.000	✓
C0343/05	31/05/2012	Thanh toán chi phí tham dự Hội chợ Chinaplas theo QĐ 02 ngày 16/04/2012	1111	21.577.500	✓
HCPTQ	31/05/2012	Thanh toán tiền phí tham dự Hội chợ Chinaplas (Ctư PC 343/05)	331	91.980.000	✓
SCB281	04/06/2012	Thanh tiền 20 tấn xi măng	11212	45.000.000	✓
C0362/06	06/06/2012	Thanh toán tiền VPP & dụng cụ HC T.05/2012	1111	10.953.000	✓
SCB287	07/06/2012	Thanh toán tiền khám sức khỏe năm 2012 HĐ 40	11212	72.348.000	✓
C0382/06	18/06/2012	Chi tiền hỗ trợ xây dựng đồng giao thông nông thôn xã Loan Mỹ Tam Bình Vĩnh Long	1111	39.480.000	✓
...	...	...	...	...	...
C0421/07	04/07/2012	Thanh toán tiền mua VPP & đồ dùng VP T.06/2012	1111	9.698.250	✓
C0457/07	18/07/2012	Thanh tiền PHB quý 03/2012	1111	12.111.473	✓
SCB376	23/07/2012	Chi hỗ trợ kinh phí chào mừng ĐHCCB toàn quốc	11212	15.000.000	✓
C0458/07	24/07/2012	Thanh toán tiền quà cho khách hàng	1111	24.150.000	✓
SCB386	27/07/2012	Tiền cầm mốc lộ giới nâng cấp đường bê tông theo HĐ 05/2012	11212	79.848.080	✓
C0487/07	31/07/2012	Thanh tiền điện thoại card T.07/2012	1111	6.681.818	✓
C0496/08	03/08/2012	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	19.800.000	✓

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

---

SCB444	20/08/2012	Chi hỗ trợ Xây dựng nghĩa trang Liệt sỹ X.Cam Nghĩa,H cam Lộ T.Quảng trị	11212	300.000.000	✓
C0535/08	21/08/2012	Thanh toán chi phí nhiên liệu	1111	7.330.910	✓
C0539/08	21/08/2012	Chi ủng hộ công tác tuyển quân năm 2012 P. Trà Nóc	1111	12.600.000	✓
C0583/09	06/09/2012	Thanh toán tiền mua VPP & dụng cụ hành chính T.08/2012	1111	11.133.750	✓
C0629/09	26/09/2012	Thanh toán tiền văn phòng phẩm và chi phí khác tháng 09/2012	1111	10.064.250	✓
C0680/10	18/10/2012	Thanh toán tiền PHB Quý 4/2012	1111	11.965.008	✓
C0722/11	07/11/2012	Thanh toán tiền nhiên liệu & chi tiếp khách	1111	9.352.637	✓
C0739/11	14/11/2012	Chi tiền phí tham gia Câu lạc bộ thuế năm 2012	1111	9.000.000	✓
C0759/11	28/11/2012	Chi tiền hỗ trợ Hội người cao tuổi P.Trà Nóc	1111	15.000.000	✓
SCB613	13/12/2012	Thanh toán phí TV 2012 HĐ 42-2010/TVTC	11212	18.000.000	✓

✓: Đã đối chiếu và khớp với chứng từ gốc.

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)</b>	<b>G13-4</b>		
Tên khách hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ABC</b>		<b>Tên</b>	<b>Ngày</b>
Ngày khóa sổ: <b>31/12/2012</b>	Người thực hiện	Minh	22/03/2013
Nội dung: <b>Kiểm toán khoản mục chi phí</b>	Người soát xét 1		
	Người soát xét 2		

**KIỂM TRA CHI TIẾT TÀI KHOẢN 811**

Đvt: Đồng

Số	Ngày	Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	Kiểm tra
P1716	15/06/2012	Xuất bán 1102K - 1.000kg	1521	47.589.210	✓
Z06TSCD	19/06/2012	HĐ0001728 - Bán máy tạo hạt số 02 : GTCL đến ngày 31/05/2012 (năm 2002-thẻ 74- mã số AXIII003 - 01 cái )	2112	5.521.901	✓
Z06TSCD	19/06/2012	HĐ0001728 - Bán máy bơm keo 40 HP số 02 : GTCL đến ngày 31/05/2012 (năm 2003-thẻ 75- mã số AXIII004 - 01 cái )	2112	11.818.610	✓
PB1742	21/06/2012	Xuất bán Hạt tạo sợi T3034 - 3.200kg	1521	144.448.560	✓
LBHD1800	10/07/2012	Xuất bán vật tư phụ tùng thay thế (Súng dán keo,cây keo,lưỡi lam roma)	1524	1.007.550	✓
Z07TSCD	18/07/2012	HĐ0001838 - Bán Máy may dây Formular số 1 -GTCL (30/06/2012) :31.147.453 đ -Thẻ 38 - Mã số AVII001	2112	46.721.180	✓
Z07TSCD	18/07/2012	HĐ0001838 - Bán Máy may dây Kon 2000 số 2 -GTCL : 75.474.595đ -Thẻ 39 - Mã số AVII002	2112	113.211.893	✓
PB1850	23/07/2012	Xuất bán Mực xanh NS dầu 5110 - 150kg	1522	14.850.000	✓

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

...	...	...	...	...	✓
P2264	28/11/2012	Xuất bán Hạt trắng S - 11.000kg	1522	201.812.160	✓
P2273	01/12/2012	Xuất bán hạt TC - 6.200kg	1522	137.322.870	✓
PB2272	01/12/2012	Xuất bán hạt TC - 7.000kg	1522	155.041.950	✓
PB2274	01/12/2012	Xuất bán hạt TC - 6.200kg	1522	137.322.870	✓
PB2275	01/12/2012	Xuất bán hạt TC - 13.000kg	1522	287.935.050	✓
P2284	03/12/2012	Xuất bán hạt TC - 1.000kg	1522	22.148.850	✓
PB2290	04/12/2012	Xuất bán hạt trắng S - 10.000kg	1522	221.488.500	✓
PB2300	06/12/2012	Xuất bán hạt TC trắng S - 1.000kg	1522	22.148.850	✓
Z12XLKK	31/12/2012	Xử lý kiểm kê ngày 31/12/2012 : GTCL - thẻ 110 - AXVIII021 - Thiết bị tiết kiệm điện - 2005 - 4 cái	2112	93.638.736	✓
Z12XLKK	31/12/2012	Xử lý kiểm kê ngày 31/12/2012 : GTCL - thẻ 111 - AXVIII022 - Thiết bị tiết kiệm điện - 2006 - 5 cái	2112	140.205.774	✓
Z12XLKK	31/12/2012	Xử lý kiểm kê ngày 31/12/2012 : GTCL - thẻ 117 - AXVIII028 - Đường ray - 2007 - 1 cái	2112	36.425.817	✓
Z12XLKK	31/12/2012	Xử lý kiểm kê ngày 31/12/2012 : GTCL - thẻ 268 - C008 - Xe nâng tay điện - 2009 - 2 cái	2113	29.166.642	✓

✓: Đã đối chiếu và khớp với chứng từ gốc.

**Phụ lục 2. Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Đvt: Đồng

	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>147.032.803.090</b>	<b>170.387.795.590</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.271.194.123</b>	<b>10.477.479.045</b>
1. Tiền	111		2.271.194.123	10.477.479.045
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>76.415.047.146</b>	<b>89.886.942.553</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	75.286.870.844	87.438.454.120
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	615.555.012	89.033.243
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	512.621.291	2.359.455.190
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>66.364.842.665</b>	<b>67.546.370.811</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	66.364.842.665	67.650.494.061
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(104.123.250)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.981.719.156</b>	<b>2.477.003.181</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	336.064.238	101.053.182
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.7	752.896.719	124.456.536
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	892.758.200	2.251.493.463
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>140.740.857.917</b>	<b>143.072.133.566</b>

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218			-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>			<b>67.088.775.314</b>	<b>70.090.363.106</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9		67.088.775.314	69.917.150.906
<i>Nguyên giá</i>	222			222.516.258.609	223.131.634.776
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223			(155.427.483.296)	(153,214,483,870)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-	-
<i>Nguyên giá</i>	225			-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227			-	-
<i>Nguyên giá</i>	228			74.229.048	74.229.048
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229			(74.229.048)	(74.229.048)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10		-	173.212.200
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			-	-
<i>Nguyên giá</i>	241			-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			<b>72.802.529.683</b>	<b>72.802.529.683</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11		63.437.730.006	63.437.730.006
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12		9.364.799.678	9.364.799.677
4. Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	259			-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			<b>849.552.920</b>	<b>179.240.777</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13		849.552.920	179.240.777
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268			-	-

***Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ***

<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>287.773.661.007</b>	<b>313.459.929.156</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>143.527.749.692</b>	<b>174.291.146.392</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>128.527.749.692</b>	<b>139.952.056.594</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	55.217.293.524	65.563.655.325
2. Phải trả người bán	312	V.15	3.677.232.618	10.023.177.414
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	-	7.500.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.17	2.396.519.516	2.536.027.149
5. Phải trả người lao động	315	V.18	17.269.401.563	10.941.416.175
6. Chi phí phải trả	316	V.19	45.515.701.913	41.158.189.468
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	1.259.914.619	1.523.256.060
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	3.191.685.941	706.335.003
12. Quỹ thưởng ban điều hành quản lý cty	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>34.339.089.798</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	15.000.000.000	33.795.124.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	-	543.965.298
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>B/ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>144.245.911.316</b>	<b>139.168.782.764</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>144.245.911.316</b>	<b>139.168.782.764</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.499.950.000	97.499.950.000

**Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ**

2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(75.000.000)	(75.000.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.510.322.816	13.622.966.236
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.609.919.609	6.372.481.074
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.700.718.891	21.748.385.454
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>287.773.661.007</b>	<b>313.459.929.156</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			1.382.311.052	1.382.311.052
5. Ngoại tệ các loại			806.687	627.627



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Đvt: Đồng

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
1. Doanh thu BH & CCDV	01	VI.1	439.865.351.427	419.913.619.989
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH & CCDV	10	VI.1	439.865.351.427	419.913.619.989
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	391.610.603.976	373.686.114.562
5. Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	20		48.254.747.451	46.227.505.427
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.401.310.792	22.587.956.160
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.184.999.240	17.272.035.906
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.772.513.895</i>	<i>14.140.302.759</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.347.344.598	4.126.480.426
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	20.645.391.158	13.095.014.456
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	31		29.478.323.247	34.321.930.799
11. Thu nhập khác	31	VI.7	23.236.778.356	14.278.865.567
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.175.406.977	1.564.825.269
13. Lợi nhuận khác	40		20.061.371.379	12.714.040.298
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.539.694.626	47.035.971.097
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	8.291.743.482	7.035.274.857
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		41.247.951.144	40.000.696.240
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	6.346	6.154